



BẢN TIN CẢI CÁCH HÀNH CHÍNH

BẢN TIN NỘI BỘ CỦA VĂN PHÒNG BAN CHỈ ĐẠO CẢI CÁCH HÀNH CHÍNH CỦA CHÍNH PHỦ

SỐ 23/2023
Từ 12/6 - 16/6/2023

TIN NỔI BẬT CẢI CÁCH HÀNH CHÍNH

TIN TRUNG ƯƠNG

CHỈ ĐẠO NỘI DUNG

*

TS. NGUYỄN TRỌNG THỪA
THỨ TRƯỞNG BỘ NỘI VỤ
PHÓ TRƯỞNG BAN BAN CHỈ ĐẠO
CẢI CÁCH HÀNH CHÍNH
CỦA CHÍNH PHỦ

ÔNG PHẠM MINH HÙNG
VỤ TRƯỞNG
VỤ CẢI CÁCH HÀNH CHÍNH
BỘ NỘI VỤ
CHÁNH VĂN PHÒNG BAN CHỈ ĐẠO
CẢI CÁCH HÀNH CHÍNH
CỦA CHÍNH PHỦ

BIÊN TẬP VÀ TRÌNH BÀY

*

TRUNG TÂM THÔNG TIN
BỘ NỘI VỤ

ĐỊA CHỈ LIÊN HỆ

SỐ 8 TÒN THẮT THUYẾT
QUẬN NAM TỪ LIÊM - HÀ NỘI

ĐIỆN THOẠI

024.62821016

EMAIL

BANTINBCDCCHC@MOHA.GOV.VN

WEBSITE

HTTP://WWW.MOHA.GOV.VN

THỦ TƯỚNG CHÍNH PHỦ:

**ĐẨY MẠNH CHUYỂN ĐỔI SỐ VÀ CHUYỂN ĐỔI XANH,
TẠO ĐỘT PHÁ RÚT NGẮN QUÁ TRÌNH CÔNG NGHIỆP HÓA,
HIỆN ĐẠI HÓA**

Chiều ngày 14/6, tại TP. Hà Nội, Ủy viên Bộ Chính trị, Thủ tướng Chính phủ Phạm Minh Chính đã tham dự, đồng chủ trì và có phát biểu chỉ đạo quan trọng tại Phiên toàn thể Diễn đàn cấp cao và Triển lãm Quốc tế về Công nghiệp 4.0 năm 2023.



Theo Thủ tướng Chính phủ, cuộc Cách mạng công nghiệp lần thứ tư, trong đó có chuyển đổi số và tăng trưởng xanh đã tác động toàn diện, sâu sắc đến công nghiệp hóa, hiện đại hóa ở Việt Nam.
Ảnh: VGP/Nhật Bắc

Diễn đàn có chủ đề "Thúc đẩy chuyển đổi số, chuyển đổi xanh nhanh tạo đột phá rút ngắn quá trình công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045".

Diễn đàn do Ban Kinh tế Trung ương chủ trì, phối hợp với các Bộ, cơ quan liên quan tổ chức, gắn với việc triển khai thực hiện Nghị quyết số 29-NQ/TW ngày 17/11/2022 tại Hội nghị Trung ương 6, khóa XIII về "Tiếp tục đẩy mạnh công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045", đánh giá tình hình triển khai thực hiện Nghị quyết số 52-NQ/TW ngày 27/9/2019 về "Một số chủ trương, chính sách chủ động tham gia cuộc Cách mạng công nghiệp lần thứ tư" và Nghị quyết số 23-NQ/TW ngày 22/3/2018 về "Định hướng xây dựng chính sách công nghiệp quốc gia đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045".

Tại Diễn đàn, lãnh đạo Bộ Kế hoạch và Đầu tư đã trình bày những nội dung chủ yếu trong dự thảo Chương trình hành động của Chính phủ thực hiện Nghị quyết 29-NQ/TW; lãnh đạo Bộ Thông tin và Truyền thông đã trình bày báo cáo về thúc đẩy chuyển đổi số trở thành phương thức mới có tính đột phá để rút ngắn quá trình công nghiệp hóa, hiện đại hóa ở Việt Nam...

Trong khuôn khổ phiên Toàn thể cấp cao, lãnh đạo các Bộ, ngành Trung ương và địa phương, doanh nghiệp cùng các chuyên gia trong nước và quốc tế đã tham gia Tọa đàm cấp cao, tập trung vào các nhóm nội dung lớn như: (i) Tháo gỡ các rào cản, vướng mắc để đẩy nhanh quá trình chuyển đổi số, chuyển đổi xanh và chuyển đổi lao động ở Việt Nam; (ii) Sự tham gia của quốc tế trong quá trình chuyển đổi số, chuyển đổi xanh và chuyển đổi lao động ở Việt Nam; (iii) Hoàn thiện cơ chế, chính sách cụ thể hóa các chủ trương, đường lối về công nghiệp hóa, hiện đại hóa, về chủ động tham gia cuộc Cách mạng công nghiệp lần thứ tư như hệ thống pháp luật chuyên ngành về phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo, công nghiệp quốc gia và các lĩnh vực công nghiệp đặc thù; các chiến lược, chương trình quốc gia, đề án liên quan về công nghiệp hóa, hiện đại hóa ...; (iv) Trao đổi, thảo luận các nội dung trọng tâm nhằm xây dựng và thực hiện Chương trình quốc gia về nâng cao năng lực độc lập, tự chủ, tự cường gắn với quá trình công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước.

Trên cơ sở kết quả Diễn đàn, Ban Kinh tế Trung ương sẽ ghi nhận, tiếp thu tối đa tất cả các ý kiến trao đổi, thảo luận, góp ý cũng như nghiên cứu đầy đủ các tài liệu, các tham luận, báo cáo chuyên đề liên quan để tổng hợp, chốt lọc để phục vụ công tác hướng dẫn, kiểm tra, giám sát triển khai thực Nghị quyết số 29-NQ/TW, báo cáo Bộ Chính trị, Ban Bí thư.

Xây dựng một Chính phủ có đủ năng lực quản trị phát triển trong thời đại số

Phát biểu tại Diễn đàn, Thủ tướng Chính phủ Phạm Minh Chính nêu rõ, chúng ta đang sống trong một kỷ nguyên mà khoa học công nghệ phát triển như vũ bão và thực sự đang bước vào giai đoạn phát triển mới với cuộc Cách mạng công nghiệp lần thứ tư. Trong thời gian vừa qua, với việc chuyển đổi theo mô hình tăng trưởng mới dựa trên nền tảng là năng suất và đổi mới sáng tạo, giảm bớt sự phụ thuộc vào những lợi thế cạnh tranh cũng như tài nguyên thiên nhiên hay nguồn nhân công giá rẻ, kinh tế Việt Nam đã đạt được những bước phát triển mới, nhiều thành quả.

Chủ trương phát triển dựa trên nền tảng khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và các thành tựu cuộc cách mạng công nghiệp lần thứ tư đã được Đảng, Nhà nước khẳng định trong Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XIII của Đảng và nêu rõ trong Nghị quyết 29-NQ/TW ngày 17/11/2022 của Ban Chấp hành Trung ương Đảng khóa XIII về "Tiếp tục đẩy mạnh công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045", trong đó xác định công nghiệp chế tạo, chế biến là then chốt, chuyển đổi số là phương thức mới có tính đột phá để rút ngắn quá trình công nghiệp hóa, hiện đại hóa.

Theo Thủ tướng Chính phủ, cuộc Cách mạng công nghiệp lần thứ tư, trong đó có chuyển đổi số và tăng trưởng xanh đã tác động toàn diện, sâu sắc đến công nghiệp hóa, hiện đại hóa ở Việt Nam trên các lĩnh vực với những khía cạnh chủ yếu.

Một là, thế giới được số hóa, kết nối số mọi lúc, mọi nơi, kết hợp thế giới thực với thế giới ảo. Do đó, công nghiệp hóa, hiện đại hóa sẽ diễn ra cả trong môi trường thực và môi trường ảo (vì vậy, chuyển đổi số là yêu cầu, nhiệm vụ cấp thiết của các cấp, các ngành và toàn xã hội).

Hai là, Cách mạng công nghiệp lần thứ tư có quy mô và tốc độ phát triển chưa có tiền lệ, làm thay đổi lực lượng sản xuất, thúc đẩy chuyển đổi công nghiệp hóa, hiện đại hóa sang giai

đoạn mới: Thâm dụng tri thức và đột phá đổi mới sáng tạo; mở ra nhiều cơ hội cho chúng ta "bắt kịp", "đi cùng" và "vượt lên" ở một số lĩnh vực so với khu vực và thế giới.

Ba là, Cách mạng công nghiệp lần thứ tư có phạm vi tác động bao trùm, toàn diện, hình thành các quan hệ sản xuất mới, các mô hình kinh doanh mới, tạo sự chuyển dịch các dòng vốn, công nghệ, lao động, nhất là chuyển đổi xanh - phát triển bền vững; thúc đẩy xã hội hóa, quốc tế hóa cả lực lượng sản xuất và quan hệ sản xuất, đòi hỏi công nghiệp hóa, hiện đại hóa của mỗi nước phải đặt trong chuỗi giá trị toàn cầu.

Theo Thủ tướng Chính phủ, việc thích ứng và phát triển của mỗi quốc gia trong kỷ nguyên số và toàn cầu hóa hiện nay là vấn đề lớn, vừa cấp bách, vừa lâu dài, vừa tổng thể, vừa bao trùm. Đối với Việt Nam, ý thức rõ về cơ hội và yêu cầu, Chính phủ đã chủ động thích ứng, đổi mới để phát triển mà trước hết, không ngừng nỗ lực để tiếp tục xây dựng một Chính phủ có đủ năng lực quản trị phát triển trong thời đại số. Đồng thời, các cấp, các ngành và toàn xã hội đã có những thay đổi từ nhận thức đến hành động để tận dụng cơ hội và thích ứng với thách thức của thời đại số, tăng trưởng xanh.

Vừa qua, chuyển đổi số ở Việt Nam đã có những bước tiến quan trọng. Thể chế cho phát triển Chính phủ điện tử, Chính phủ số, kinh tế số đang từng bước được hoàn thiện. Chuyển đổi số trong nội khối cơ quan hành chính nhà nước đã có nhiều kết quả tích cực. Việc cung cấp dịch vụ công trực tuyến có chuyển biến rõ rệt, với gần 4.400 dịch vụ công trực tuyến được tích hợp, cung cấp trên Cổng dịch vụ công quốc gia. Các cơ sở dữ liệu làm nền tảng để triển khai xây dựng Chính phủ điện tử, Chính phủ số tiếp tục được thúc đẩy triển khai, kết nối, chia sẻ phục vụ xây dựng Chính phủ số.

Sớm ban hành chương trình hành động thực hiện Nghị quyết số 29-NQ/TW

Thủ tướng Chính phủ trân trọng ghi nhận, đánh giá cao những ý kiến tâm huyết, sâu sắc và nhiều khuyến nghị chính sách, giải pháp đầy nhanh thực hiện công nghiệp hóa, hiện đại hóa, chỉ ra cơ hội và thách thức của các chuyên gia, nhà quản lý trong nước, quốc tế tại Diễn đàn.

Chia sẻ thêm một số nội dung, Thủ tướng Chính phủ Phạm Minh Chính cho biết bám sát các yêu cầu của Nghị quyết số 29-NQ/TW, Chính phủ sớm ban hành Chương trình hành động để cụ thể hóa các nhiệm vụ, giải pháp cho từng cấp, ngành, cơ quan đơn vị để thực hiện cho được mục tiêu, nhiệm vụ đề ra.

Theo đó, trong giai đoạn 2021 - 2030 tập trung chỉ đạo thúc đẩy ứng dụng mạnh mẽ khoa học công nghệ, đổi mới sáng tạo, nhất là thành tựu của cuộc Cách mạng công nghiệp lần thứ tư, tạo ra bứt phá về năng suất, chất lượng, hiệu quả, sức cạnh tranh của các ngành, lĩnh vực và cả nền kinh tế; thực hiện chuyển đổi số toàn diện, thực chất, hiệu quả, bền vững. Chuyển đổi các ngành công nghiệp thâm dụng tài nguyên, năng lượng sang các ngành công nghiệp xanh, công nghiệp phát thải carbon thấp; cơ cấu lại các ngành nông nghiệp và dịch vụ dựa trên nền tảng công nghệ hiện đại, công nghệ số, phát triển các loại dịch vụ mới có tính liên ngành và giá trị gia tăng cao, đẩy nhanh dịch vụ hóa các ngành công nghiệp chế biến, chế tạo.

Trong giai đoạn 2031 - 2045, tập trung nâng cao chất lượng công nghiệp hóa và đẩy mạnh hiện đại hóa toàn diện trên tất cả các lĩnh vực của nền kinh tế và đời sống xã hội.

Thủ tướng Chính phủ cũng nhấn mạnh yêu cầu đẩy mạnh chuyển đổi số và chuyển đổi xanh, tạo đột phá rút ngắn quá trình công nghiệp hóa, hiện đại hóa, nâng cao năng suất, chất lượng, hiệu quả và sức cạnh tranh của nền kinh tế.

Để thực hiện điều này, cần thực hiện có hiệu quả "Chương trình Chuyển đổi số quốc gia đến năm 2025, định hướng đến năm 2030" (Quyết định số 749/QĐ-TTg) để thúc đẩy quá trình công nghiệp hóa, hiện đại hóa.

Chuyển đổi số phải mang lại kết quả thực chất, những giá trị thiết thực cho phát triển kinh tế, xã hội. Trong đó, thực hiện có hiệu quả phương châm đã đề ra cho năm 2023 là năm "Tạo lập và khai thác dữ liệu để tạo ra giá trị mới" và Đề án 06 về phát triển ứng dụng dữ liệu dân cư, định danh và xác thực điện tử phục vụ chuyển đổi số quốc gia giai đoạn 2022 - 2025, tầm nhìn đến năm 2030.

Cùng với đó, đẩy nhanh việc xây dựng, ban hành và tổ chức thực hiện hiệu quả Chiến lược phát triển công nghiệp công nghệ số. Xây dựng và triển khai Chiến lược phát triển công nghiệp vi mạch bán dẫn Việt Nam đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045. Xây dựng Luật Công nghiệp công nghệ số; thúc đẩy phát triển các sản phẩm, dịch vụ mới, chính sách xây dựng kết cấu hạ tầng công nghiệp công nghệ số.

Đồng thời, thực hiện có hiệu quả Chiến lược quốc gia về tăng trưởng xanh giai đoạn 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2050 để thúc đẩy chuyển đổi xanh. Triển khai tích cực, hiệu quả các nội dung của Tuyên bố chính trị thiết lập Quan hệ đối tác chuyển đổi năng lượng công bằng (JETP) với các đối tác quốc tế, tận dụng tối đa hỗ trợ của các đối tác quốc tế trong chuyển giao công nghệ, quản trị, đào tạo nhân lực, cung cấp tài chính, coi Quan hệ đối tác chuyển đổi năng lượng công bằng là giải pháp quan trọng cho quá trình chuyển dịch năng lượng ở Việt Nam; thực hiện thành công Quy hoạch điện VIII đã được Thủ tướng Chính phủ phê duyệt để tiến tới giảm và cân bằng phát thải theo các cam kết của Việt Nam tại COP26, COP27.

Nhiệm vụ thứ ba được Thủ tướng Chính phủ chia sẻ là xây dựng nền công nghiệp quốc gia vững mạnh, tự lực, tự cường. Theo đó, cần đẩy mạnh cơ cấu lại ngành công nghiệp; thực hiện điều chỉnh phân bố không gian phát triển công nghiệp của vùng, địa phương theo hướng gắn với các vùng động lực, cực tăng trưởng, hành lang kinh tế trọng điểm, phù hợp với quy hoạch tổng thể quốc gia, lợi thế của từng vùng, bảo đảm tính chuyên môn hóa cao, tăng cường tính liên kết nội vùng và liên vùng; hình thành các vùng công nghiệp, vành đai công nghiệp, cụm liên kết ngành công nghiệp, khu công nghiệp, trọng tâm là hình thành các cụm liên kết ngành công nghiệp.

Thứ tư, phát triển khoa học công nghệ, đổi mới sáng tạo đáp ứng yêu cầu công nghiệp hóa, hiện đại hóa; trong đó thúc đẩy mạnh mẽ khởi nghiệp, đổi mới sáng tạo góp phần xây dựng nền kinh tế độc lập, tự chủ gắn với chủ động, tích cực hội nhập quốc tế sâu rộng, thực chất, hiệu quả.

Việt Nam là quốc gia đã có tốc độ tăng trưởng mạnh mẽ về đổi mới sáng tạo trong 12 năm liền và tiếp tục được WIPO coi là quốc gia đạt tiến bộ về đổi mới sáng tạo một cách có hệ thống và có tiềm năng lớn. Tuy nhiên, với xuất phát điểm chậm hơn nên hệ sinh thái khởi

nghiệp, đổi mới sáng tạo của Việt Nam vẫn còn có khoảng cách so với một số nước trong khu vực và trên thế giới.

Thủ tướng Chính phủ khẳng định: Chính phủ sẽ tiếp tục tập trung hoàn thiện thể chế thúc đẩy khởi nghiệp, đổi mới sáng tạo theo hướng phù hợp với cơ chế thị trường và thông lệ quốc tế. Đồng bộ hóa các quy định, quy chế, chính sách có liên quan; có cơ chế thí điểm, đầu tư mạo hiểm, chấp nhận rủi ro nhằm tháo gỡ các nút thắt, rào cản, tạo điều kiện, môi trường thuận lợi cho khởi nghiệp, đổi mới sáng tạo; khuyến khích đặt hàng, công nhận sản phẩm, dịch vụ mới để tạo niềm tin cho thị trường. Xây dựng và triển khai các chính sách xây dựng hệ thống đổi mới sáng tạo quốc gia, khuyến khích các tổ chức, cá nhân tăng cường ứng dụng các công nghệ mới, công nghệ sạch, đổi mới sáng tạo nâng cao trình độ và năng lực công nghệ để sản xuất sản phẩm mới, sản phẩm chủ lực, trọng điểm của ngành, lĩnh vực, địa phương. Xây dựng văn hóa khởi nghiệp quốc gia, đặc biệt trong thế hệ trẻ.

Đổi mới mạnh mẽ tư duy từ quản lý sang kiến tạo phát triển; tạo đột phá trong xây dựng kết cấu hạ tầng

Thứ năm, đổi mới tư duy, tập trung hoàn thiện và nâng cao chất lượng thể chế, nâng cao hiệu quả quản trị quốc gia, tạo môi trường và điều kiện thuận lợi thúc đẩy công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước.

Thủ tướng Chính phủ nhấn mạnh quan điểm "nguồn lực bắt nguồn từ tư duy, động lực bắt nguồn từ sự đổi mới, sức mạnh bắt nguồn từ nhân dân". Cần tiếp tục đổi mới mạnh mẽ tư duy từ quản lý sang kiến tạo phát triển, kịp thời giải quyết những vấn đề thực tiễn đang đặt ra với tầm nhìn, chiến lược dài hạn để dẫn dắt, định hướng phát triển.

Cùng với đó, đẩy nhanh việc hoàn thiện pháp luật, nhất là pháp luật chuyên ngành phát triển công nghiệp quốc gia và các lĩnh vực công nghiệp đặc thù; xây dựng lộ trình, hoàn thiện các cơ chế, chính sách cho thực hiện chuyển đổi năng lượng xanh, bền vững, bảo đảm vững chắc an ninh năng lượng quốc gia.

Thứ sáu, tạo đột phá trong xây dựng hệ thống kết cấu hạ tầng, nhất là hạ tầng chiến lược tạo động lực cho đẩy mạnh công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước.

Để thực hiện mục tiêu này, Thủ tướng Chính phủ nêu rõ, phải đa dạng hóa nguồn lực, tập trung đầu tư phát triển kết cấu hạ tầng, nhất là hạ tầng chiến lược. Đẩy nhanh tiến độ một số công trình, dự án quan trọng quốc gia, trọng điểm ngành giao thông vận tải, có tính liên vùng và hạ tầng đô thị lớn, nhất là hệ thống đường cao tốc đạt mục tiêu 5.000 km vào năm 2030, đường sắt tốc độ cao, sân bay, cảng biển, hạ tầng điện, viễn thông...

Thứ bảy, nhanh chóng thể chế hóa quan điểm nguồn lực trong nước là cơ bản, chiến lược, lâu dài và quyết định, nguồn lực bên ngoài là quan trọng, đột phá; doanh nghiệp trong nước là động lực chính, chủ đạo; doanh nghiệp FDI có vai trò quan trọng, đột phá trong thực hiện công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước.

Thủ tướng Chính phủ nêu rõ, nguồn lực bên trong gồm con người, thiên nhiên và truyền thống văn hóa lịch sử, nguồn lực bên ngoài gồm nguồn vốn, công nghệ, quản trị, đào tạo nhân lực...

Theo đó, cần xây dựng và triển khai định hướng phát triển một số tập đoàn kinh tế, doanh nghiệp nhà nước, doanh nghiệp tư nhân trong nước có quy mô lớn, hoạt động hiệu quả, có năng lực cạnh tranh quốc tế, đóng vai trò dẫn dắt, trụ cột trong một số lĩnh vực quan trọng của quá trình công nghiệp hóa, hiện đại hóa như năng lượng, công nghiệp chế biến, chế tạo, tài chính-ngân hàng, nông nghiệp, viễn thông, kết cấu hạ tầng...

Tăng cường cơ chế đặt hàng, giao nhiệm vụ cho một số tập đoàn, doanh nghiệp nhà nước và doanh nghiệp tư nhân trong nước có quy mô lớn, có đủ năng lực thực hiện một số nhiệm vụ có tính chiến lược, dẫn dắt.

Khơi dậy nội lực, khuyến khích mạnh mẽ sự phát triển của doanh nghiệp tư nhân trong nước, đặc biệt trong các lĩnh vực công nghiệp chế tạo, công nghệ cao, công nghiệp công nghệ thông tin, hình thành các chuỗi cung ứng, chuỗi giá trị trong nước và quốc tế.

Tăng cường liên kết giữa khu vực có vốn đầu tư nước ngoài, nhất là các tập đoàn đa quốc gia với doanh nghiệp trong nước trong phát triển chuỗi cung ứng của các ngành công nghiệp. Tạo điều kiện thuận lợi cho doanh nghiệp, doanh nhân thuộc mọi thành phần kinh tế tiếp cận bình đẳng với các nguồn lực phát triển.

Thứ tám, không ngừng nâng cao đời sống vật chất, tinh thần của nhân dân, giữ vững ổn định chính trị, xã hội, tăng cường quốc phòng, an ninh, nâng cao hiệu quả đối ngoại và hội nhập quốc tế, tạo môi trường và điều kiện thuận lợi cho phát triển đất nước.

Thủ tướng Chính phủ nhấn mạnh, tiếp tục thực hiện công nghiệp hóa, hiện đại hóa theo hướng tự lực, tự cường dựa trên nền tảng khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo gắn với hội nhập quốc tế toàn diện, sâu rộng, thực chất và hiệu quả. Việt Nam mong muốn nhận được sự hỗ trợ và tham vấn của các đối tác phát triển, cộng đồng nhà đầu tư, doanh nghiệp nước ngoài, các chuyên gia trong và ngoài nước để tìm ra các giải pháp, các chính sách phù hợp trong bối cảnh khoa học, công nghệ ngày càng tiên bộ vượt bậc và lan tỏa nhanh chóng.

Chính phủ Việt Nam cam kết sẽ tích cực đồng hành và hợp tác với các quốc gia và tổ chức quốc tế để đẩy mạnh mẽ chuyển đổi số, tăng cường tăng trưởng xanh, cùng thúc đẩy mạnh mẽ cuộc Cách mạng công nghiệp lần thứ tư nhằm mang lại hòa bình, thịnh vượng chung cho các dân tộc trên thế giới.

Kết thúc bài phát biểu, Thủ tướng Chính phủ nêu rõ, là nền kinh tế phát triển năng động, Việt Nam kiên định nỗ lực hướng đến mục tiêu xây dựng một đất nước hùng cường, thịnh vượng, trở thành quốc gia đang phát triển có công nghiệp hiện đại, thu nhập trung bình cao vào năm 2030 và đến năm 2045 trở thành nước phát triển, thu nhập cao.

Đảng, Nhà nước Việt Nam rất coi trọng, xem chuyển đổi số, chuyển đổi xanh và phát triển bền vững là những nhiệm vụ trọng tâm trong quá trình công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước; là phương thức mới có tính đột phá để rút ngắn quá trình công nghiệp hóa, hiện đại hóa.

Việt Nam có rất nhiều yếu tố thuận lợi cho việc tiếp cận và hưởng lợi từ Cách mạng công nghiệp lần thứ tư, như có cơ cấu dân số trẻ, ham học hỏi, năng động, sáng tạo, hạ tầng cho công nghệ số hóa phát triển nhanh, cơ chế, chính sách ngày càng hoàn thiện. Vì vậy, dù phải chú ý đến những yếu tố tác động tiêu cực nhưng đây thực sự là cơ cơ hội để Việt Nam thực

hiện khát vọng phát triển đất nước phồn vinh, thịnh vượng, nâng cao đời sống vật chất và tinh thần, mang lại hạnh phúc, ấm no cho nhân dân.

Thủ tướng Chính phủ đề nghị, sau Diễn đàn này, các cấp, các ngành, các địa phương, cộng đồng doanh nghiệp cùng nỗ lực, biến khát vọng thành việc làm và hành động cụ thể để tiếp tục phấn đấu và đạt được những bước tiến mới góp phần đẩy mạnh công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước.

Nguồn: baohinhphu.vn

CHỦ TỊCH QUỐC HỘI: SỬA LUẬT VIỄN THÔNG, TẠO NỀN TẢNG CHO CÔNG CUỘC CHUYỂN ĐỔI SỐ

“Sửa Luật Viễn thông nhìn rộng ra sẽ tạo nền tảng cho công cuộc chuyển đổi số, hướng tới xã hội số, công dân số”, Chủ tịch Quốc hội Vương Đình Huệ nhấn mạnh.

Ngày 10/6, Quốc hội thảo luận tại tổ về dự thảo Luật Viễn thông (sửa đổi). Chủ tịch Quốc hội Vương Đình Huệ nhấn mạnh, trên thế giới có 2 công cuộc chuyển đổi không ai đứng ngoài cuộc là chuyển đổi năng lượng và chuyển đổi số.

Trong đó, chuyển đổi số liên quan chủ quyền số quốc gia, an toàn, an ninh phi truyền thống, có nhiều cơ hội nhưng thách thức lớn. “Luật Viễn thông nhìn rộng ra sẽ tạo nền tảng cho công cuộc chuyển đổi số, hướng tới xã hội số, công dân số”, Chủ tịch Quốc hội nhấn mạnh.

Tập trung chính sách lớn thì tuổi thọ luật mới dài

Chủ tịch Quốc hội điềm lại một số luật đã sửa vừa qua liên quan đến chuyển đổi số và khẳng định, việc sửa Luật Viễn thông nằm trong tổng thể phục vụ cho công cuộc chuyển đổi số, đặt trong tổng thể để phù hợp với các luật khác.

Theo Chủ tịch Quốc hội, Luật Viễn thông năm 2009 chủ yếu tập trung điều chỉnh “hoạt động kinh doanh viễn thông”, còn dự thảo lần này xác định rộng hơn là “hoạt động viễn thông”.

Hoạt động viễn không chỉ đơn thuần là kinh doanh thuần túy. Trong đó, bao gồm cả quyền tham gia hoạt động viễn thông; quyền được bảo đảm an toàn viễn thông, cả bên cung cấp lẫn bên sử dụng dịch vụ; vấn đề cạnh tranh bình đẳng trong hoạt động viễn thông...

Chủ tịch Quốc hội ghi nhận, ban soạn thảo có nhiều nỗ lực đi theo hướng này, đi vào điều khoản rất tốt nhưng cần tập trung chính sách lớn thì tuổi thọ luật mới dài hạn.

Lưu ý luật này có vấn đề xuyên biên giới nên cả trong nước và nước ngoài đều rất quan tâm, Chủ tịch Quốc hội nhấn mạnh: “Chuyển đổi số liên quan chủ quyền số quốc gia, an toàn an ninh thông tin, những nước đi sau như mình lại có cơ hội”.

Về cam kết quốc tế, Chủ tịch Quốc hội chỉ rõ có 5 nhóm phải được rà soát để hoàn thiện dự thảo Luật Viễn thông (sửa đổi) gồm: Cam kết mở cửa thị trường; Cam kết về thể chế, môi trường kinh doanh viễn thông; Cam kết liên quan đến luật pháp quốc tế nói chung; Các quy

định về thủ tục tại các diễn đàn, tổ chức chuyên môn; Các khái niệm trong lĩnh vực viễn thông đã được định nghĩa trong các điều ước quốc tế.

Đi vào nội dung cụ thể, Chủ tịch Quốc hội Vương Đình Huệ cho rằng, trung tâm dữ liệu, dịch vụ điện toán đám mây, OTT ngày càng phổ biến, ảnh hưởng rất lớn tới đời sống xã hội, quyền và lợi ích của cá nhân, tổ chức.

Trong dự án luật thuyết minh một số nước Trung Quốc, Thái Lan, Hàn Quốc xây dựng luật này với tính chất là các dịch vụ viễn thông, cho nên bổ sung là cần thiết để đảm bảo lợi ích quốc gia, lợi ích người tiêu dùng. Đây là quan điểm của cơ quan soạn thảo.

Ý kiến khác đề nghị cân nhắc đưa 3 dịch vụ này vào dự thảo Luật Viễn thông (sửa đổi) ở mức độ phù hợp, đảm bảo khuyến khích phát triển công nghệ viễn thông, không ảnh hưởng hoạt động thu hút đầu tư nước ngoài ở Việt Nam.

Ý kiến này cũng đề nghị nghiên cứu kinh nghiệm quốc tế để quy định cụ thể hơn việc kinh doanh trung tâm dữ liệu, dịch vụ điện toán đám mây, OTT về cấp độ và điều kiện quản lý.

“Cá nhân tôi và Ủy ban Thường vụ Quốc hội theo hướng này”, Chủ tịch Quốc hội nói. Ông lưu ý, quy định không phù hợp sẽ rất phức tạp khi tổ chức triển khai. Vì vậy, yêu cầu dự luật phải có cái nhìn toàn diện.

“Đừng nghĩ luật mang tính kỹ thuật như thế này không có tác động lớn, đây là cuộc chơi các nước rất quan tâm. Điều quan trọng khi xây dựng luật là đi đúng quan điểm lớn, sau này thiết kế về kỹ thuật sẽ không khó lắm”, ông Vương Đình Huệ nhấn mạnh.

Một số ý kiến khác bày tỏ băn khoăn về cách thức cung cấp dịch vụ như quy định của dự thảo Luật bởi việc quản lý, cung cấp dịch vụ OTT vẫn là chủ đề còn gây tranh cãi ở nhiều quốc gia.

Sửa đổi luật là “quá cần thiết”

Đại biểu Hoàng Đức Thắng (tỉnh Quảng Trị) nhận xét, thi hành Luật Viễn thông năm 2009 đến nay đã 13 năm, có “tuổi thọ” tương đối tốt.

Theo đại biểu tỉnh Quảng Trị, lĩnh vực viễn thông qua mỗi năm chuyển động rất nhanh, công nghệ đi rất xa nhưng khuôn khổ pháp lý lại ban hành từ khá lâu, cho nên lần sửa đổi này là “quá cần thiết”.

Theo ông Thắng, tổng quan dự thảo Luật Viễn thông (sửa đổi) đã “chạm” đến những điều cơ bản từ phạm vi điều chỉnh đến quyền của tổ chức, cá nhân tham gia hoạt động viễn thông....

Cho rằng dự thảo còn đang nặng về kinh doanh viễn thông, còn các nội dung khác chưa được thể hiện rõ nét, đại biểu đề nghị cơ quan soạn thảo rà soát lại các chương, điều để điều chỉnh cho hợp lý.

Liên quan đến Điều 4 nói về chính sách của Nhà nước về viễn thông “tạo điều kiện cho các tổ chức, mọi thành phần kinh tế tham gia đầu tư, kinh doanh viễn thông để tạo bứt phá trong phát triển hạ tầng viễn thông”, đại biểu nhận xét từ “bứt phá” không phải ngôn ngữ của luật mà giống nghị quyết, chương trình hành động, cho nên không nên dùng từ này.

Phát biểu tại tổ đại biểu đoàn TP. Hà Nội, đại biểu Tạ Đình Thi (Phó Chủ nhiệm Ủy ban Khoa học, Công nghệ và Môi trường của Quốc hội) cho biết, Nghị quyết Trung ương 6 khóa XIII về tiếp tục đẩy mạnh công nghiệp hoá, hiện đại hóa đất nước đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045, trong đó xác định hạ tầng số là thiết yếu và bảo đảm an toàn thông tin mạng là then chốt, đi nhanh và đi trước.

Theo đại biểu đoàn TP. Hà Nội, mục tiêu đến năm 2025 kinh tế số chiếm tỷ trọng khoảng 20%. Cùng với đó, chúng ta cũng đặt ra mục tiêu xã hội số, tức là bao gồm công dân số, xã hội số.

“Để đạt được những mục tiêu như vậy, chúng ta phải xây dựng thể chế và Luật Viễn thông nằm trong kế hoạch đó”, đại biểu Tạ Đình Thi nói.

Theo ông Thi, trong quá trình tổng kết Luật Viễn thông năm 2009 đã chỉ rõ những nội dung cần thiết phải sửa đổi, bổ sung để đáp ứng được yêu cầu của thực tế.

Trong báo cáo thẩm tra, Ủy ban Khoa học, Công nghệ và Môi trường đã nhấn mạnh nội dung sửa luật lần này là mở rộng phạm vi điều chỉnh đối với các nội dung như: Dịch vụ trung tâm dữ liệu; Điện toán đám mây; Dịch vụ viễn thông để phù hợp với bối cảnh phát triển mới.

“Trong dự thảo Luật, những nội dung này tôi thấy cơ bản đáp ứng được yêu cầu”, ông Thi nói.

Đại biểu Lý Văn Huân, Phó Viện trưởng Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Thái Nguyên đề nghị bổ sung trong các điều cấm một số hành vi: “Lợi dụng chức vụ quyền hạn liên quan đến làm lộ lọt thông tin”; “dùng kỹ thuật can thiệp vào hoạt động viễn thông”...

Ngoài ra, ông cũng nêu thực tế qua hoạt động truy tố, xét xử, rất nhiều tội phạm liên quan đến hoạt động viễn thông, mặc dù cơ quan điều tra, viện kiểm sát, tòa án yêu cầu cung cấp tài liệu nhưng rất chậm trễ. Điều này gây rất khó khăn cho cơ quan điều tra.

“Ví dụ với tội phạm lừa đảo qua mạng, những thông tin định danh cá nhân, liên quan hoạt động ngân hàng,... cơ quan điều tra rất muốn được cung cấp kịp thời nhưng các cơ quan cung cấp rất chậm, dẫn đến điều tra không hiệu quả”, đại biểu Huân dẫn chứng.

Vì vậy, đại biểu Huân bày tỏ mong muốn trong luật này quy định, khi có yêu cầu của các cơ quan tố tụng thì các cơ quan Nhà nước, trong đó có viễn thông, phải cấp thông tin kịp thời và có thời hạn rõ ràng để đảm bảo tiến độ điều tra.

Nguồn: vietnamnet.vn

ĐỀ ÁN 06: BỘ, NGÀNH PHẢI ĐI TRƯỚC, THÔNG SUỐT TRƯỚC KHI TRIỂN KHAI XUỐNG ĐỊA PHƯƠNG

Phó Thủ tướng Chính phủ Trần Hồng Hà nhấn mạnh yêu cầu này khi chủ trì Hội nghị giao ban với các Bộ, ngành về tháo gỡ những khó khăn, vướng mắc trong thực hiện Đề án Phát triển ứng dụng dữ liệu về dân cư, định danh và xác thực điện tử phục vụ chuyển đổi số quốc gia giai đoạn 2022 - 2025, tầm nhìn đến năm 2030 (Đề án 06), diễn ra chiều ngày 14/6.

Không thể "một Bộ đi nhưng 4, 5 Bộ khác đứng yên"

Phó Thủ tướng Chính phủ Trần Hồng Hà cho rằng một trong những nguyên nhân gây ra khó khăn, vướng mắc trong chuyển đổi số là nhận thức chưa thực sự nghiêm túc, thông suốt của lãnh đạo một số bộ, ngành, gây khó khăn khi triển khai xuống địa phương các nhiệm vụ quản lý nhà nước, hướng dẫn thủ tục hành chính, cung cấp dịch vụ công.

Thời gian qua, công tác chuyển đổi số đã đạt được những kết quả ban đầu. Đến nay, việc thực hiện Đề án 06 đã kịp thời phục vụ, cung cấp 25 dịch vụ công thiết yếu cho người dân, doanh nghiệp; tạo lập những nền tảng, cơ sở quan trọng để thúc đẩy các ứng dụng công dân số, kinh tế số, xã hội số, Chính phủ số.

"Quá trình chuyển đổi số đã mang lại những lợi ích hết sức to lớn với các ứng dụng trí tuệ nhân tạo, trợ lý ảo, kết nối vạn vật, blockchain... từng bước hình thành hệ sinh thái số", Phó Thủ tướng Chính phủ đánh giá.

Phó Thủ tướng Chính phủ nhấn mạnh: Chuyển đổi số phải chuyển động trước hết từ các Bộ, ngành, một cách đồng bộ, không thể "một Bộ đi nhưng 4, 5 Bộ khác đứng yên". Các Bộ, ngành cần đặt ra những mục tiêu, tiến độ cụ thể khi thực hiện chuyển đổi số trên cơ sở những nhiệm vụ được giao, nhất là trong cung cấp 25 dịch vụ công thiết yếu.

Phó Thủ tướng Chính phủ đề nghị các Bộ, ngành làm rõ những khó khăn liên quan đến hành lang pháp lý; hạ tầng công nghệ, đường truyền (trục quốc gia, trục đến các Bộ, ngành, địa phương); đào tạo, tập huấn lại nhân lực vận hành hệ thống chuyển từ môi trường cung cấp dịch vụ công trực tiếp sang trực tuyến. Từng Bộ, ngành phải xác định thể mạnh, thời gian hoàn thành những nhiệm vụ được giao trong chuyển đổi số.

Trên 200 triệu hồ sơ được xử lý trực tuyến

Báo cáo kết quả thực hiện Đề án 06 của các Bộ, ngành (từ tháng 12/2022 đến 05/6/2023), Đại tá Vũ Văn Tấn, Phó Cục trưởng Cục Cảnh sát Quản lý hành chính về trật tự xã hội (Bộ Công an), cho biết, tính đến ngày 31/5/2023, có 206,4 triệu hồ sơ đồng bộ trạng thái xử lý trên Cổng dịch vụ công quốc gia, trong đó, có 13,7 triệu hồ sơ trực tuyến. Có gần 776,9 nghìn tài khoản định danh điện tử đăng nhập trên Cổng dịch vụ công quốc gia với khoảng 2,57 triệu lượt đăng nhập.

Tiêu biểu, từ ngày 04/5/2023, Bộ Giáo dục và Đào tạo đã tiến hành cho thí sinh toàn quốc đăng ký dự thi chính thức tại phần mềm Quản lý thi tốt nghiệp. Đến ngày 13/5/2023, có hơn 1,025 triệu thí sinh đăng ký dự thi thành công, trong đó thí sinh đặt ký trực tuyến đạt 94,5%, còn lại là các thí sinh đăng ký trực tiếp.

Đáng chú ý, việc thực hiện thí điểm 2 nhóm dịch vụ công liên thông "Đăng ký khai sinh - Đăng ký thường trú - Cấp thẻ bảo hiểm y tế cho trẻ dưới 6 tuổi" và "Đăng ký khai tử - Xóa đăng ký thường trú - Trợ cấp mai táng phí" tại TP. Hà Nội và tỉnh Hà Nam mang lại kết quả khả quan, cơ bản đáp ứng yêu cầu liên thông thủ tục hành chính và sự ủng hộ của người dân. Việc sử dụng bản điện tử giấy khai sinh, trích lục khai tử phục vụ liên thông thủ tục hành chính đã rút ngắn thời gian giải quyết hồ sơ, giảm bớt công việc tác nghiệp của các bộ cơ sở khi thực hiện liên thông thủ tục hành chính...

Trong tháng 5/2023, Ban Cơ yếu Chính phủ đã cung cấp 15.121 chứng thư số cho các Bộ, ngành, địa phương để sử dụng trên Cổng dịch vụ công quốc gia, Hệ thống thông tin điện tử các cấp.

Bộ Công an và Ngân hàng nhà nước Việt Nam đã phối hợp, hoàn thành xác thực hơn 25/51 triệu thông tin tín dụng khách hàng vay với cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư, trong đó khoảng 83% triệu thông tin khách hàng trùng khớp.

Ngoài ra, Bộ Tài chính đã nghiên cứu giải pháp hóa đơn điện tử khởi tạo từ máy tính tiền đối với dịch vụ ăn uống, chống thất thu thuế, thất thu ngân sách triển khai giai đoạn 2 từ ngày 01/4/2023. Bộ Giao thông vận tải đã chỉ đạo Cục Hàng không Việt Nam triển khai thí điểm toàn trình xác thực sinh trắc học khi công dân đi tàu bay tại các Cảng hàng không quốc tế: Cát Bi (từ tháng 02/2023), Nội Bài (từ tháng 04/2023), Phú Bài (ngày 13/5/2023); triển khai thí điểm sử dụng tài khoản định danh điện tử mức 2 đối với hành khách đi tàu bay với các chuyến nội địa từ ngày 01/6 - 01/8/2023. Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội bắt đầu thực hiện chi trả an sinh xã hội dưới hình thức không dùng tiền mặt...

Về phát triển công dân số, đến nay, Bộ Công an đã thu nhận 37,1 triệu hồ sơ cấp định danh điện tử, có 16,5 triệu tài khoản kích hoạt; đã cấp trên 80,5 triệu thẻ căn cước công dân gắn chip điện tử cho công dân. 30 địa phương cơ bản hoàn thành chỉ tiêu cấp căn cước công dân cho công dân đủ điều kiện trên địa bàn; đẩy mạnh cấp căn cước công dân cho học sinh tham dự kỳ thi tốt nghiệp Trung học phổ thông Quốc gia, thi vào lớp 10...

Đại tá Vũ Văn Tấn cũng thông tin về kết quả đối với các nhiệm vụ: Liên thông nhóm thông tin cơ bản về y tế với sổ sức khỏe điện tử trên ứng dụng VneID; kê khai, đăng ký, nộp thuế trên ứng dụng VneID, sử dụng tài khoản định danh điện tử để đăng nhập, xác thực thông tin người nộp thuế trên các nền tảng của ngành thuế, hải quan; kết nối, chia sẻ dữ liệu giữa Cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư với các cơ sở dữ liệu khác, xác thực, "làm sạch" dữ liệu...

Còn tình trạng "cát cứ thông tin", "co cụm dữ liệu"

Về một số tồn tại, hạn chế, đại diện Bộ Công an cho biết, các Bộ, ngành còn chậm triển khai nhiệm vụ về chuyển đổi số, mức độ sẵn sàng ứng dụng công nghệ thông tin không đồng đều; hệ thống thông tin chưa được kết nối đồng bộ, phân tán; an ninh, an toàn thông tin chưa được quan tâm đúng mức...

Việc cung cấp dịch vụ công trực tuyến mới tập trung vào số lượng, chưa chú trọng đến chất lượng; việc triển khai số hóa kết quả giải quyết thủ tục hành chính có kết quả thấp. Nhiều cơ sở dữ liệu quốc gia, cơ sở dữ liệu chuyên ngành triển khai còn chậm. việc kết nối, chia sẻ dữ liệu giữa các bộ, ngành, địa phương còn hạn chế, vướng mắc, còn tình trạng "cát cứ thông tin", "co cụm dữ liệu", "manh mún", "chia cắt"...

Tại Hội nghị, lãnh đạo các Bộ, ngành thảo luận, đề xuất ý kiến để giải quyết các điểm nghẽn về pháp lý, dịch vụ công, hạ tầng công nghệ thông tin, nguồn lực về tài chính và nhân lực triển khai thực hiện Đề án 06.

Bên cạnh đó, một số ý kiến đề xuất việc rà soát, báo cáo tiến độ các nhiệm vụ theo lộ trình Chỉ thị số 05/CT-TTg của Thủ tướng Chính phủ về cập nhật dữ liệu nhóm thông tin cơ bản về y tế vào Cơ sở dữ liệu quốc gia; tổ chức thống kê, cập nhật thông tin, dữ liệu về nguồn lực y tế...

Hoàn thiện hệ sinh thái phục vụ kết nối, khai thác, làm giàu dữ liệu

Kết luận Hội nghị, Phó Thủ tướng Chính phủ Trần Hồng Hà nhấn mạnh chuyển đổi số là xu hướng không thể đảo ngược, các Bộ, ngành có trách nhiệm tiên phong, dẫn dắt. Đây là công việc cần có quyết tâm chính trị và thực hiện đồng bộ. Công tác xây dựng thể chế (thông tư, nghị định, luật) đã có chuyển biến tích cực làm nền tảng cho chuyển đổi số. Người dân bắt đầu được thụ hưởng từ việc cung cấp trực tuyến các dịch vụ công về y tế, giáo dục, chính sách xã hội, đất đai... một cách đơn giản, minh bạch. Hiệu quả về kinh tế trong lĩnh vực thuế, hải quan, ngân hàng... được thể hiện rõ rệt, tạo thuận lợi cho hoạt động của các doanh nghiệp. Tài nguyên số sẽ từng bước được hình thành trong quá trình số hoá, xây dựng các cơ sở dữ liệu quốc gia.

"Nhà nước phục vụ người dân, doanh nghiệp là ở đây", Phó Thủ tướng Chính phủ nói và đề nghị các Bộ, ngành cần bám sát kế hoạch chung, theo đúng tiến độ trong việc rà soát, sửa đổi văn bản quy phạm pháp luật, hạ tầng, cơ chế hướng dẫn bảo đảm liên thông, kết nối, chia sẻ dữ liệu khi thực hiện Đề án 06. "Bộ, ngành nào chậm thì các Bộ, ngành, địa phương khác cũng bị ảnh hưởng".

Theo Phó Thủ tướng Chính phủ, từ sau Hội nghị giao ban trực tuyến lần thứ năm của Ủy ban Quốc gia về chuyển đổi số và Đề án 06 ngày 25/02/2023 đến nay, công tác chỉ đạo, triển khai Đề án 06 tiếp tục được Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ và Tổ công tác triển khai Đề án 06 các cấp thực hiện rất quyết liệt và đã đạt được một số kết quả.

Bộ Công an, Văn phòng Chính phủ đã phát huy vai trò là cơ quan thường trực, chủ động rà soát, lập danh mục nhiệm vụ cụ thể của từng Bộ, ngành, địa phương để tham mưu với Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ ban hành các văn bản chỉ đạo sát sao và làm cơ sở cho các cơ quan, đơn vị xây dựng Kế hoạch thực hiện.

Phó Thủ tướng Chính phủ yêu cầu các Bộ, ngành bám sát các nhóm vấn đề, nhiệm vụ, xây dựng kế hoạch chi tiết triển khai, đi trước một bước để thúc đẩy các địa phương.

Các Bộ, ngành theo thẩm quyền thực hiện rà soát pháp luật, đặc biệt là các cơ chế, chính sách pháp luật liên quan đến quản lý dân cư theo Đề án 06, phối hợp chặt chẽ với Bộ Tư pháp, Văn phòng Chính phủ trong áp dụng quy định về xây dựng văn bản theo trình tự thủ tục rút gọn; hoàn thiện hệ sinh thái phục vụ kết nối, khai thác, làm giàu dữ liệu và các tiện ích phục vụ người dân; tiếp tục cắt giảm, đơn giản hoá, số hoá, quy trình, thủ tục hành chính trên môi trường điện tử một cách thực chất.

Lựa chọn những dịch vụ công thiết thực, tần suất sử dụng cao

Phó Thủ tướng Chính phủ đề nghị các cơ quan, đơn vị thực hiện nghiêm việc tiếp nhận, xử lý hồ sơ trực tuyến, không để tình trạng giải quyết hồ sơ chậm, muộn; rà soát, chuẩn hóa, điện tử hóa mẫu đơn, tờ khai theo hướng cắt giảm tối thiểu 20% thông tin phải khai báo trên cơ sở tái sử dụng dữ liệu đã được số hóa, hoàn thành trong tháng 6/2023; đẩy nhanh việc thực

hiện ký số trên thiết bị di động; nghiên cứu, tổ chức triển khai thực hiện thủ tục hành chính không phụ thuộc vào địa giới hành chính.

Các Bộ, ngành cần kiểm tra, đôn đốc địa phương trong việc tiếp nhận, giải quyết hồ sơ thủ tục hành chính liên thông, nhất là các hồ sơ quá hạn; thường xuyên đánh giá toàn bộ các dịch vụ công trực tuyến đã được cung cấp trên Hệ thống thông tin giải quyết thủ tục hành chính của cơ quan mình và tích hợp trên Cổng dịch vụ công quốc gia, để từ đó lựa chọn những dịch vụ công thiết thực, tần suất sử dụng cao gắn liền nhu cầu hàng ngày của người dân, doanh nghiệp.

Đối với 2 nhóm dịch vụ công liên thông "Đăng ký khai sinh - Đăng ký thường trú - Cấp thẻ bảo hiểm y tế cho trẻ dưới 6 tuổi" và "Đăng ký khai tử - Xoá đăng ký thường trú - Trợ cấp mai táng phí", Phó Thủ tướng Chính phủ đề nghị các Bộ, ngành khẩn trương hoàn thiện phần mềm nghiệp vụ chuyên ngành của cơ quan mình, bảo đảm kết nối thông suốt với phần mềm dịch vụ công liên thông; hoàn thiện các tài liệu hướng dẫn; tổ chức đào tạo, tập huấn, hướng dẫn nghiệp vụ cho các địa phương thực hiện.

Giao nhiệm vụ cụ thể cho từng Bộ, ngành

Bộ Công an chủ trì, phối hợp với các bộ, ngành, địa phương trong tích hợp, xác thực, hiển thị các thông tin, giấy tờ cá nhân trên ứng dụng VNeID, dần thay thế việc cung cấp các giấy tờ cá nhân trong thực hiện các giao dịch, thủ tục hành chính, tiếp tục hoàn thiện ứng dụng VNeID, đa dạng hóa các tiện ích và truyền thông để người dân tham gia sử dụng.

Rà soát, đánh giá việc triển khai phần mềm dịch vụ công liên thông, khắc phục các tồn tại, bảo đảm kết nối thông suốt, cập nhật, đồng bộ trạng thái hồ sơ với hệ thống thông tin giải quyết thủ tục hành chính của địa phương.

Bộ Tư pháp chủ trì, phối hợp với Bộ Thông tin và Truyền thông hướng dẫn các bộ, cơ quan rà soát, xác định những văn bản quy phạm pháp luật cần điều chỉnh ngay sau khi Luật Giao dịch điện tử (sửa đổi) ban hành.

Bộ Thông tin và Truyền thông khẩn trương hoàn thiện Quy hoạch hạ tầng thông tin và truyền thông thời kỳ 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2050; cập nhật, ban hành Khung kiến trúc Chính phủ điện tử Việt Nam; đánh giá, công bố chất lượng các nền tảng, hệ thống thông tin, phần mềm, cổng dịch vụ công, hệ thống thông tin giải quyết thủ tục hành chính của các Bộ, ngành, địa phương và định mức, đơn giá, chi phí xây dựng các hệ thống nêu trên để các Bộ, ngành, địa phương tham khảo, lựa chọn.

Phó Thủ tướng Chính phủ nhấn mạnh sự cần thiết phải sửa đổi Nghị định số 73/2019/NĐ-CP về quy định quản lý đầu tư ứng dụng công nghệ thông tin sử dụng nguồn vốn ngân sách nhà nước để tạo hành lang pháp lý đầy đủ, rõ ràng về định mức, đơn giá, trình tự thủ tục, cơ chế thuê dịch vụ Công nghệ thông tin phục vụ triển khai Đề án 06 và chuyển đổi số; nghiên cứu phương án thu phí, giá các dịch vụ cung cấp cho người dân, doanh nghiệp.

Bộ Tài chính xây dựng kế hoạch, chủ trì phối hợp với Bộ Công an tập trung triển khai các giải pháp về đồng bộ dữ liệu thuế, sử dụng căn cước công dân, định danh điện tử là mã số thuế và định danh trong các giao dịch điện tử để nâng cao hiệu quả thu thuế. Phấn đấu 100%

cơ sở kinh doanh kết nối hóa đơn điện tử khởi tạo từ máy tính tiền vào hệ thống dữ liệu của cơ quan thuế, tập trung vào các lĩnh vực trọng tâm như: hoạt động kinh doanh ăn uống, nhà hàng, khách sạn, dịch vụ giải trí, siêu thị...

Bộ Kế hoạch và Đầu tư nghiên cứu, đề xuất Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ cho phép ban hành cơ chế, chính sách đầu tư cho chuyển đổi số vào hạ tầng, đường truyền, thiết bị, phần mềm và con người; nghiên cứu, báo cáo Thủ tướng Chính phủ phương án sửa đổi các quy định về đấu thầu để lựa chọn nhà thầu đối với các sản phẩm công nghệ thông tin có tính chất đặc thù (tài nguyên tri thức, sáng tạo, mới, khó xác định giá thầu, ít nhà cung cấp...).

Bộ Công Thương hoàn thiện văn bản quy phạm pháp luật về quản lý hoạt động thương mại điện tử phù hợp với dự án Luật được ban hành theo hướng tích hợp, ứng dụng thẻ căn cước công dân gắn chip, ứng dụng tài khoản định danh điện tử, khai thác cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư, thúc đẩy thương mại điện tử, quản lý thuế.

Phó Thủ tướng Chính phủ cũng đề nghị Bộ Y tế tăng tốc thực hiện các nhiệm vụ được giao trong Đề án 06 như cập nhật dữ liệu nhóm thông tin cơ bản về y tế vào cơ sở dữ liệu quốc gia về bảo hiểm phục vụ triển khai sơ sức khỏe điện tử. Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội tiếp tục nắm thông tin, tình hình lao động thất nghiệp, đối tượng chính sách để có phương án chi trả, hỗ trợ kịp thời... Bộ Tài nguyên và Môi trường khẩn trương hoàn thành triển khai thí điểm thu thập, xác minh, cập nhật, làm sạch dữ liệu đất đai, nhà ở...

Nguồn: baochinhpvu.vn

CẢI CÁCH THỦ TỤC HÀNH CHÍNH THỰC CHẤT, NÂNG CAO HIỆU QUẢ TƯ VẤN CHÍNH SÁCH CHO CHÍNH PHỦ, THỦ TƯỚNG CHÍNH PHỦ

Ngày 15/6/2023, Thủ tướng Chính phủ đã ban hành Văn bản số 547/TTg-KSTT chỉ đạo tiếp tục thực hiện cải cách thủ tục hành chính thực chất và nâng cao hiệu quả tư vấn chính sách cho Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ.

Để tiếp tục thực hiện cải cách thủ tục hành chính thực chất và nâng cao hiệu quả tư vấn chính sách cho Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ, trên cơ sở chỉ đạo của Thủ tướng Chính phủ Phạm Minh Chính, Phó Thủ tướng Chính phủ Trần Lưu Quang yêu cầu:

Văn phòng Chính phủ chủ trì, phối hợp với Bộ Nội vụ và các Bộ, cơ quan, địa phương có liên quan rà soát, đề xuất chương trình, kế hoạch, biện pháp cụ thể để yêu cầu các Bộ, ngành, địa phương thực hiện nghiêm túc, quyết liệt, đồng bộ và hiệu quả các nhiệm vụ, giải pháp về cải cách thủ tục hành chính; tăng cường kiểm tra, giám sát việc thực hiện; báo cáo cụ thể về kết quả thực hiện, khó khăn, vướng mắc và đề xuất, kiến nghị (nếu có) tại Phiên họp Chính phủ thường kỳ hằng tháng.

Trong đó lưu ý, trước mắt tập trung ưu tiên các vấn đề cấp bách cần tháo gỡ, nhất là việc cắt giảm, đơn giản hóa các quy định, thủ tục về đầu tư, đăng ký kinh doanh, điều kiện kinh doanh và thủ tục hành chính trong các ngành, lĩnh vực liên quan trực tiếp đến người dân, doanh nghiệp như xây dựng, bất động sản, thuế, hải quan, điện, năng lượng, sản xuất, chế biến nông sản, xuất nhập khẩu, giáo dục đào tạo, y tế...; đồng thời, có giải pháp cải cách, đổi mới toàn diện về lâu dài để góp phần cải thiện mạnh mẽ hơn nữa môi trường đầu tư kinh doanh, nâng cao năng lực cạnh tranh.

Văn phòng Chính phủ chủ trì, phối hợp với Bộ Nội vụ rà soát, đề xuất kiện toàn các tổ chức tư vấn về cải cách thủ tục hành chính theo hướng gọn nhẹ, đơn giản, bảo đảm trực tiếp, hiệu quả, thu gọn đầu mối. Trong đó, chấm dứt hoạt động của các tổ chức không còn phù hợp và thành lập Tổ giúp việc trực tiếp cho Thủ tướng Chính phủ về cải cách thủ tục hành chính.

Bộ Nội vụ chủ trì, phối hợp với Văn phòng Chính phủ và các cơ quan có liên quan rà soát, báo cáo cụ thể về mô hình tổ chức, quy chế hoạt động và hiệu quả của các tổ chức tư vấn chính sách cho Thủ tướng Chính phủ (cả trước đây và hiện nay). Trong đó, đề xuất chấm dứt hoạt động đối với các tổ chức không còn phù hợp và việc thành lập Tổ tư vấn chính sách cho Thủ tướng Chính phủ, bảo đảm thực sự hiệu quả, gọn nhẹ, đóng góp trực tiếp, thiết thực cho công tác hoạch định chính sách và chỉ đạo, điều hành của Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ.

Bộ Nội vụ chủ trì, phối hợp với Văn phòng Chính phủ tổ chức thanh tra, kiểm tra công vụ, trong đó chú trọng việc triển khai thực hiện các nhiệm vụ giải pháp về cải cách thủ tục hành chính kịp thời đề xuất với Thủ tướng Chính phủ khen thưởng, phê bình những cơ quan, tổ chức, cá nhân thực hiện tốt hoặc không tốt công tác này theo quy định của pháp luật.

Văn phòng Chính phủ và Bộ Nội vụ khẩn trương chuẩn bị các nội dung nêu trên để báo cáo tại cuộc họp do Lãnh đạo Chính phủ chủ trì vào ngày 19/6/2023.

Nguồn: baohinhphu.vn

8 ĐIỂM MỚI CỦA NGHỊ ĐỊNH SỐ 33/2023/NĐ-CP QUY ĐỊNH VỀ CÁN BỘ, CÔNG CHỨC CẤP XÃ

Ngày 10/6/2023, Chính phủ ban hành Nghị định số 33/2023/NĐ-CP quy định về cán bộ, công chức cấp xã và người hoạt động không chuyên trách ở cấp xã, ở thôn, tổ dân phố.

Nghị định này thay thế 04 Nghị định của Chính phủ và các quy định của pháp luật có liên quan, do đó sẽ có nhiều điểm mới cơ bản cần quan tâm.

Thứ nhất, về tên của Nghị định: Nghị định của Chính phủ quy định về cán bộ, công chức cấp xã và người hoạt động không chuyên trách ở cấp xã, ở thôn, tổ dân phố. Nghị định này thay thế 04 Nghị định của Chính phủ và các quy định của pháp luật có liên quan, gồm: (1) Nghị định số 114/2003/NĐ-CP ngày 10/10/2003 về cán bộ, công chức xã, phường, thị trấn; (2) Nghị định số 92/2009/NĐ-CP ngày 22/10/2009 về chức danh, số lượng, một số chế độ, chính sách đối với cán bộ, công chức ở xã, phường, thị trấn và những người hoạt động không

chuyên trách ở cấp xã; (3) Nghị định số 112/2011/NĐ-CP ngày 05/12/2011 về công chức xã, phường, thị trấn; (4) Nghị định số 34/2019/NĐ-CP ngày 24/4/2019 về việc sửa đổi, bổ sung một số quy định về cán bộ, công chức cấp xã và người hoạt động không chuyên trách ở cấp xã, ở thôn, tổ dân phố (các quy định của pháp luật có liên quan là các văn bản hướng dẫn các Nghị định của cơ quan có thẩm quyền).

Thứ hai, về chức danh cán bộ, công chức cấp xã: Nghị định không quy định chức danh công chức Trưởng Công an xã (do đã bố trí Công an chính quy ở cấp xã).

Thứ ba, về số lượng cán bộ, công chức cấp xã và người hoạt động không chuyên trách ở cấp xã.

Trên cơ sở khoán tổng số lượng cán bộ, công chức cấp xã theo quy định hiện hành (đối với phường loại I - II - III tương ứng là 23 - 21 - 19 người, đối với xã và thị trấn loại I - II - III tương ứng là 22 - 20 - 18 người) và khoán tổng số lượng người hoạt động không chuyên trách ở cấp xã theo quy định hiện hành (đối với cấp xã loại I - II - III tương ứng là 14 - 12 - 10 người), Nghị định bổ sung quy định tăng thêm (không khống chế tối đa) số lượng công chức cấp xã và người hoạt động không chuyên trách ở đơn vị hành chính cấp xã có quy mô dân số, diện tích tự nhiên cao hơn so với tiêu chuẩn quy định tại Nghị quyết số 1211/2016/UBTVQH13 (sửa đổi, bổ sung tại Nghị quyết số 27/2022/UBTVQH15), cụ thể như sau:

Theo quy mô dân số: Đối với phường thuộc quận, cứ tăng thêm đủ 1/3 mức quy định thì được tăng thêm 01 công chức và 01 người hoạt động không chuyên trách; đối với các đơn vị hành chính còn lại, cứ tăng thêm đủ 1/2 mức quy định thì được tăng thêm 01 công chức và 01 người hoạt động không chuyên trách.

Theo diện tích tự nhiên: Ngoài việc tăng thêm công chức và người hoạt động không chuyên trách theo quy mô dân số nêu trên, mỗi đơn vị hành chính cấp xã cứ tăng thêm đủ 100% mức quy định thì được tăng thêm 01 công chức và 01 người hoạt động không chuyên trách.

Trên cơ sở tổng số lượng cán bộ, công chức và người hoạt động không chuyên trách ở cấp xã theo loại đơn vị hành chính cấp xã và số lượng được tăng thêm theo quy mô dân số và diện tích tự nhiên nêu trên (tính theo từng cấp tỉnh), Nghị định quy định việc thực hiện khoán cho từng địa phương (cấp tỉnh) và phân cấp cho Ủy ban nhân dân cấp tỉnh trình Hội đồng nhân dân cùng cấp quyết định cụ thể số lượng cán bộ, công chức cấp xã và người hoạt động không chuyên trách ở cấp xã của từng đơn vị hành chính cấp huyện thuộc phạm vi quản lý cho phù hợp với yêu cầu thực tiễn nhưng phải bảo đảm không vượt quá tổng số lượng cán bộ, công chức cấp xã và người hoạt động không chuyên trách ở cấp xã tính cho cả cấp tỉnh theo quy định này. Căn cứ tổng số lượng cán bộ, công chức và người hoạt động không chuyên trách ở cấp xã được Hội đồng nhân dân cấp tỉnh giao, Ủy ban nhân dân cấp huyện quyết định số lượng và bố trí cụ thể cán bộ, công chức và người hoạt động không chuyên trách ở từng đơn vị hành chính cấp xã cho phù hợp với yêu cầu của thực tiễn, nhưng phải bảo đảm không vượt quá tổng số lượng cán bộ, công chức cấp xã và người hoạt động không chuyên trách ở cấp xã do Hội đồng nhân dân cấp tỉnh giao cho cấp huyện.

Thứ tư, về số lượng người hoạt động không chuyên trách ở thôn, tổ dân phố. Thôn, tổ dân phố là tổ chức tự quản của cộng đồng dân cư, không phải là một cấp chính quyền, theo đó

Nghị định tiếp tục quy định 03 chức danh người hoạt động không chuyên trách (gồm Bí thư chi bộ, Trưởng thôn hoặc Tổ trưởng tổ dân phố, Trưởng Ban công tác Mặt trận) và những người trực tiếp tham gia hoạt động ở thôn, tổ dân phố. Đồng thời, phân cấp cho Ủy ban nhân dân cấp tỉnh trình Hội đồng nhân dân cùng cấp quy định cụ thể chức danh, số lượng người trực tiếp tham gia hoạt động ở thôn, tổ dân phố thuộc phạm vi quản lý cho phù hợp với yêu cầu thực tiễn.

Thứ năm, về tiêu chuẩn, nhiệm vụ, bầu cử, tuyển dụng, bãi nhiệm, miễn nhiệm, điều động, luân chuyển, nghỉ hưu, khen thưởng, kỷ luật, đánh giá, xếp loại, quy hoạch, đào tạo, bồi dưỡng, sử dụng, quản lý và chế độ tiền lương, phụ cấp đối với cán bộ, công chức cấp xã.

Quy định hiện hành về cán bộ, công chức cấp xã đối với những vấn đề nêu trên nhiều nội dung đã được thực hiện như cán bộ, công chức từ cấp huyện trở lên, theo đó để từng bước liên thông và thống nhất một nền hành chính công vụ, Nghị định quy định theo hướng dẫn chiếu thực hiện các quy định này như cán bộ, công chức từ cấp huyện trở lên. Đối với vị trí việc làm cán bộ, công chức cấp xã có đặc thù khác với cán bộ, công chức cấp huyện trở lên thì quy định cụ thể trong Nghị định như sau:

Quy định rõ tiêu chuẩn (khung năng lực từ đại học trở lên, trừ trường hợp luật hoặc điều lệ của tổ chức có quy định khác) và nhiệm vụ (bản mô tả công việc) của từng chức vụ, chức danh (vị trí việc làm) cán bộ, công chức cấp xã. Trường hợp đang là cán bộ, công chức cấp xã mà chưa đáp ứng đủ tiêu chuẩn thì quy định ở điều khoản chuyển tiếp theo hướng trong thời hạn 05 năm kể từ ngày Nghị định có hiệu lực thi hành phải đáp ứng đủ tiêu chuẩn theo quy định. Hết thời hạn này mà chưa đáp ứng đủ tiêu chuẩn theo quy định thì thực hiện chế độ nghỉ hưu (nếu đủ điều kiện) hoặc thực hiện chính sách tinh giản biên chế theo quy định của Chính phủ.

Việc tuyển dụng và bổ nhiệm chức danh công chức Chỉ huy trưởng Ban Chỉ huy quân sự cấp xã (thực hiện theo quy định của pháp luật về dân quân tự vệ);

Đối tượng và điểm ưu tiên trong thi tuyển hoặc xét tuyển công chức cấp xã đối với đội viên trí thức trẻ tình nguyện và người hoạt động không chuyên trách ở cấp xã từ đủ 24 tháng trở lên đã được đánh giá xếp loại hoàn thành nhiệm vụ trở lên. Thời gian tập sự đối với công chức cấp xã.

Thứ sáu, về phụ cấp kiêm nhiệm chức vụ, chức danh cán bộ, công chức cấp xã. Do chưa sửa đổi, bổ sung Luật Cán bộ, công chức, do đó không có đủ căn cứ pháp lý để quy định công chức cấp xã có chức danh Văn phòng Đảng ủy và một số chức danh thuộc cấp ủy cấp xã (hiện nay các địa phương đang bố trí người hoạt động không chuyên trách ở cấp xã đảm nhiệm) nên Nghị định bổ sung quy định về phụ cấp kiêm nhiệm theo hướng: Cán bộ, công chức cấp xã kiêm nhiệm thực hiện nhiệm vụ của người hoạt động không chuyên trách ở cấp xã thì được hưởng phụ cấp kiêm nhiệm bằng 100% mức phụ cấp quy định đối với chức danh kiêm nhiệm. Đồng thời, giao Ủy ban nhân dân cấp huyện quyết định chức danh được hưởng phụ cấp kiêm nhiệm trong trường hợp số lượng chức danh bố trí kiêm nhiệm lớn hơn số lượng cán bộ, công chức giảm được so với số được giao theo quy định tại Nghị định này.

Thứ bảy, về chế độ phụ cấp đối với người hoạt động không chuyên trách ở cấp xã, ở thôn, tổ dân phố và chế độ hỗ trợ đối với người trực tiếp tham gia hoạt động ở thôn, tổ dân phố.

Nghị định quy định tăng mức khoán quỹ phụ cấp người hoạt động không chuyên trách ở mỗi đơn vị hành chính cấp xã loại I - II - III tương ứng từ 16,0 - 13,7 - 11,4 lần mức lương cơ sở lên 21 - 18 - 15 lần mức lương cơ sở (tăng trung bình từ 1,14 lần mức lương cơ sở/01 người lên mức 1,5 lần mức lương cơ sở/01 người). Ngoài mức khoán quỹ phụ cấp này, đối với những ĐVHC cấp xã có quy mô dân số, diện tích tự nhiên cao hơn so với tiêu chuẩn quy định được tăng thêm người hoạt động không chuyên trách thì cứ tăng 01 người hoạt động không chuyên trách so với quy định được tăng quỹ phụ cấp khoán 1,5 lần mức lương cơ sở/01 người tăng thêm.

Tăng mức khoán quỹ phụ cấp từ 3,0 - 5,0 lần mức lương cơ sở đối với mỗi loại thôn, tổ dân phố hiện nay lên mức 4,5 - 6,0 lần mức lương cơ sở (trong đó, mức khoán 6,0 lần mức lương cơ sở áp dụng đối với thôn có từ 350 hộ gia đình trở lên; tổ dân phố có từ 500 hộ gia đình trở lên; thôn, tổ dân phố thuộc đơn vị hành chính cấp xã trọng điểm, phức tạp về an ninh, trật tự theo quyết định của cơ quan có thẩm quyền và thôn, tổ dân phố thuộc đơn vị hành chính cấp xã biên giới, hải đảo; mức khoán 4,5 lần mức lương cơ sở áp dụng đối với các thôn, tổ dân phố còn lại). Đối với đơn vị hành chính cấp huyện không tổ chức đơn vị hành chính cấp xã thì thôn, tổ dân phố được xác định theo đơn vị hành chính cấp huyện đó;

Trên cơ sở tổng mức khoán quỹ phụ cấp đối với người hoạt động không chuyên trách ở cấp xã, ở thôn, tổ dân phố tính theo quy định nêu trên (tính theo từng cấp tỉnh) và nguồn kinh phí ngân sách dành cho cải cách tiền lương theo quy định ở địa phương, Nghị định quy định Ủy ban nhân dân cấp tỉnh trình Hội đồng nhân dân cùng cấp quy định cụ thể mức phụ cấp đối với người hoạt động không chuyên trách ở cấp xã, ở thôn, tổ dân phố và mức chi hỗ trợ đối với người trực tiếp tham gia hoạt động ở thôn, tổ dân phố, bảo đảm phù hợp với yêu cầu quản lý của từng đơn vị hành chính cấp xã và tương quan hợp lý với mức lương bậc 1 của công chức cấp xã có cùng trình độ đào tạo nhằm khuyến khích người hoạt động không chuyên trách ở cấp xã, ở thôn, tổ dân phố học tập, nâng cao trình độ đào tạo chuyên môn (ngân sách Trung ương không hỗ trợ). Trường hợp trong thời kỳ ổn định ngân sách mà có sáp nhập thôn, tổ dân phố thì không điều chỉnh giảm mức khoán quỹ phụ cấp (tính cho cả cấp tỉnh) nêu trên;

Đồng thời, Nghị định quy định việc Ủy ban nhân dân cấp tỉnh trình Hội đồng nhân dân cùng cấp quy định cụ thể mức phụ cấp của từng chức danh người hoạt động không chuyên trách ở cấp xã, ở thôn, tổ dân phố; quy định cụ thể mức khoán kinh phí hoạt động của tổ chức chính trị - xã hội ở cấp xã và mức hỗ trợ hàng tháng đối với người trực tiếp tham gia hoạt động ở thôn, tổ dân phố thì không phải xin ý kiến các Bộ, cơ quan Trung ương.

Thứ tám, Nghị định quy định các nội dung về tiêu chuẩn, nhiệm vụ, bầu cử, tuyển chọn, tiếp nhận, sử dụng, quản lý, đánh giá xếp loại, khen thưởng, kỷ luật và bãi nhiệm, miễn nhiệm, thôi việc đối với người hoạt động không chuyên trách ở cấp xã;

Đồng thời, để bảo đảm phù hợp với đặc điểm, tình hình của từng địa phương và đẩy mạnh việc phân cấp, Nghị định quy định giao thẩm quyền cho Ủy ban nhân dân cấp tỉnh quy định

cụ thể về việc quản lý, sử dụng đối với từng chức vụ, chức danh người hoạt động không chuyên trách ở cấp xã cho phù hợp với thực tiễn của từng địa phương.

Nguồn: moha.gov.vn

SẼ BỎ CẢ THI VÀ XÉT THĂNG HẠNG VIÊN CHỨC ĐỂ TRẢ LƯƠNG THEO VỊ TRÍ VIỆC LÀM

Bộ trưởng Bộ Nội vụ Phạm Thị Thanh Trà cho biết, thời gian tới sẽ bỏ thi và xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp viên chức để trả lương theo vị trí việc làm.

Trên thế giới không có nước nào thi hay xét thăng hạng viên chức

Phát biểu tại cuộc làm việc của Thủ tướng Chính phủ Phạm Minh Chính với Hội Nhà báo Việt Nam, Bộ trưởng Nội vụ Phạm Thị Thanh Trà trả lời kiến nghị của Hội Nhà báo về thi nâng ngạch công chức và thăng hạng viên chức.

Bộ trưởng Phạm Thị Thanh Trà cho biết, Bộ Nội vụ đang tham mưu Chính phủ bỏ thi thăng hạng chức danh nghề nghiệp viên chức để giảm gánh nặng thi cử, tốn kém, nhưng trước mắt vẫn giữ hình thức xét thăng hạng theo tiêu chuẩn, điều kiện.

"Chúng tôi đang tính toán một vài năm nữa sẽ đề xuất bỏ cả thi và xét thăng hạng viên chức để trả lương theo vị trí việc làm. Trên thế giới không có nước nào thi hay xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp viên chức", Bộ trưởng Bộ Nội vụ Phạm Thị Thanh Trà nói.

Liên quan đến kiến nghị tăng biên chế Hội Nhà báo Việt Nam và các cấp, Bộ trưởng Phạm Thị Thanh Trà nêu rõ, toàn hệ thống chính trị đang quyết liệt tinh giản biên chế để tạo nguồn cải cách tiền lương. Hội Nhà báo các cấp, các cơ quan báo chí cũng không nằm ngoài chủ trương chung này.

Nên dành cơ chế đặc biệt với đơn vị sự nghiệp là các cơ quan báo chí

Lãnh đạo Bộ Nội vụ cho hay, cơ quan này vừa qua đã tham mưu cho Chính phủ để đổi mới cơ chế quản lý với các đơn vị sự nghiệp, trong đó quan trọng nhất là đổi mới cơ chế tài chính.

"Chúng tôi rất mong Thủ tướng Chính phủ cho chủ trương trong việc đổi mới các đơn vị sự nghiệp nói chung, nên dành cơ chế đặc biệt với đơn vị sự nghiệp là các cơ quan báo chí. Làm sao có cơ chế đặt hàng, giao nhiệm vụ với cơ quan báo chí từ cơ chế tài chính này...", Bộ trưởng Phạm Thị Thanh Trà nhấn mạnh và cho biết sẽ phối hợp với Bộ Tài chính, Bộ Thông tin và Truyền thông để tham mưu cho Chính phủ.

Theo bà Phạm Thị Thanh Trà, Bộ Nội vụ đang xây dựng chiến lược thu hút, trọng dụng nhân tài và sẽ trình Chính phủ ban hành nghị định về thu hút, trọng dụng người tài năng vào khu vực công. Trong đó, sẽ lưu ý với các cơ quan báo chí để có cơ chế thu hút nhân tài vào các cơ quan báo chí chủ lực.

Nguồn: baochinhphu.vn

BAN CHỈ ĐẠO CẢI CÁCH HÀNH CHÍNH CỦA CHÍNH PHỦ: LÀM VIỆC VỚI ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH KON TUM

Sáng ngày 15/6, Đoàn kiểm tra Ban Chỉ đạo cải cách hành chính của Chính phủ do Thứ trưởng Bộ Nội vụ, Phó trưởng Ban Chỉ đạo cải cách hành chính của Chính phủ Nguyễn Trọng Thừa làm Trưởng đoàn có buổi làm việc với Ủy ban nhân dân tỉnh Kon Tum về công tác cải cách hành chính năm 2022 và 5 tháng đầu năm 2023.

Từ năm 2022 đến tháng 5/2023, Tỉnh ủy, Ủy ban nhân dân tỉnh Kon Tum luôn quan tâm lãnh đạo, chỉ đạo quyết liệt việc thực hiện công tác cải cách hành chính. Trong đó, công tác cải cách thủ tục hành chính và chuyển đổi số tiếp tục được quan tâm, chú trọng. Việc tiếp nhận và trả kết quả giải quyết thủ tục hành chính cơ bản được thực hiện thông qua Hệ thống thông tin giải quyết thủ tục hành chính của tỉnh Kon Tum. Việc ứng dụng công nghệ thông tin trong giải quyết thủ tục hành chính ngày càng mạnh mẽ. Việc thực hiện thí điểm tiếp nhận hồ sơ và trả kết quả giải quyết thủ tục hành chính không phụ thuộc địa giới hành chính và thí điểm danh mục thủ tục hành chính thực hiện luân chuyển, xử lý hồ sơ hoàn toàn trên môi trường điện tử đã tạo thuận lợi cho người dân, doanh nghiệp, tổ chức tiết kiệm thời gian và chi phí đi lại trong giải quyết thủ tục hành chính. Công tác thẩm định văn bản được chú trọng thực hiện, ý kiến thẩm định có tính phản biện cao. Việc kiểm tra, rà soát thủ tục hành chính được thực hiện nghiêm túc, kịp thời, đúng quy định của pháp luật, qua đó góp phần quan trọng vào việc hoàn thiện hệ thống văn bản quy phạm pháp luật của địa phương, tăng cường hiệu quả quản lý nhà nước, ổn định an ninh chính trị, trật tự xã hội và thúc đẩy phát triển kinh tế - xã hội trên địa bàn tỉnh Kon Tum.

Theo đó, công tác cải cách hành chính, cải thiện môi trường đầu tư kinh doanh trên địa bàn tỉnh đạt được một số kết quả nhất định. Qua kết quả công bố các chỉ số của năm 2022, nhiều chỉ số đã được cải thiện so với năm 2021. Cụ thể: Chỉ số năng lực cạnh tranh cấp tỉnh năm 2022 xếp thứ 37/63 (cải thiện 24 bậc), Chỉ số hài lòng về sự phục vụ hành chính xếp thứ 42/63 (cải thiện 2 bậc), Chỉ số hiệu quả quản trị và hành chính công cấp tỉnh xếp thứ 54/63 (chưa được cải thiện), Chỉ số cải cách hành chính xếp thứ 55/63 (cải thiện 4 bậc). Trong đó, có nhiều chỉ số thành phần được cải thiện đáng kể như: Chỉ số thành phần cải cách tổ chức bộ máy tăng 27 bậc (xếp thứ 36/63), chỉ số thành phần cải cách thể chế tăng 17 bậc (xếp thứ 43/63), chỉ số thành phần xây dựng và phát triển chính quyền điện tử và chính quyền số tăng 31 bậc (xếp 31/63).

Phát biểu tại Buổi làm việc, Thứ trưởng Bộ Nội vụ Nguyễn Trọng Thừa đánh giá cao công tác triển khai thực hiện cải cách hành chính trên địa bàn tỉnh trong những năm qua. Đồng thời, đề nghị trong thời gian tới, Ủy ban nhân dân tỉnh Kon Tum tiếp tục đổi mới công tác cải cách hành chính bằng các hình thức đơn giản hóa thủ tục hành chính để tạo điều kiện cho người dân, doanh nghiệp trên địa bàn tỉnh tham gia thực hiện các loại giấy tờ được thuận lợi hơn, qua đó đáp ứng yêu cầu đẩy mạnh phát triển Chính phủ điện tử, nâng cao chất lượng, hiệu quả hoạt động của các cơ quan nhà nước, phục vụ người dân và doanh nghiệp ngày càng tốt hơn.

Nguồn: baokontum.com.vn

BỘ Y TẾ: QUYẾT TÂM THAY ĐỔI MẠNH MẼ CÔNG TÁC KHÁM, CHỮA BỆNH BẰNG CHUYÊN ĐỔI SỐ

Bộ Y tế sẽ tái cấu trúc quy trình thanh toán viện phí; quy trình thanh toán chi phí dịch vụ khám, chữa bệnh không dùng tiền mặt đảm bảo đúng quy định và an toàn thông tin, tính riêng tư thông tin, dữ liệu bệnh nhân.

Kế hoạch ứng dụng công nghệ thông tin và triển khai Đề án 06 năm 2023 vừa được Bộ Y tế phê duyệt, nhằm nâng cao chất lượng hoạt động y tế nói chung và nâng cao chất lượng khám, chữa bệnh nói riêng.

Ứng dụng công nghệ thông tin y tế

Theo Thứ trưởng Bộ Y tế Trần Văn Thuấn, việc hoàn thiện môi trường pháp lý, cơ chế và chính sách để ứng dụng công nghệ thông tin y tế và triển khai nhiệm vụ của Đề án 06 là một trong những nội dung quan trọng mà Bộ Y tế quan tâm trong kế hoạch trên.

Trong đó, Bộ Y tế chú trọng việc tái cấu trúc quy trình thanh toán viện phí và ban hành biểu mẫu biên lai thanh toán viện phí trên Cổng dịch vụ công quốc gia và quy trình thanh toán chi phí dịch vụ khám, chữa bệnh không dùng tiền mặt,

Để đảm bảo hoạt động này, Bộ Y tế đã yêu cầu Cục Quản lý khám, chữa bệnh chỉ đạo để đảm bảo ít nhất 50% bệnh viện hạng 2 trở lên triển khai tích hợp thanh toán viện phí trên Cổng dịch vụ công quốc gia.

Bộ Y tế sẽ tổ chức hướng dẫn các cơ sở khám, chữa bệnh triển khai thanh toán viện phí không dùng tiền mặt đảm bảo đúng quy định và đảm bảo an toàn thông tin, tính riêng tư thông tin, dữ liệu bệnh nhân khi thực hiện thanh toán không dùng tiền mặt.

Kế hoạch của Bộ Y tế cũng đặt ra là thống kê, cập nhật thông tin, dữ liệu về y, bác sỹ, bệnh viện, trạm y tế, nhà thuốc, giường bệnh, trang thiết bị y tế,... để phục vụ công tác quản lý nhà nước, đảm bảo theo đúng quy định của pháp luật.

Cục Quản lý khám, chữa bệnh sẽ tiếp tục rà soát, đối chiếu, cập nhật làm sạch dữ liệu tiêm chủng COVID-19 với Cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư, đảm bảo chính xác, đúng quy định, đồng thời, chỉ đạo các cơ sở y tế cập nhật dữ liệu nhóm thông tin cơ bản về y tế vào Cơ sở dữ liệu quốc gia về bảo hiểm theo quy định.

Việc kết nối chia sẻ dữ liệu kết quả khám sức khỏe qua hạ tầng của Bảo hiểm xã hội Việt Nam để thực hiện dịch vụ công cấp đổi, cấp lại giấy giấy phép lái xe đã được Bộ Y tế chỉ đạo Cục Quản lý khám, chữa bệnh thực hiện, đồng thời, thống nhất với Bảo hiểm Xã hội Việt Nam và Bộ Công an về việc chia sẻ một số trường thông tin cơ bản của sổ Sức khỏe điện tử hiển thị trên ứng dụng VNeID theo đúng pháp luật.

Đầu tư thực hiện các nhiệm vụ Đề án 06

Theo ông Thuấn, các nhiệm vụ Đề án 06 sẽ được Bộ Y tế tập trung đầu tư là: Nâng cấp hạ tầng lưu trữ dữ liệu và bảo đảm đáp ứng an toàn thông tin mạng cấp độ 3 của Trung tâm dữ

liệu y tế tại Bộ Y tế và đầu tư phần mềm vận hành kho dữ liệu hồ sơ sức khỏe điện tử và nguồn lực y tế.

Trong đó bao gồm việc phục vụ cập nhật dữ liệu nhóm thông tin cơ bản về y tế vào Cơ sở dữ liệu quốc gia về bảo hiểm; chia sẻ một số trường thông tin cơ bản của sổ Sức khỏe điện tử hiển thị trên ứng dụng VneID; Thu thập dữ liệu tại địa phương và cập nhật vào kho dữ liệu nguồn lực y tế.

Bên cạnh đó là thuê dịch vụ xây dựng Hệ thống quốc gia quản lý hành nghề khám, chữa bệnh thực hiện theo quy định của Luật Khám, chữa bệnh và văn bản hướng dẫn dưới luật; Liên thông nhóm thủ tục Cấp chứng chỉ hành nghề khám, chữa bệnh nhằm thực hiện nhiệm vụ tại Quyết định số 422/QĐ-TTg ngày 04/04/2022 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Danh mục dịch vụ công trực tuyến tích hợp, cung cấp trên Cổng dịch vụ công quốc gia năm 2022.

Bộ Y tế cũng đặt mục tiêu thuê dịch vụ công nghệ thông tin triển khai 06 dịch vụ công trực tuyến tại Cục Quản lý Dược, nhằm nâng cao chất lượng, hiệu quả, tính minh bạch trong hoạt động cung cấp dịch vụ hành chính của Bộ Y tế, phục vụ công tác cải cách hành chính, đáp ứng tốt hơn nhu cầu của người dân, doanh nghiệp và các cơ quan, tổ chức.

Trong lĩnh vực an toàn thực phẩm, Bộ Y tế cho hay sẽ thuê dịch vụ công nghệ thông tin “Hệ thống 9 dịch vụ công trực tuyến mức độ 4 lĩnh vực an toàn thực phẩm”, tích hợp lên Cổng dịch vụ công trực tuyến của Bộ Y tế, góp phần nâng cao chất lượng, hiệu quả, tính minh bạch trong hoạt động cung cấp dịch vụ hành chính công của Bộ Y tế, phục vụ công tác cải cách hành chính, đáp ứng tốt hơn nhu cầu của người dân, doanh nghiệp và các cơ quan, tổ chức.

Riêng trong lĩnh vực y học cổ truyền, Bộ Y tế cũng xây dựng hệ thống thông tin quản lý khám, chữa bệnh y dược cổ truyền kết nối sổ sức khỏe điện tử, bao gồm: Xây dựng tài liệu đặc tả cấu trúc hồ sơ bệnh án điện tử y học cổ truyền; Nâng cấp phần mềm bệnh án điện tử tại Bệnh viện Y học cổ truyền Trung ương; Nâng cấp phần mềm quản lý tổng thể bệnh viện (HIS) của Bệnh viện Y học cổ truyền Trung ương kết nối Sổ sức khỏe điện tử làm mô hình mẫu cho việc kết nối hệ thống HIS của các bệnh viện, viện y học cổ truyền trên toàn quốc với hệ thống Sổ sức khỏe điện tử của Bộ Y tế; Xây dựng kho lưu trữ dự phòng hồ sơ bệnh án điện tử y học cổ truyền để tạo điều kiện cho các bệnh viện, viện y học cổ truyền triển khai bệnh án điện tử đáp ứng các yêu cầu về lưu trữ dự phòng hồ sơ bệnh án điện tử.

Ngoài ra, Bộ Y tế còn xây dựng Cơ sở dữ liệu về hỗ trợ sinh sản với việc đảm bảo kết nối mạng với tất cả các cơ sở hỗ trợ sinh sản trên toàn quốc đã được Bộ Y tế công nhận đủ điều kiện thực hiện, nhằm tăng cường quản lý việc cho, nhận, lưu giữ tinh trùng, noãn, phôi, thụ tinh trong ống nghiệm và mang thai hộ vì mục đích nhân đạo.

Nguồn: viettimes.vn

CƠ SỞ DỮ LIỆU QUỐC GIA: NỀN TẢNG CHO CHÍNH QUYỀN SỐ

Một trong số những nhiệm vụ quan trọng của các bộ ngành, địa phương, đơn vị trong việc thực hiện chuyển đổi số chính là xây dựng, hình thành, kết nối và chia sẻ dữ liệu thông qua các cơ sở dữ liệu quốc gia.

Mỗi ngày có khoảng 1,47 triệu giao dịch qua Hệ thống nền tảng tích hợp, chia sẻ dữ liệu quốc gia

Theo số liệu từ Bộ Thông tin và Truyền thông, tính đến tháng 5/2023, Hệ thống nền tảng tích hợp, chia sẻ dữ liệu quốc gia (NDXP) đã ghi nhận có tổng số giao dịch thực là 28.045.703, trung bình hằng ngày có khoảng 1,47 triệu giao dịch.

Được biết, Hệ thống nền tảng tích hợp, chia sẻ dữ liệu quốc gia đã giúp hỗ trợ hoàn thành kết nối Cơ sở dữ liệu quốc gia về cán bộ, công chức, viên chức với 20 Bộ, ngành và 60 địa phương. Đồng thời, Hệ thống cũng kết nối, đăng ký, giải quyết chính sách trợ giúp xã hội trực tuyến với 41 địa phương.

13 đơn vị Bộ, ngành, 1 doanh nghiệp nhà nước (EVN), 3 doanh nghiệp viễn thông và 63 địa phương đã được Bộ Công an kết nối để phục vụ khai thác thông tin. Tính đến nay, trên toàn quốc đã có 11 địa phương triển khai số hóa dữ liệu hộ tịch trên nền tảng Cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư, đồng thời, tiếp tục hỗ trợ các đoàn thể xây dựng dữ liệu quản lý đoàn viên, hội viên.

Theo thông tin tổng hợp của Bộ Thông tin và Truyền thông, Bộ Công an cũng đã tiếp nhận 108,7 triệu yêu cầu xác thực thông tin thuê bao của 03 nhà mạng Viettel, Vinaphone, Mobiphone, có thông tin trùng khớp là 90,27 triệu yêu cầu (đạt 83%).

Tính đến ngày 18/5/2023, ngành Bảo hiểm Xã hội Việt Nam cũng đạt những kết quả tích cực như Bộ Công an khi hoàn thành việc xác thực thông tin của hơn 83 triệu nhân khẩu với Cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư.

Đơn vị này cũng đã thực hiện việc triển khai thí điểm khám chữa bệnh bảo hiểm y tế bằng căn cước công dân gắn chip. Hiện tại, trên phạm vi toàn quốc đã có gần 12,5 nghìn cơ sở khám chữa bệnh bảo hiểm y tế thực hiện tra cứu thông tin thẻ bảo hiểm y tế bằng căn cước công dân gắn chip, đạt 97% tổng số cơ sở khám chữa bệnh bảo hiểm y tế với hơn 25,7 triệu lượt tra cứu thông tin thẻ bảo hiểm y tế bằng căn cước công dân thành công phục vụ làm thủ tục khám chữa bệnh bảo hiểm y tế.

Thêm vào đó, Bảo hiểm Xã hội Việt Nam đang nỗ lực tiếp tục kết nối, trao đổi, chia sẻ dữ liệu giữa Bảo hiểm xã hội với Cục Chuyển đổi số quốc gia, Bộ Thông tin và Truyền thông; Bộ Tư pháp; Bộ Y tế; Bộ Kế hoạch và Đầu tư....

Các dữ liệu từ Bảo hiểm xã hội cấp huyện trở lên đang được tự động cập nhật lên Hệ thống thông tin báo cáo Chính phủ. Đồng thời, ngành Bảo hiểm đang tiếp tục phối hợp với Văn phòng Chính phủ, các Bộ liên quan hoàn thiện quy trình để tích hợp, cung cấp các dịch vụ công.

Tính đến ngày 22/5/2023, Bộ Tư pháp cũng đã vận hành hiệu quả Hệ thống đăng ký và quản lý hộ tịch điện tử toàn quốc, kết quả đạt được: Dữ liệu đăng ký kết hôn (8.810.207); dữ liệu đăng ký khai tử (5.441.461), dữ liệu đăng ký khai sinh đạt 35.898.836 (trong đó có 8.696.362 trẻ em được cấp số định danh cá nhân theo quy định, 4.905.771 hồ sơ khai sinh có số định danh cá nhân được chuyển sang hệ thống của Bảo hiểm xã hội) và dữ liệu khác (9.718.669).

Ngành Tài nguyên và Môi trường cũng đã đẩy mạnh việc quản lý đất đai theo hướng dữ liệu số. Ngành đã xây dựng mới cơ sở dữ liệu cho 160 huyện và chuyển đổi cơ sở dữ liệu cho 90 huyện. Đồng thời, vận hành Cơ sở dữ liệu đất đai thường xuyên tại Văn phòng Đăng ký đất đai và các Chi nhánh của các tỉnh, thành phố.

Dữ liệu đất đai của 52/63 địa phương đã được kết nối, liên thông với Hệ thống tích hợp, kết nối, chia sẻ dữ liệu đất đai quốc gia; kết nối dữ liệu từ Cơ sở dữ liệu đất đai quốc gia, Cơ sở dữ liệu đất đai cấp địa phương với Nền tảng NDXP, Trung tâm điều hành của Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ phục vụ công tác chỉ đạo, điều hành, cung cấp dịch vụ công trực tuyến và sẵn sàng chia sẻ dữ liệu cho các Bộ, ngành, địa phương.

Đến nay, tất cả 63/63 tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương đã và đang triển khai xây dựng Cơ sở dữ liệu đất đai với 217/705 đơn vị cấp huyện cùng 43 triệu thửa đất đã hoàn thành và đưa vào sử dụng thường xuyên tại Văn phòng Đăng ký đất đai và các Chi nhánh của các tỉnh, thành phố; tiếp tục xây dựng cơ sở dữ liệu 250 huyện, thuộc 30 tỉnh, thành phố, dự kiến hoàn thành 6/2023.

Nhằm phát triển nền kinh tế số quốc gia theo hướng bền vững, việc hình thành Cơ sở dữ liệu quốc gia về tài chính là rất quan trọng. Do đó, Bộ Tài chính đang xây dựng, hoàn thiện các cơ sở dữ liệu chuyên ngành phục vụ Đề án xây dựng Cơ sở dữ liệu quốc gia về Tài chính (triển khai 12 cơ sở dữ liệu chuyên ngành). Đồng thời, đơn vị đã hoàn thành xây dựng và đã đưa vào triển khai sử dụng 10 cơ sở dữ liệu chuyên ngành, 02 cơ sở dữ liệu chuyên ngành đang tổ chức nâng cấp và hoàn thiện.

Đẩy mạnh xây dựng và kết nối các Cơ sở dữ liệu quốc gia

Được biết, Bộ Thông tin và Truyền thông đã đưa ra nhiều đề xuất, kiến nghị cho các đơn vị thực hiện, tập trung cho nội dung dữ liệu: Các đơn vị cần đẩy mạnh xây dựng, cập nhật, liên thông, kết nối các Cơ sở dữ liệu quốc gia, Cơ sở dữ liệu chuyên ngành để tích hợp, chia sẻ thông tin dữ liệu phục vụ chỉ đạo, điều hành của Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ. Nhờ đó, chính quyền các cấp và giải quyết nhanh thủ tục hành chính phục vụ người dân, doanh nghiệp.

Theo cơ quan này, việc cần làm hiện nay của các đơn vị là đẩy mạnh kết nối, tích hợp, chia sẻ thông tin, dữ liệu với Trung tâm thông tin, chỉ đạo điều hành của Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ.

Không chỉ vậy, cần chuẩn hóa chế độ báo cáo, hoàn thành xây dựng Hệ thống thông tin báo cáo và tích hợp, chia sẻ dữ liệu với Hệ thống thông tin báo cáo Chính phủ; Phối hợp với Văn phòng Chính phủ xây dựng Khung Bộ chỉ số phục vụ chỉ đạo, điều hành của các cơ quan trong hệ thống hành chính nhà nước.

Mặt khác, các đơn vị phải tích cực bám sát các yêu cầu, mục tiêu đề ra của Nghị quyết số 17 và tập trung thực hiện tốt các đề xuất kiến nghị từ Bộ Thông tin và Truyền thông nêu trên thì kết quả và các giá trị mong muốn sẽ được tạo dựng ngày một nhiều hơn.

Theo Bộ trưởng Bộ Thông tin và Truyền thông Nguyễn Mạnh Hùng, trong Quý III/2023 Nghị định quy định danh mục Cơ sở dữ liệu quốc gia, việc xây dựng, cập nhật, duy trì và khai thác, sử dụng Cơ sở dữ liệu quốc gia sẽ được hoàn thiện. Đi kèm với đó, Bộ sẽ tiếp rà soát cập nhật khung Kiến trúc Chính phủ điện tử 2.0. Đồng thời, đôn đốc, hỗ trợ các Bộ, ngành, địa phương cung cấp dịch vụ công trực tuyến toàn trình, thúc đẩy phát triển các nền tảng cho phát triển Chính phủ điện tử, thực hiện chuyển đổi số quốc gia.

Cùng với đó tăng cường hướng dẫn, hỗ trợ các Bộ, ngành, địa phương kết nối cơ sở dữ liệu, hệ thống thông tin phục vụ quản lý nhà nước, nghiệp vụ chuyên ngành với Cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư, hệ thống định danh và xác thực điện tử quốc gia. Đẩy mạnh việc kết nối, chia sẻ dữ liệu giữa các cơ quan nhà nước thông qua nền tảng tích hợp, chia sẻ dữ liệu quốc gia, ông Nguyễn Mạnh Hùng thông tin.

Nguồn: kinhtedothi.vn

MỘT SỐ ĐỀ XUẤT MỚI:

*** Bộ Nội vụ đang lấy ý kiến góp ý của Nhân dân vào dự thảo Thông tư hướng dẫn về lưu trữ hồ sơ thủ tục hành chính điện tử.**

Theo dự thảo, hoạt động nghiệp vụ lưu trữ đối với hồ sơ thủ tục hành chính điện tử gồm: Thu thập tài liệu; xác định giá trị tài liệu lưu trữ; bảo quản, bảo đảm an toàn tài liệu lưu trữ; thống kê tài liệu lưu trữ; sử dụng tài liệu lưu trữ.

Các hoạt động nghiệp vụ lưu trữ đối với hồ sơ thủ tục hành chính điện tử thực hiện theo quy định tại Nghị định số 01/2013/NĐ-CP ngày 03/01/2013 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Lưu trữ, Thông tư số 02/2019/TT-BNV, Thông tư số 10/2022/TT-BNV ngày 30/12/2022 của Bộ trưởng Bộ Nội vụ quy định về thời hạn bảo quản tài liệu hình thành trong hoạt động của cơ quan, tổ chức và quy định thời hạn bảo quản tài liệu chuyên môn nghiệp vụ của cơ quan quản lý ngành, lĩnh vực.

Dự thảo Thông tư cũng nêu rõ quy định sử dụng dữ liệu thủ tục hành chính điện tử. Theo đó, hồ sơ thủ tục hành chính điện tử sau khi giao nộp vào Lưu trữ cơ quan tiếp tục được lưu giữ 01 bộ trên Hệ thống thông tin một cửa điện tử cấp bộ, cấp tỉnh để phục vụ khai thác, tái sử dụng.

Hồ sơ thủ tục hành chính điện tử lưu trữ tại Lưu trữ cơ quan được sử dụng theo quy định của Luật Lưu trữ và các văn bản dưới Luật.

Hệ thống thông tin một cửa điện tử phải bảo đảm tính năng cho phép trích xuất dữ liệu thủ tục hành chính điện tử dưới dạng văn bản điện tử theo định dạng quy định hoặc dưới dạng văn bản in ra giấy theo quy định về sao văn bản tại Nghị định số 30/2020/NĐ-CP.

Thông tin trích xuất từ các cơ sở dữ liệu quốc gia, cơ sở dữ liệu của bộ, ngành, địa phương để phục vụ giải quyết thủ tục hành chính điện tử dưới dạng văn bản phải có xác thực của cơ quan, tổ chức thực hiện trích xuất tại thời điểm trích xuất có giá trị pháp lý.

Người đứng đầu cơ quan, tổ chức trong phạm vi nhiệm vụ, quyền hạn của mình có trách nhiệm áp dụng các biện pháp nhằm nâng cao hiệu quả trong việc thu thập, quản lý, bảo quản và sử dụng cơ sở dữ liệu thủ tục hành chính điện tử.

Người giải quyết hồ sơ thủ tục hành chính điện tử có trách nhiệm lập và giao nộp hồ sơ thủ tục hành chính điện tử vào Lưu trữ cơ quan đúng quy định.

Người làm lưu trữ giúp người đứng đầu cơ quan, tổ chức hướng dẫn việc nộp lưu hồ sơ thủ tục hành chính điện tử; thu thập, xác định giá trị tài liệu, thống kê, bảo quản và tổ chức sử dụng hồ sơ thủ tục hành chính điện tử; giao nộp hồ sơ thủ tục hành chính điện tử có giá trị bảo quản vĩnh viễn thuộc Danh mục tài liệu nộp lưu vào Lưu trữ lịch sử; tổ chức hủy hồ sơ thủ tục hành chính điện tử hết giá trị theo quyết định của người đứng đầu cơ quan, tổ chức.

*** Bộ Tư pháp đang dự thảo Nghị định bãi bỏ một số văn bản quy phạm pháp luật của Chính phủ.**

Cụ thể, bãi bỏ toàn bộ 16 văn bản quy phạm pháp luật sau đây:

1. Nghị định số 159/2003/NĐ-CP ngày 10/12/2003 của Chính phủ về cung ứng và sử dụng séc.
2. Nghị định số 42/2007/NĐ-CP ngày 26/3/2007 của Chính phủ quy định cấp bậc hàm của sĩ quan, hạ sĩ quan trong lực lượng Công an nhân dân.
3. Nghị quyết số 30/2008/NQ-CP ngày 11/12/2008 của Chính phủ về những giải pháp cấp bách nhằm ngăn chặn suy giảm kinh tế, duy trì tăng trưởng kinh tế, bảo đảm an sinh xã hội.
4. Nghị định số 53/2010/NĐ-CP ngày 19/5/2010 của Chính phủ quy định về địa bàn ưu đãi đầu tư, ưu đãi thuế thu nhập doanh nghiệp đối với đơn vị hành chính mới thành lập do Chính phủ điều chỉnh địa giới hành chính.
5. Nghị định số 101/2011/NĐ-CP ngày 04/11/2011 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành Nghị quyết số 08/2011/QH13 của Quốc hội về ban hành bổ sung một số giải pháp về thuế nhằm tháo gỡ khó khăn cho doanh nghiệp và cá nhân.
6. Nghị định số 60/2012/NĐ-CP ngày 30/7/2012 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành Nghị quyết số 29/2012/QH13 ban hành một số chính sách thuế nhằm tháo gỡ khó khăn cho tổ chức và cá nhân.
7. Nghị định số 204/2013/NĐ-CP ngày 05/12/2013 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành Nghị quyết của Quốc hội về một số giải pháp thực hiện ngân sách nhà nước năm 2013, 2014.
8. Nghị định số 41/2020/NĐ-CP ngày 08/4/2020 của Chính phủ gia hạn thời hạn nộp thuế và tiền thuê đất.
9. Nghị định số 109/2020/NĐ-CP ngày 15/9/2020 của Chính phủ quy định gia hạn thời hạn nộp thuế tiêu thụ đặc biệt đối với ô tô sản xuất hoặc lắp ráp trong nước.

10. Nghị định số 114/2020/NĐ-CP ngày 25/9/2020 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành Nghị quyết số 116/2020/QH14 của Quốc hội về giảm thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp của năm 2020 đối với doanh nghiệp, hợp tác xã, đơn vị sự nghiệp và tổ chức khác.

11. Nghị định số 44/2021/NĐ-CP ngày 31/3/2021 của Chính phủ hướng dẫn thực hiện về chi phí được trừ khi xác định thu nhập chịu thuế thu nhập doanh nghiệp đối với khoản chi ủng hộ, tài trợ của doanh nghiệp, tổ chức cho các hoạt động phòng, chống dịch COVID-19.

12. Nghị định số 52/2021/NĐ-CP ngày 19/4/2021 của Chính phủ về gia hạn thời hạn nộp thuế giá trị gia tăng, thuế thu nhập doanh nghiệp, thuế thu nhập cá nhân và tiền thuê đất trong năm 2021.

13. Nghị định số 92/2021/NĐ-CP ngày 27/10/2021 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành Nghị quyết số 406/NQ-UBTVQH15 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội ban hành một số giải pháp nhằm hỗ trợ doanh nghiệp, người dân chịu tác động của dịch COVID-19.

14. Nghị định số 104/2021/NĐ-CP ngày 04/12/2021 của Chính phủ gia hạn thời hạn nộp thuế tiêu thụ đặc biệt đối với ô tô sản xuất hoặc lắp ráp trong nước.

15. Nghị định số 15/2022/NĐ-CP ngày 28/01/2022 của Chính phủ quy định chính sách miễn, giảm thuế theo Nghị quyết số 43/2022/QH15 của Quốc hội về chính sách tài khóa, tiền tệ hỗ trợ Chương trình phục hồi và phát triển kinh tế - xã hội.

16. Nghị định số 183/2013/NĐ-CP ngày 15/11/2013 của Chính phủ về Điều lệ tổ chức và hoạt động của Tổng công ty Hàng không Việt Nam.

Dự thảo bãi bỏ một phần các văn bản quy phạm pháp luật sau đây:

1. Bãi bỏ Điều 23, Khoản 1 Điều 24, điểm c, d Khoản 2 Điều 24, Điều 25 Nghị định số 19/2011/NĐ-CP ngày 21/3/2011 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Nuôi con nuôi.

2. Bãi bỏ Điều 12 Nghị định số 104/2022/NĐ-CP ngày 21/12/2022 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các nghị định liên quan đến việc nộp, xuất trình sổ hộ khẩu, sổ tạm trú giấy khi thực hiện thủ tục hành chính, cung cấp dịch vụ công.

3. Bãi bỏ Điều 10 Nghị định số 34/2014/NĐ-CP ngày 29/4/2014 của Chính phủ về quy chế khu vực biên giới đất liền nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam.

4. Bãi bỏ Khoản 2 Điều 22 Nghị định số 52/2015/NĐ-CP ngày 28/5/2015 của Chính phủ về Cơ sở dữ liệu quốc gia về pháp luật.

*** Bộ Tài nguyên và Môi trường đang dự thảo Thông tư sửa đổi, bổ sung một số điều Thông tư số 36/2014/TT-BTNMT ngày 30/6/2014 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định chi tiết phương pháp định giá đất; xây dựng, điều chỉnh bảng giá đất; định giá đất cụ thể và tư vấn xác định giá đất.**

Bộ Tài nguyên và Môi trường cho biết, Nghị định số 44/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 của Chính phủ quy định về giá đất đã quy định 5 phương pháp định giá đất, gồm: so sánh trực tiếp, chiết trừ, thu nhập, thặng dư, hệ số điều chỉnh giá đất và điều kiện áp dụng 5 phương pháp này. Thông tư số 36/2014/TT-BTNMT ngày 30/6/2014 của Bộ Tài nguyên và Môi trường

trường quy định chi tiết phương pháp định giá đất, trình tự thủ tục xây dựng bảng giá đất, định giá đất cụ thể và tư vấn xác định giá đất.

Các văn bản quy phạm pháp luật nêu trên đã tạo hành lang pháp lý đồng bộ cho công tác định giá đất tại địa phương. Công tác xác định giá đất cụ thể cũng đã được các tỉnh, thành phố quan tâm tổ chức thực hiện và cơ bản đáp ứng được yêu cầu; về cơ bản đã được thực hiện theo quy trình chặt chẽ (điều tra, khảo sát xác định giá đất, thông qua Hội đồng thẩm định giá đất, quyết định giá đất), kết quả xác định phù hợp với thực tiễn, góp phần bảo đảm quyền lợi của người có đất bị thu hồi, tăng thu cho ngân sách nhà nước.

Tuy nhiên, trong bối cảnh tình hình phát triển của nền kinh tế tăng trưởng mạnh, thu hút nhiều dự án đầu tư phát triển, công tác định giá đất cụ thể ở một số nơi chưa kịp thời, chưa có cơ chế, nguồn lực để thu thập đầy đủ các dữ liệu, thông tin giá đất phổ biến trên thị trường, đảm bảo việc định giá phù hợp với giá thị trường. Việc áp dụng các phương pháp định giá đất tại một số địa phương đã bộc lộ hạn chế cần được tháo gỡ.

Theo Bộ Tài nguyên và Môi trường, việc ban hành Thông tư sửa đổi, bổ sung một số điều Thông tư số 36/2014/TT-BTNMT để kịp thời tháo gỡ các khó khăn, vướng mắc trong quá trình thực hiện công tác định giá đất là cần thiết.

Tại dự thảo, Bộ Tài nguyên và Môi trường đã đề xuất sửa đổi, bổ sung Điều 3 Thông tư số 36/2014/TT-BTNMT theo hướng: Quy định cụ thể về nguồn thu thập thông tin giá đất các thửa đất so sánh đối với giá đất trúng đấu giá, giá đất ghi trên hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất và giá đất thị trường trên cơ sở dữ liệu về đất đai.

Bên cạnh đó, bỏ quy định về giao dịch thành công trên thị trường và việc thu thập thông tin thông qua phòng vấn trực tiếp; quy định cụ thể về phạm vi thu thập thông tin trong trường hợp khu vực định giá không thu thập được đầy đủ thông tin; Ủy ban nhân dân cấp tỉnh căn cứ tình hình thực tế tại địa phương quy định cụ thể bảng tỷ lệ điều chỉnh các yếu tố khác biệt của các thửa đất so sánh với thửa đất cần định giá.

Bộ cũng đề xuất sửa đổi, bổ sung Điều 5 Thông tư số 36/2014/TT-BTNMT theo hướng: Quy định cụ thể về thời gian để tính thu nhập bình quân một năm của thửa đất cần định giá đối với đất nông nghiệp và phi nông nghiệp; quy định cụ thể đối với trường hợp thông tin để xác định thu nhập bình quân một năm của thửa đất cần định giá không đầy đủ thu nhập theo từng năm, không phản ánh đúng thu nhập thực tế từ việc sử dụng đất đối với đất nông nghiệp và phi nông nghiệp.

Đồng thời, quy định về lãi suất tiền gửi tiết kiệm bình quân (r) của loại tiền gửi VNĐ kỳ hạn 12 tháng tại các ngân hàng thương mại mà Nhà nước sở hữu trên 50% vốn điều lệ trên địa bàn cấp tỉnh của năm (được tính từ ngày 01/01 đến hết ngày 31/12) trước thời điểm định giá và n là thời hạn sử dụng đất còn lại của thửa đất cần định giá đối với trường hợp thuê đất trả tiền thuê đất một lần cho cả thời gian thuê (tính theo năm); là 70 năm đối với trường hợp thuê đất trả tiền thuê đất hàng năm.

*** Bộ Giáo dục và Đào tạo đang lấy ý kiến góp ý với dự thảo Thông tư quy định về điều kiện, trình tự, thủ tục, thẩm quyền công nhận văn bằng do cơ sở giáo dục nước ngoài cấp để sử dụng tại Việt Nam.**

Dự thảo Thông tư quy định về điều kiện, trình tự, thủ tục, thẩm quyền công nhận văn bằng do cơ sở giáo dục nước ngoài cấp để sử dụng tại Việt Nam gồm: Văn bằng giáo dục đại học, văn bằng giáo dục phổ thông, giấy chứng nhận hoàn thành chương trình giáo dục phổ thông theo hệ thống giáo dục của nước cấp bằng (gọi chung là văn bằng).

Công nhận văn bằng do cơ sở giáo dục nước ngoài cấp để sử dụng tại Việt Nam là việc xác định cấp học, trình độ đào tạo ghi trên văn bằng theo hệ thống giáo dục của nước nơi cơ sở giáo dục nước ngoài đặt trụ sở chính và trong trường hợp tương thích thì công nhận tương đương đối với văn bằng trong hệ thống giáo dục quốc dân Việt Nam hoặc bậc trình độ theo Khung trình độ quốc gia Việt Nam.

Nội dung công nhận văn bằng gồm: Cấp học, trình độ đào tạo tương ứng với một trong những hệ thống sau: Hệ thống giáo dục quốc dân Việt Nam hoặc Khung trình độ quốc gia Việt Nam; Chuẩn phân loại giáo dục quốc tế của UNESCO (ISCED 2011); hệ thống giáo dục hoặc khung trình độ quốc gia của nước nơi cơ sở giáo dục nước ngoài đặt trụ sở chính; định hướng của chương trình giáo dục, đào tạo; trình độ đào tạo kế tiếp chấp nhận văn bằng là điều kiện đầu vào.

Văn bằng do cơ sở giáo dục nước ngoài được công nhận khi đáp ứng một trong ba điều kiện sau:

Chương trình giáo dục được kiểm định chất lượng bởi cơ quan có thẩm quyền về kiểm định chất lượng giáo dục của nước nơi cơ sở giáo dục nước ngoài đặt trụ sở chính hoặc được công nhận bởi cơ quan có thẩm quyền về giáo dục của nước nơi cơ sở giáo dục nước ngoài đặt trụ sở chính.

Cơ sở giáo dục nước ngoài được cơ quan có thẩm quyền về giáo dục của nước nơi cơ sở giáo dục nước ngoài đặt trụ sở chính cho phép đào tạo, cấp bằng hoặc được cơ quan có thẩm quyền về kiểm định chất lượng giáo dục của nước nơi cơ sở giáo dục nước ngoài đặt trụ sở chính công nhận chất lượng và văn bằng được cơ quan có thẩm quyền về giáo dục của nước đó công nhận.

Văn bằng do cơ sở giáo dục nước ngoài cấp thuộc phạm vi áp dụng của hiệp định, thỏa thuận về tương đương văn bằng hoặc công nhận lẫn nhau về văn bằng hoặc điều ước quốc tế có liên quan đến văn bằng mà nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam đã ký kết được công nhận theo các điều khoản của hiệp định, thỏa thuận hoặc điều ước quốc tế.

Hồ sơ đề nghị công nhận văn bằng bao gồm: Phiếu đề nghị công nhận văn bằng (theo Mẫu tại Phụ lục I); Bản sao văn bằng hoặc bản sao từ sổ gốc cấp văn bằng đề nghị công nhận kèm theo bản công chứng dịch sang tiếng Việt; Bản sao phụ lục văn bằng hoặc bằng kết quả học tập (nếu có) kèm theo bản công chứng dịch sang tiếng Việt.

Việc đề nghị công nhận văn bằng được thực hiện tại Công dịch vụ công quốc gia hoặc Công dịch vụ công trực tuyến của Bộ Giáo dục và Đào tạo đối với văn bằng giáo dục đại học;

Công dịch vụ công trực tuyến của các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương, các Sở Giáo dục và Đào tạo đối với văn bằng giáo dục phổ thông, giấy chứng nhận hoàn thành chương trình giáo dục phổ thông.

Trong thời hạn 15 ngày làm việc, cơ quan có thẩm quyền công nhận văn bằng trả kết quả công nhận văn bằng cho người đề nghị công nhận văn bằng.

Kết quả công nhận văn bằng được gửi đến người đề nghị công nhận văn bằng dưới dạng văn bản điện tử.

Khi người đề nghị công nhận văn bằng có nhu cầu nhận kết quả công nhận văn bằng dưới dạng văn bản giấy, cơ quan có thẩm quyền công nhận văn bằng gửi văn bản giấy đến người đề nghị công nhận văn bằng.

*** Bộ Giáo dục và Đào tạo đang lấy ý kiến góp ý của Nhân dân vào dự thảo Thông tư sửa đổi, bổ sung một số điều của Quy định về kiểm định chất lượng giáo dục và công nhận đạt chuẩn quốc gia đối với trường mầm non ban hành kèm theo Thông tư số 19/2018/TT-BGDĐT.**

Dự thảo sửa đổi, bổ sung quy định về "Cấp Bằng công nhận trường mầm non đạt chuẩn quốc gia".

Theo đó, dự thảo quy định rõ về hồ sơ đề nghị công nhận trường mầm non đạt chuẩn quốc gia như sau:

Khi có kết quả kiểm định chất lượng giáo dục từ tổ chức kiểm định chất lượng giáo dục gửi về, trường mầm non gửi hồ sơ về phòng giáo dục và đào tạo; hồ sơ gồm công văn đề nghị xem xét, công nhận trường đạt chuẩn quốc gia, 03 báo cáo tự đánh giá, 03 báo cáo đánh giá ngoài và văn bản có liên quan.

Phòng giáo dục và đào tạo gửi hồ sơ về Sở Giáo dục và Đào tạo; hồ sơ gồm công văn đề nghị xem xét, công nhận trường mầm non đạt chuẩn quốc gia, 02 báo cáo tự đánh giá, 02 báo cáo đánh giá ngoài và văn bản có liên quan.

Trong thời hạn 20 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được hồ sơ đề nghị công nhận trường đạt chuẩn quốc gia, Giám đốc Sở Giáo dục và Đào tạo tổ chức việc xem xét kết quả đánh giá, điều kiện công nhận và mức độ công nhận theo quy định và ra quyết định cấp Bằng công nhận trường đạt chuẩn quốc gia cho trường mầm non.

Bằng công nhận trường đạt chuẩn quốc gia có giá trị 05 năm. Kết quả trường mầm non được công nhận đạt chuẩn quốc gia được công bố công khai trên trang thông tin điện tử của Sở Giáo dục và Đào tạo.

Dự thảo cũng sửa quy định về "Cấp Chứng nhận trường đạt kiểm định chất lượng giáo dục và công bố kết quả kiểm định chất lượng giáo dục".

Cụ thể, trong thời hạn 20 ngày làm việc kể từ ngày nhận được báo cáo của đoàn đánh giá ngoài, Giám đốc tổ chức kiểm định chất lượng giáo dục (thay cho Giám đốc Sở Giáo dục và Đào tạo như quy định hiện hành) ra quyết định cấp Chứng nhận trường đạt kiểm định chất lượng giáo dục theo cấp độ trường mầm non đạt được.

Chứng nhận trường đạt kiểm định chất lượng giáo dục có giá trị 05 năm. Ít nhất 05 tháng trước thời hạn hết giá trị của Chứng nhận trường đạt kiểm định chất lượng giáo dục, trường mầm non phải thực hiện xong quy trình tự đánh giá và đăng ký đánh giá ngoài theo quy định để được công nhận lại.

Kết quả kiểm định chất lượng giáo dục của trường mầm non được công bố công khai trên trang thông tin điện tử của cơ quan quản lý trực tiếp trường mầm non và trên trang thông tin điện tử của tổ chức kiểm định chất lượng giáo dục (thay cho quy định hiện hành là: Kết quả kiểm định chất lượng giáo dục của trường mầm non được công bố công khai trên trang thông tin điện tử của sở giáo dục và đào tạo).

Nguồn: baohinhphu.vn

HÀ NỘI: THỰC HIỆN NGHIÊM VIỆC XỬ LÝ HỒ SƠ CÔNG VIỆC TRÊN MÔI TRƯỜNG ĐIỆN TỬ

Chủ tịch Ủy ban nhân dân TP. Hà Nội Trần Sỹ Thanh đã ký ban hành Công văn số 1710/UBND-KSTTHC về việc tháo gỡ các “điểm nghẽn” trong triển khai Đề án 06/CP.

Công văn nêu rõ, thực hiện chỉ đạo của Thủ tướng Chính phủ về tháo gỡ các “điểm nghẽn” triển khai Đề án 06, Chủ tịch Ủy ban nhân dân TP. Hà Nội đề nghị Giám đốc, Thủ trưởng các sở, ban, ngành; Chủ tịch Ủy ban nhân dân các quận, huyện, thị xã tập trung chỉ đạo để hoàn thành dứt điểm nhiệm vụ triển khai Đề án 06/Chính phủ và Kế hoạch số 95/KH-UBND ngày 20/3/2023 của Ủy ban nhân dân TP. Hà Nội.

Chủ tịch Ủy ban nhân dân TP. Hà Nội giao các sở, ban, ngành tập trung thực hiện các nội dung nhiệm vụ tại Văn bản số 1304/UBND-KSTTHC ngày 05/5/2023 của Ủy ban nhân dân thành phố về việc thực hiện 19 nghị quyết đơn giản hóa thủ tục hành chính, giấy tờ công dân liên quan đến quản lý dân cư và rà soát văn bản, thủ tục hành chính có yêu cầu giấy tờ cư trú; kịp thời tham mưu, trình ban hành quyết định công bố thủ tục hành chính, quy trình nội bộ, chỉ đạo cập nhật, công khai các thủ tục hành chính trên Cơ sở dữ liệu quốc gia về thủ tục hành chính, đồng thời hoàn thành việc tái cấu trúc, quy trình nghiệp vụ thực hiện thủ tục hành chính thuộc lĩnh vực đơn vị quản lý và kiến nghị cấp có thẩm quyền sửa đổi, đơn giản hóa các thủ tục hành chính, giấy tờ có liên quan theo đúng quy định.

Thời hạn hoàn thành công việc này trước ngày 30/8/2023. Ủy ban nhân dân các quận, huyện, thị xã tập trung chỉ đạo việc cập nhật, công khai các thủ tục hành chính thuộc thẩm quyền giải quyết của đơn vị theo đúng quy định.

Các sở, ban, ngành, Ủy ban nhân dân các quận, huyện, thị xã tập trung chỉ đạo việc đẩy nhanh số hóa hồ sơ, kết quả giải quyết thủ tục hành chính; thực hiện nghiêm việc ký số, gửi nhận văn bản và xử lý hồ sơ công việc trên môi trường điện tử theo quy định. Sở Thông tin và Truyền thông chủ trì, tham mưu Ủy ban nhân dân TP. Hà Nội việc đẩy mạnh xây dựng, cập nhật, kết nối, liên thông các nền tảng số, Cơ sở dữ liệu quốc gia, Cơ sở dữ liệu chuyên ngành đồng bộ, thực chất, hiệu quả bảo đảm khắc phục tình trạng “manh mún”, “cát cứ thông tin”, “chia cắt”, “co cụm dữ liệu”, bảo đảm đúng quy định của pháp luật.

Ủy ban nhân dân TP. Hà Nội giao Sở Nội vụ chủ trì, phối hợp với Sở Thông tin và Truyền thông rà soát nhu cầu đào tạo cụ thể về kỹ năng sử dụng công nghệ thông tin và chuyên môn, nghiệp vụ của cán bộ, công chức, viên chức, người lao động phục vụ xây dựng kế hoạch đào tạo, bồi dưỡng, nâng cao trình độ chuyên môn nghiệp vụ gắn với yêu cầu chuyển đổi số nhằm bảo đảm chất lượng, hiệu quả.

Nguồn: hanoimoi.com.vn

SƠN LA: TỪNG BƯỚC NÂNG CAO CHỈ SỐ CẢI CÁCH HÀNH CHÍNH

Xác định rõ công tác cải cách hành chính là một trong những nhiệm vụ, giải pháp quan trọng hàng đầu để chỉ đạo, điều hành các cấp, các ngành trên địa bàn của tỉnh Sơn La, nhằm vượt qua khó khăn, thách thức trước những diễn biến phức tạp của dịch bệnh, sớm phục hồi, ổn định và phát triển kinh tế - xã hội, thời gian qua, Tỉnh ủy, Hội đồng nhân dân, Ủy ban nhân dân tỉnh Sơn La đã kịp thời chỉ đạo, tháo gỡ và giải quyết nhất là những vấn đề cấp bách để hỗ trợ người dân, doanh nghiệp, hộ kinh doanh chịu ảnh hưởng trực tiếp từ dịch bệnh COVID-19, góp phần quan trọng vào kết quả đạt được trong năm 2022 và những năm tiếp theo.

Trong năm 2022, tỉnh Sơn La đã áp dụng nhiều mô hình, sáng kiến hay về cải cách hành chính, các hoạt động thông tin, tuyên truyền về cải cách hành chính ngày càng đa dạng, phong phú và thiết thực, truyền tải kịp thời, nhanh chóng những kết quả, chính sách mới về cải cách hành chính đến người dân, doanh nghiệp và xã hội. Các hoạt động thanh tra, kiểm tra chuyên đề về cải cách hành chính có nhiều đổi mới, sáng tạo phương thức, cách thức tổ chức thực hiện để nâng cao hiệu quả và phù hợp với tình hình mới. Việc tăng cường áp dụng các giải pháp ứng dụng công nghệ thông tin, chuyển đổi số trong hoạt động quản lý nhà nước đã đóng góp quan trọng vào kết quả Chỉ số cải cách hành chính năm 2022 của tỉnh, giúp nâng cao tính công khai, minh bạch, nâng cao trách nhiệm giải trình và chất lượng phục vụ Nhân dân. Với sự quyết tâm, nỗ lực đó, năm 2022, Chỉ số cải cách hành chính tỉnh Sơn La đạt 86,78%, xếp thứ 13/63 tỉnh/thành phố (tăng 02 bậc trên bảng xếp hạng so với năm 2021); thuộc nhóm B của cả nước (gồm 56 tỉnh/thành phố đạt kết quả Chỉ số từ 80% - dưới 90%); đứng thứ 4/14 tỉnh Trung du và miền núi phía Bắc. Kết quả cụ thể đạt được như sau:

Lĩnh vực 1: Công tác chỉ đạo, điều hành cải cách hành chính: đạt 98,84% xếp thứ 17/63 tỉnh, thành phố; đứng thứ 4/14 tỉnh Trung du và miền núi phía Bắc.

Lĩnh vực 2: Cải cách thể chế: đạt 97,33% xếp thứ 1/63 tỉnh, thành phố; đứng thứ 1/14 tỉnh Trung du và miền núi phía Bắc.

Lĩnh vực 3: Cải cách thủ tục hành chính: đạt 91,22%, xếp thứ 51/63 tỉnh, thành phố; đứng thứ 13/14 tỉnh Trung du và miền núi phía Bắc.

Lĩnh vực 4: Cải cách tổ chức bộ máy nhà nước: đạt 86,87% xếp thứ 47/63 tỉnh, thành phố; đứng thứ 12/14 tỉnh Trung du và miền núi phía Bắc.

Lĩnh vực 5: Cải cách công vụ: đạt 88,27%, xếp thứ 6/63 tỉnh, thành phố; đứng thứ 3/14 tỉnh Trung du và miền núi phía Bắc.

Lĩnh vực 6: Cải cách tài chính công: đạt 93,44%; xếp thứ 1/63 tỉnh, thành phố; đứng thứ 1/14 tỉnh Trung du và miền núi phía Bắc.

Lĩnh vực 7: Xây dựng và phát triển Chính quyền điện tử, Chính quyền số: đạt tỷ lệ 72,51%; xếp thứ 48/63 tỉnh, thành phố; đứng thứ 10/14 tỉnh Trung du và miền núi phía Bắc.

Tác động của cải cách hành chính đến người dân, tổ chức và phát triển kinh tế - xã hội: đạt 75,38%, xếp thứ 46/63 tỉnh, thành phố; đứng thứ 9/14 tỉnh Trung du và miền núi phía Bắc.

Mặc dù Chỉ số cải cách hành chính của tỉnh Sơn La đã từng bước cải thiện theo chiều hướng tích cực song vẫn còn những tồn tại, hạn chế như tỷ lệ giải quyết các khó khăn, vướng mắc của các doanh nghiệp, hợp tác xã năm 2022 trên địa bàn tỉnh Sơn La chưa cao; có nhiệm vụ được Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ giao chưa hoàn thành; tình trạng trễ hẹn trong giải quyết hồ sơ vẫn còn tồn tại ở cả 3 cấp chính quyền, vẫn còn tình trạng chậm, chưa kịp thời công bố, công khai thủ tục hành chính và các quy định có liên quan; tiến độ thực hiện kế hoạch giải ngân vốn đầu tư còn chậm; việc thực hiện các kiến nghị sau thanh tra, kiểm tra chưa đầy đủ; thực hiện kết nối, dịch vụ dữ liệu trên nền tảng tích hợp, chia sẻ dữ liệu quốc gia và được đưa vào sử dụng chính thức nền tảng chưa cao; tổng số vốn thu hút đầu tư của tỉnh Sơn La năm 2022 thấp hơn năm 2021; giá trị thu ngân sách của tỉnh còn thấp.

Những tồn tại, hạn chế nêu trên là do những nguyên nhân khách quan và chủ quan như việc cụ thể hóa các cơ chế, chính sách, hướng dẫn triển khai thực hiện một số chương trình, dự án của một số Bộ, ngành Trung ương chậm ban hành và còn nhiều khó khăn, vướng mắc trong quá trình tổ chức thực hiện. Một số thủ tục hành chính thường xuyên có sự thay đổi, bổ sung, chỉnh sửa; một số văn bản quy định về thủ tục hành chính chưa được pháp luật quy định bắt buộc phải ứng dụng công nghệ thông tin để thực hiện trực tuyến tiếp nhận, giải quyết thủ tục hành chính. Bên cạnh đó, một số cơ quan được giao chủ trì tham mưu chưa thực hiện tốt việc tự đánh giá, tài liệu kiểm chứng chưa đầy đủ, số liệu đánh giá chưa đúng hoặc chưa nêu được thực trạng của tỉnh; chưa chủ động bám sát các tiêu chí trong Bộ Chỉ số cải cách hành chính. Lãnh đạo một số cơ quan, đơn vị chưa quan tâm chỉ đạo thường xuyên về công tác cải cách hành chính và thực hiện thủ tục hành chính theo cơ chế một cửa, cơ chế một cửa liên thông. Sự phối hợp giữa các cơ quan, đơn vị trong giải quyết thủ tục hành chính liên quan đến nhiều ngành, nhiều cấp chưa khoa học, chưa đồng bộ. Việc chấp hành kỷ luật, kỷ cương hành chính của một số bộ phận cán bộ, công chức, viên chức trong các cơ quan, đơn vị còn sai phạm, tham nhũng trong quá trình chỉ đạo, quản lý và thực thi công vụ, nhiệm vụ. Kinh phí đầu tư cho cơ sở hạ tầng ứng dụng công nghệ thông tin còn hạn chế và phân tán, thiếu tập trung, chưa đồng bộ giữa các cấp. Một số cơ quan, đơn vị còn chậm chỉ đạo triển khai giải pháp khắc phục một số tiêu chí thành phần không được điểm hoặc giảm điểm.

Trên cơ sở kết quả Chỉ số cải cách hành chính của tỉnh năm 2022, để khắc phục những tồn tại, hạn chế và nâng và nâng cao Chỉ số hài lòng về sự phục vụ hành chính, Chỉ số cải cách hành chính, tại Hội nghị đánh giá kết quả hoạt động Quý I, triển khai nhiệm vụ trọng tâm Quý II/2023 của Ban Chỉ đạo Cải cách hành chính của tỉnh Sơn La; báo cáo phân tích kết quả Chỉ số hài lòng về sự phục vụ hành chính, Chỉ số cải cách hành chính năm 2022, Phó Bí thư Tỉnh ủy, Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Hoàng Quốc Khánh, Trưởng ban Ban Chỉ đạo cải cách hành chính tỉnh Sơn La đề nghị các sở, ban, ngành, Ủy ban nhân dân huyện, thành phố đã chỉ đạo các cơ quan, đơn vị:

Một là, tăng cường công tác thông tin, tuyên truyền về ý nghĩa, kết quả các Chỉ số hài lòng về sự phục vụ hành chính, Chỉ số cải cách hành chính năm 2022 tới đội ngũ cán bộ, công

chức, viên chức, người dân, tổ chức để nâng cao nhận thức, tinh thần trách nhiệm và sự đồng thuận xã hội đối với công tác cải cách hành chính.

Hai là, tiếp tục triển khai đồng bộ các nội dung cải cách hành chính; chủ động, tích cực đổi mới phương thức lãnh đạo, chỉ đạo điều hành thực hiện nhiệm vụ cải cách hành chính; hoàn thành tốt các chỉ tiêu, nhiệm vụ cải cách hành chính đã đề ra; ưu tiên nguồn lực, tập trung triển khai có hiệu quả các nhóm nhiệm vụ về xây dựng, phát triển Chính quyền điện tử, Chính quyền số; nghiên cứu, tìm kiếm và áp dụng, nhân rộng các mô hình, sáng kiến trong cải cách hành chính.

Ba là, trên cơ sở kết quả đánh giá của các Chỉ số hài lòng về sự phục vụ hành chính, Chỉ số cải cách hành chính tỉnh Sơn La năm 2022, các đơn vị, địa phương chủ động tiến hành phân tích, đánh giá các Chỉ số tại đơn vị, địa phương mình trong đó phải xác định rõ: những nội dung đã đạt được, nội dung nào chưa đạt được, trách nhiệm thuộc về đơn vị nào, cá nhân nào? Đồng thời đưa ra và thực hiện giải pháp cụ thể khắc phục những hạn chế, tồn tại dẫn đến giảm điểm, giảm bậc các tiêu chí thành phần của các Chỉ số theo công bố của Bộ, ngành Trung ương.

Bốn là, tiếp tục đổi mới xây dựng, hoàn thiện hệ thống pháp luật theo hướng nâng cao tính đồng bộ, thống nhất và bảo đảm khả thi của các văn bản quy phạm pháp luật; Rà soát, xây dựng, bổ sung, hoàn thiện các nội quy, quy chế cơ quan, các cơ chế, chính sách nhằm hỗ trợ, thu hút đầu tư tại tỉnh; xây dựng cơ chế, chính sách phù hợp nhằm hỗ trợ các doanh nghiệp nhỏ và vừa.

Năm là, kịp thời công bố, công khai và cập nhật thủ tục hành chính trên Cổng dịch vụ công, Trang thông tin điện tử của các cơ quan, đơn vị và tại nơi tiếp nhận hồ sơ, giải quyết thủ tục hành chính. Khắc phục ngay tình trạng niêm yết, đăng tải công khai các mẫu đơn, tờ khai hoặc các quy định thủ tục hành chính đã hết hiệu lực thi hành, gây khó khăn cho người dân, tổ chức khi tra cứu và thực hiện thủ tục hành chính. Tổ chức thực hiện tốt việc giải quyết hồ sơ thủ tục hành chính cho người dân, tổ chức, hướng đến giảm tỷ lệ hồ sơ trễ hạn, giảm thời gian đi lại và nâng cao sự hài lòng của người dân, tổ chức.

Sáu là, tăng cường rà soát, sắp xếp, kiện toàn lại tổ chức các cơ quan chuyên môn, đơn vị sự nghiệp thuộc các cơ quan, đơn vị, địa phương; nâng cao hiệu lực, hiệu quả hoạt động của các cơ quan, đơn vị, địa phương; tập trung thực hiện việc sắp xếp, sáp nhập bản; siết chặt kỷ luật, kỷ cương hành chính trong thực thi nhiệm vụ, công vụ nhằm nâng cao hiệu lực, hiệu quả quản lý nhà nước.

Bảy là, thực hiện tốt công tác tài chính ngân sách, quản lý, sử dụng tài sản công. Thực hiện có hiệu quả cơ chế tự chủ tại các đơn vị sự nghiệp công lập; tăng số đơn vị sự nghiệp công lập tự bảo đảm một phần chi thường xuyên.

Tám là, tăng cường công tác thanh tra, kiểm tra, giám sát chuyên ngành và các lĩnh vực được phân cấp; kịp thời khắc phục những kiến nghị của các đoàn thanh tra, kiểm tra, giám sát. Nâng cao trách nhiệm của người đứng đầu trong công tác tiếp dân, giải quyết khiếu nại, tố cáo, trách nhiệm giải trình, đối thoại với người dân; tạo điều kiện thuận lợi để người dân

được tham gia đối thoại tại cơ sở và tham gia đóng góp ý kiến về các vấn đề bức xúc của người dân. Chú trọng các nội dung về công khai, minh bạch và thực hiện quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất; về thu, chi ngân sách nhà nước và các nội dung về chế độ chính sách cho người dân. Kịp thời giải quyết các kiến nghị của người dân đảm bảo đúng quy định của pháp luật, tránh khiếu nại vượt cấp, kéo dài.

Chín là, tiếp tục triển khai thực hiện có hiệu quả Thông báo số 169/TB-VPCP ngày 05/5/2023 của Văn phòng Chính phủ về kết luận của Ban Chỉ đạo cải cách hành chính của Chính phủ tại Phiên họp thứ tư ngày 19/4/2023.

Khúc Thị Thu, Sở Nội vụ tỉnh Sơn La

THÁI NGUYÊN: QUYẾT LIỆT NÂNG CAO CHỈ SỐ NĂNG LỰC CẠNH TRANH CẤP TỈNH

Với quyết tâm nâng cao Chỉ số năng lực cạnh tranh cấp tỉnh (PCI) để tiến tới thăng hạng, Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh, Trưởng ban Ban Chỉ đạo Chỉ số năng lực cạnh tranh cấp tỉnh Thái Nguyên Trịnh Việt Hùng đã quyết liệt trong chỉ đạo với mục tiêu: Năm 2023, đưa tỉnh Thái Nguyên lọt vào Top 20 tỉnh, thành phố đạt điểm cao nhất cả nước về Chỉ số năng lực cạnh tranh cấp tỉnh.

Chỉ số năng lực cạnh tranh cấp tỉnh Thái Nguyên chưa tương xứng với vị thế, tiềm lực, kỳ vọng của địa phương

Chỉ số năng lực cạnh tranh cấp tỉnh là tiếng nói của khu vực tư nhân về chất lượng điều hành của chính quyền cấp tỉnh, đây cũng là khu vực đông đảo nhất trong nền kinh tế Việt Nam, chiếm tới 97-98% số lượng doanh nghiệp trong nền kinh tế. Do vậy, cũng như các tỉnh trong cả nước, để không ngừng nâng cao chỉ số năng lực cạnh tranh cấp tỉnh, những năm gần đây, tỉnh Thái Nguyên đã liên tục có nhiều cải cách vượt bậc, không ngừng nỗ lực đổi mới, sáng tạo, tạo ra môi trường đầu tư cạnh tranh lành mạnh, công bằng, thu hút được đông đảo các nhà đầu tư trong và ngoài nước đến làm việc, gắn bó lâu dài với địa phương.

Nhờ các chính sách cởi mở, thông thoáng, môi trường đầu tư thuận lợi mà các doanh nghiệp hoạt động tại tỉnh Thái Nguyên sản xuất kinh doanh ổn định, hiệu quả, đồng thời đánh giá cao việc chính quyền tỉnh cũng như chính quyền các địa phương, thường xuyên tổ chức các hoạt động tiếp xúc, đối thoại với doanh nghiệp qua nhiều kênh, lắng nghe và kịp thời giải quyết khó khăn, vướng mắc của họ. Đáng chú ý là chi phí không chính thức của doanh nghiệp tiếp tục giảm.

Điển hình như năm 2020, tỉnh Thái Nguyên xếp thứ 11/63 tỉnh, thành phố của cả nước về chỉ số xếp hạng Chỉ số năng lực cạnh tranh cấp tỉnh (thăng 1 hạng so với năm 2019) và là địa phương dẫn đầu trong khu vực miền núi phía Bắc. Trong 10 chỉ số thành phần của Chỉ số năng lực cạnh tranh cấp tỉnh, tỉnh Thái Nguyên có một số chỉ số tăng điểm vượt bậc so với năm trước.

Có kết quả này là do tỉnh Thái Nguyên đã tập trung thực hiện nhiều giải pháp để cải thiện mạnh mẽ Chỉ số năng lực cạnh tranh cấp tỉnh, trong đó tập trung tăng tốc cải cách thủ tục

hành chính, nâng cao tính minh bạch, khách quan; khắc phục kịp thời những hạn chế, khó khăn, vướng mắc của chính quyền các cấp gắn với giao nhiệm vụ cụ thể cho người đứng đầu các sở, ngành, địa phương cũng như tháo gỡ kịp thời những vướng mắc, bất cập, tạo môi trường thuận lợi cho doanh nghiệp hoạt động. Cùng với đó trú trọng đẩy mạnh xây dựng chính quyền số hiện đại, chuyên nghiệp và đánh giá khách quan chỉ số năng lực cạnh tranh cấp sở, ngành, địa phương (DDCI) để nâng cao chất lượng điều hành kinh tế chung.

Năm 2022, tỉnh Thái Nguyên xếp thứ hạng 25/63 tỉnh, thành trong cả nước với số điểm đạt được là 66,10 điểm (tăng 1,29 điểm), tăng 3 bậc so với năm 2021 và nằm trong nhóm 30 tỉnh, thành phố có chất lượng điều hành tốt nhất cả nước. Có 6/10 chỉ số thành phần tăng điểm, trong đó chỉ số Gia nhập thị trường có điểm số và thứ hạng tăng cao nhất trong 10 chỉ số thành phần của tỉnh Thái Nguyên. Đây là một kết quả rất đáng ghi nhận, song nhìn chung, kết quả đó chưa tương xứng với vị thế, tiềm lực, kỳ vọng của địa phương.

Quyết liệt các giải pháp để thăng hạng

Rút kinh nghiệm từ thực tế, Trưởng ban Ban Chỉ đạo Chỉ số năng lực cạnh tranh cấp tỉnh của tỉnh Thái Nguyên Trịnh Việt Hùng đã đề ra mục tiêu phấn đấu, tỉnh Thái Nguyên phải lọt vào Top 20 tỉnh, thành phố đạt điểm cao nhất về Chỉ số năng lực cạnh tranh cấp tỉnh năm 2023, đồng thời yêu cầu các sở, ban, ngành, địa phương và các cơ quan, đơn vị có liên quan trong tỉnh tập trung chỉ đạo và thực hiện quyết liệt các nội dung đã triển khai, nhằm tiếp tục cải thiện môi trường đầu tư và nâng cao năng lực cạnh tranh của tỉnh.

Theo đó, Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Thái Nguyên yêu cầu các sở, ngành, địa phương tập trung rà soát giải quyết dứt điểm, hiệu quả những vướng mắc mà các Hiệp hội, Hội doanh nghiệp, các doanh nghiệp đã phản ánh; thường xuyên đối thoại, gặp mặt doanh nghiệp bằng nhiều hình thức, kịp thời tháo gỡ khó khăn cho doanh nghiệp; quan tâm, tạo điều kiện thuận lợi cho các tổ chức Hội, Hiệp hội doanh nghiệp.

Thủ trưởng các sở, ngành, địa phương và các đơn vị liên quan căn cứ kết quả đánh giá xếp hạng Chỉ số năng lực cạnh tranh cấp tỉnh năm 2022, cụ thể là các chỉ tiêu, chỉ số thành phần có điểm số thấp, đặc biệt là các chỉ tiêu giảm điểm thấp hơn các năm trước liên quan đến trách nhiệm của ngành, lĩnh vực tham mưu quản lý phải nghiêm túc đánh giá chỉ ra các mặt hạn chế, khuyết điểm, xây dựng nhiệm vụ cụ thể để nâng cao điểm số các chỉ số thành phần Chỉ số năng lực cạnh tranh cấp tỉnh năm 2023 và các năm tiếp theo, đồng thời chủ động tham mưu Ban Chỉ đạo Chỉ số năng lực cạnh tranh cấp tỉnh của tỉnh triển khai thực hiện đồng bộ các giải pháp để cải thiện môi trường đầu tư, nâng cao chỉ số năng lực cạnh tranh của tỉnh năm 2023 và những năm tiếp theo đạt kết quả tốt hơn.

Người đứng đầu các sở, ban, ngành, cấp huyện, cấp xã phải quán triệt, triển khai ngay tinh thần chỉ đạo của lãnh đạo tỉnh đến cán bộ, công chức trong cơ quan, tăng cường thanh tra, kiểm tra trách nhiệm công vụ, thời gian giải quyết thủ tục hành chính, nhất là các vấn đề liên quan đến thủ tục về đất đai, xây dựng, đầu tư, chỉ ra được nguyên nhân để giải quyết kịp thời, thỏa đáng, đúng quy định của pháp luật, đồng thời xử lý nghiêm những cán bộ những nhiều, vói vĩnh doanh nghiệp, chậm trễ trong giải quyết hồ sơ thủ tục hành chính. Các cơ quan, tổ

chức, đơn vị theo thẩm quyền đẩy mạnh cải cách thủ tục hành chính; thực hiện nghiêm túc việc điều động, luân chuyển, thay đổi vị trí công tác của cán bộ, công chức trong lĩnh vực để phát sinh tham nhũng, tiêu cực.

Cùng với đó, cần khuyến khích nhân rộng mô hình Hội, Chi hội doanh nhân trên địa bàn phường, xã để tăng cường mối quan hệ trực tiếp giữa chính quyền các cấp với doanh nghiệp và doanh nhân của địa phương, xây dựng mối quan hệ, trao đổi thông tin chặt chẽ giữa Nhà nước và doanh nghiệp.

Hiệp hội, Hội doanh nghiệp tỉnh và hội doanh nghiệp các huyện, thành phố tiếp tục tuyên truyền, lan tỏa trong cộng đồng doanh nghiệp về việc đánh giá Chỉ số năng lực cạnh tranh cấp tỉnh một cách khách quan, trung thực, chính xác, đồng thời tiếp tục tăng cường sự kết nối giữa cộng đồng doanh nghiệp và chính quyền các cấp.

Toàn tỉnh Thái Nguyên tiếp tục đẩy mạnh thực hiện chính quyền điện tử, chuyển đổi số hướng tới chính quyền số, kinh tế số, xã hội số để nâng cao chất lượng, hiệu quả phục vụ người dân và doanh nghiệp của các cấp chính quyền.

Khuyến khích người dân, tổ chức, doanh nghiệp sử dụng dịch vụ công trực tuyến nhằm tiết kiệm thời gian và chi phí. Công khai, minh bạch quy trình giải quyết thủ tục hành chính; tạo điều kiện thuận lợi cho doanh nghiệp dễ dàng tiếp cận thông tin và thu hút đầu tư.

Với quyết tâm nâng cao Chỉ số năng lực cạnh tranh cấp tỉnh không những để thăng hạng, mà tỉnh Thái Nguyên đang đặt ra kỳ vọng với mục tiêu tạo ra môi trường đầu tư, sản xuất kinh doanh hoàn hảo, hấp dẫn, thu hút các nhà đầu tư trong và ngoài nước đến tỉnh Thái Nguyên nhiều hơn nữa, đó cũng chính là tiền đề, động lực để tỉnh Thái Nguyên phát triển toàn diện, mạnh mẽ, xứng tầm với tiềm năng, vị thế thuộc vùng kinh tế trọng điểm Bắc Thủ đô Hà Nội và là trung tâm kinh tế, chính trị, văn hóa, giáo dục, y tế của khu vực Trung du và miền núi phía Bắc.

Nguồn: baoxaydung.com.vn

TUYÊN QUANG: GIẢI QUYẾT ĐIỂM NGHẼN TRONG CHUYỂN ĐỔI SỐ

Chuyển đổi số là lĩnh vực còn mới mẻ đối với nhiều cơ quan, đơn vị, địa phương và người dân. Quá trình thực hiện chuyển đổi số không tránh khỏi những điểm nghẽn là khó khăn, vướng mắc về nhân lực số và nhất là người dân chưa có thói quen sử dụng các dịch vụ trực tuyến. Do đó, cần phải có những giải pháp đồng bộ để chuyển đổi số đem lại những hiệu quả thiết thực.

Những điểm nghẽn

Có thể khẳng định, trong thời gian qua, hoạt động chuyển đổi số của tỉnh có đã đạt được nhiều chuyển biến tích cực. Tuy nhiên, bên cạnh những kết quả đạt được thì trong quá trình triển khai các đầu việc liên quan đến chuyển đổi số còn gặp nhiều khó khăn, nhiều “điểm nghẽn” cần phải có giải pháp và sự quyết tâm khắc phục. Theo Sở Thông tin và Truyền

thông, việc triển khai các nền tảng số trong chuyển đổi số là cách tiếp cận mới, khác với việc triển khai các hệ thống thông tin trước đây nên nhiều sở, ban, ngành, địa phương trên địa bàn tỉnh còn lúng túng trong triển khai. Nhiều sở, ngành chưa xây dựng được nền tảng phần mềm và kho cơ sở dữ liệu dùng chung của đơn vị mình. Do vậy, không tập trung, không liên kết, chia sẻ được với nhau.

Về nhân lực số, phần lớn cán bộ làm công tác tham mưu về công nghệ thông tin, chuyển đổi số tại các cơ quan chỉ thực hiện nhiệm vụ phụ trách, kiêm nhiệm nên việc chủ động tham mưu triển khai xây dựng chính quyền số còn chưa kịp thời. Nhận thức về chuyển đổi số của một bộ phận đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức còn chưa đầy đủ nên chưa đáp ứng yêu cầu thực tế, nhất là ở cấp huyện, cấp xã.

Ở một số xã vùng sâu vùng xa, hệ thống hạ tầng phục vụ chuyển đổi số chưa đầy đủ, tỷ lệ người dân có điện thoại thông minh còn thấp nên việc tiếp cận các nội dung chuyển đổi số còn nhiều hạn chế. Nguồn nhân lực có kiến thức về công nghệ thông tin ở cấp xã chưa đáp ứng yêu cầu, kỹ năng ứng dụng công nghệ số của đại bộ phận người dân còn thấp. Bên cạnh đó, hoạt động Tổ công nghệ số cộng đồng tại các xã, thị trấn được thường xuyên, hiệu quả chưa cao...

Ngay cả ở khu vực thành phố, việc triển khai chuyển đổi số cũng gặp phải các vấn đề nhất định, nhất là việc nâng cao tỷ lệ người dân sử dụng các dịch vụ công trực tuyến vẫn chưa cao. Đơn cử, đối với các thủ tục về tư pháp và đất đai, phần lớn người dân vẫn chọn hình thức đăng ký hồ sơ trực tiếp bởi nhiều thủ tục, giấy tờ đi kèm chưa dễ triển khai theo hình thức trực tuyến.

Giải pháp nâng cao hiệu quả chuyển đổi số

Để giải quyết các điểm nghẽn trong chuyển đổi số, những nội dung liên quan đến hạ tầng số, nền tảng số, dữ liệu số cần phải có lộ trình đầu tư, đồng bộ hóa dữ liệu, phần mềm giữa các cơ quan, đơn vị với các bộ, ngành Trung ương. Hiện nay, các cơ quan, đơn vị trong tỉnh Tuyên Quang đang tích cực xây dựng phần mềm số hóa và kho quản lý dữ liệu điện tử, Hệ thống thông tin nguồn. Các cơ quan đơn vị tiếp tục sử dụng có hiệu quả các nền tảng số; triển khai các hệ thống dùng chung của tỉnh để phục vụ công tác chỉ đạo, điều hành từ cấp tỉnh tới cấp xã.

Điều quan trọng nhất hiện nay chính là cần phải giải quyết liên quan đến yếu tố nhân lực số. Vấn đề này, giải pháp cơ bản nhất vẫn chính là tăng cường tổ chức các hội nghị tập huấn nghiệp vụ, tuyên truyền nâng cao nhận thức cho cán bộ, viên chức và người dân về chuyển đổi số. Xác định rõ vấn đề, thời gian qua, Ủy ban nhân dân tỉnh Tuyên Quang đã tăng cường chỉ đạo các cấp, các ngành các địa phương tăng cường công tác tập huấn bồi dưỡng nghiệp vụ cho cán bộ, công chức, thành viên Tổ công nghệ. Chỉ tính riêng trong Quý II tỉnh Tuyên Quang đã tổ chức 8 hội nghị, trong đó 1 hội nghị cấp tỉnh, 7 hội nghị tại đơn vị cấp huyện. Cùng với đó các cơ quan, đơn vị cũng đã tăng cường công tác tập huấn theo ngành dọc từ tỉnh đến cơ sở.

Theo Chánh Văn phòng Sở Tư pháp Lý Thị Hương Giang, chỉ riêng năm 2022, sở đã tổ chức 9 hội nghị tập huấn, lớp bồi dưỡng về chuyển đổi số. Ngoài ra, sở còn tổ chức các hội thi để giúp cán bộ, công chức nhận thức rõ công tác cải cách hành chính, văn hóa công sở, chuyển đổi số. Qua đó, giúp công chức, viên chức nhận thức trách nhiệm, thay đổi cách làm

truyền thông. Sở Tư pháp được đánh giá đơn vị dẫn đầu mức độ chuyển đổi số khối các cơ quan chuyên môn, cơ quan quản lý nhà nước thuộc Ủy ban nhân dân tỉnh Tuyên Quang.

Nhiều cơ quan đơn vị cũng đã triển khai nhiều giải pháp sáng tạo, thúc đẩy chuyển đổi số tại địa phương, đơn vị. Điển hình như TP. Tuyên Quang, huyện Hàm Yên triển khai mô hình chợ 4.0 tại một số chợ trung tâm trên địa bàn. Hoạt động của chợ 4.0 thanh toán không dùng tiền mặt, hỗ trợ sản phẩm địa phương của chợ lên sàn thương mại điện tử. Chị Nguyễn Thị Hương, một chủ hàng bán tạp phẩm tại chợ Tam Cờ (TP. Tuyên Quang) cho biết, hoạt động chợ 4.0 rất có ý nghĩa trong việc tuyên truyền nâng cao nhận thức cho người dân không dùng tiền mặt và chị cảm thấy rất thuận lợi trong việc thu tiền của khách hàng.

Phó Giám đốc Sở Thông tin và Truyền thông Nguyễn Văn Hiến cho rằng, quan điểm xuyên suốt của tỉnh về chuyển đổi số: “Tổ chức triển khai chuyển đổi số tại từng sở, ban, ngành, lĩnh vực, cơ quan phải đi vào thực chất, mang lại giá trị thiết thực cho chính quyền, người dân, doanh nghiệp”. Vì vậy, trong thời gian tới sở tiếp tục tham mưu với Ủy ban nhân dân tỉnh Tuyên Quang tăng cường công tác tuyên truyền nhằm thay đổi nhận thức của cả hệ thống chính trị và toàn xã hội. Các nhiệm vụ, dự án trong xây dựng, phát triển chính quyền số phải gắn với các mục tiêu, yêu cầu cụ thể về nâng cao chất lượng phục vụ người dân, doanh nghiệp, hiệu lực hiệu quả chỉ đạo, điều hành của chính quyền.

Phát triển kinh tế số phải gắn với mục tiêu, yêu cầu thúc đẩy giao dịch điện tử, thanh toán không tiền mặt, đẩy mạnh đưa sản phẩm hàng hóa đặc trưng lên sàn giao dịch điện tử. Phát triển xã hội số phải tập trung vào mục tiêu trước mắt là nâng cao nhận thức, kỹ năng số cho người dân, thúc đẩy người dân tham gia sử dụng dịch vụ công trực tuyến, thanh toán không tiền mặt; tiếp cận, tham gia mua bán, tiếp thị trên các sàn thương mại điện tử phổ biến của Việt Nam.

Nguồn: baotuyenquang.com.vn

QUẢNG BÌNH: KHO BẠC NHÀ NƯỚC THỨC ĐẨY CHUYỂN ĐỔI SỐ, TẠO THUẬN LỢI TRONG GIAO DỊCH

Bám sát mục tiêu và kế hoạch hành động của hệ thống Kho bạc Nhà nước, thực hiện lộ trình chuyển đổi số, thời gian qua, Kho bạc Nhà nước tỉnh Quảng Bình đã đẩy mạnh ứng dụng công nghệ thông tin, quyết liệt triển khai các nghiệp vụ qua dịch vụ công trực tuyến. Nhờ đó, khách hàng và các đơn vị sử dụng ngân sách được tạo điều kiện thuận lợi hơn trong quá trình giao dịch.

Phó Giám đốc Kho bạc Nhà nước tỉnh Quảng Bình Đào Hoàng Liêm cho biết, thực hiện Chiến lược phát triển Kho bạc Nhà nước giai đoạn 2021 - 2030, Kho bạc Nhà nước đã đặt ra mục tiêu đến năm 2025, vận hành dựa trên dữ liệu số và hoàn thành nền tảng, đến năm 2030, hoàn thành xây dựng Kho bạc số. Để đạt được mục tiêu này, Kho bạc Nhà nước tỉnh Quảng Bình đã triển khai cung cấp 11/11 thủ tục hành chính, đạt 100% thủ tục hành chính qua dịch vụ công trực tuyến mức độ 4, tích hợp lên cổng dịch vụ công quốc gia.

Đến tháng 4/2023, tại Kho bạc Nhà nước tỉnh Quảng Bình và 7 Kho bạc Nhà nước huyện, thị xã, có 1.236 đơn vị sử dụng ngân sách tham gia dịch vụ công trực tuyến, đạt tỷ lệ 99,5% (trừ khối an ninh - quốc phòng) số lượng giao dịch qua dịch vụ công trực tuyến, trung bình khoảng 20.000 hồ sơ chứng từ/tháng. Từ khi tham gia dịch vụ công trực tuyến, các đơn vị sử dụng ngân sách không phải gửi hồ sơ, chứng từ bản giấy.

Bên cạnh đó, thực hiện dự án hiện đại hóa thu ngân sách, Kho bạc Nhà nước tỉnh Quảng Bình đã đẩy mạnh phối hợp thu ngân sách nhà nước qua ngân hàng, trao đổi thông tin thu ngân sách giữa Kho bạc Nhà nước, cơ quan Thuế với ngân hàng thương mại. Đến nay, đơn vị đã kết nối với 9 hệ thống ngân hàng thương mại, qua đó, các ngân hàng đã thực hiện thu trên 90% các khoản thu ngân sách nhà nước.

Triển khai chuyển đổi số trong thực hiện dịch vụ công trực tuyến, Kho bạc Nhà nước tỉnh Quảng Bình bước đầu cung cấp cổng trao đổi dữ liệu qua internet với các nhà cung cấp dịch vụ điện, nước và viễn thông để tự động thanh toán cho các đơn vị sử dụng ngân sách. Kho bạc Nhà nước tỉnh Quảng Bình chuẩn kết nối thông tin dữ liệu và tích hợp phần mềm ứng dụng của các đơn vị sử dụng ngân sách vào hệ thống dịch vụ công trực tuyến của Kho bạc Nhà nước, giúp liên thông chứng từ, hồ sơ chi ngân sách nhà nước, hạn chế tối đa tình trạng trùng lặp trong nhập liệu.

Những năm qua, Kho bạc Nhà nước tỉnh Quảng Bình đã đẩy mạnh ứng dụng công nghệ thông tin, những hệ thống thanh toán Kho bạc Nhà nước trên nền tảng công nghệ thông tin hiện đại được triển khai hiệu quả. Cụ thể, đơn vị đã hoàn thành triển khai liên thông chương trình dịch vụ công trực tuyến, TABMIS (Hệ thống thông tin quản lý ngân sách và kho bạc) và thanh toán điện tử liên ngân hàng, điện tử song phương, đáp ứng yêu cầu thanh toán nhanh chóng, chính xác và an toàn, nâng cao chất lượng dịch vụ, tiết kiệm chi phí thanh toán... Việc ứng dụng công nghệ thông tin đã góp phần quan trọng vào quản lý nội bộ Kho bạc Nhà nước, như: Tài chính nội bộ, văn phòng, tổ chức cán bộ, công tác giám sát tình hình tiếp nhận, giải quyết hồ sơ, thủ tục hành chính...

Kho bạc Nhà nước tỉnh Quảng Bình cũng đạt được một số kết quả trong tiến trình hiện đại hóa các nghiệp vụ, như: Triển khai thành công chương trình quản lý, kiểm soát chi đầu tư, đáp ứng yêu cầu về chuẩn hóa dữ liệu và quản lý, kiểm soát chứng từ chi đầu tư qua Kho bạc Nhà nước, cung cấp kịp thời thông tin phục vụ quản lý điều hành của cấp ủy, chính quyền địa phương.

Bên cạnh đó, trong công tác cải cách hành chính, nhằm thay đổi nhận thức với mục tiêu lấy khách hàng làm trọng tâm phục vụ, Kho bạc Nhà nước tỉnh Quảng Bình đã thực hiện cải cách hành chính phải xuất phát từ lợi ích của người dân, tổ chức; lấy người dân, tổ chức làm trung tâm; lấy sự hài lòng của người dân, tổ chức là thước đo đánh giá chất lượng phục vụ của các đơn vị Kho bạc Nhà nước tỉnh, huyện. Đồng thời, các Kho bạc Nhà nước tỉnh, huyện phải thường xuyên rà soát, đánh giá, đơn giản hóa thủ tục hành chính trong quá trình thực hiện, cắt giảm các thành phần hồ sơ và các mẫu đơn, tờ khai không cần thiết hoặc đã tích hợp trên cơ sở dữ liệu sẵn có.

Đối với hoạt động kiểm soát chi ngân sách nhà nước, Kho bạc Nhà nước tỉnh Quảng Bình đã tăng cường cải cách thủ tục hành chính theo hướng đơn giản hóa hồ sơ kiểm soát chi, rút

ngắn thời gian kiểm soát chi đầu tư xây dựng cơ bản, thực hiện kiểm soát thanh toán theo nguyên tắc “thanh toán trước, kiểm soát sau” cho từng lần thanh toán. Nhờ đó, đơn vị đã rút ngắn thời gian thanh toán từ 3 ngày xuống còn 1 ngày làm việc kể từ khi nhận đủ hồ sơ, chứng từ hợp pháp, hợp lệ.

Phó Giám đốc Kho bạc Nhà nước tỉnh Quảng Bình Đào Hoàng Liêm cho biết, trong năm 2023 và những năm tiếp theo, để tiếp tục cải cách hành chính, rút ngắn thời gian giao dịch, Kho bạc Nhà nước tỉnh Quảng Bình đã ban hành kế hoạch cải cách hành chính với mục tiêu xác định rõ các nhiệm vụ trọng tâm để chủ động trong công tác chỉ đạo, điều hành; đẩy mạnh công tác cải cách hành chính, bảo đảm triển khai có hiệu quả chương trình tổng thể cải cách hành chính nhà nước giai đoạn 2021 - 2030 của Chính phủ, Bộ Tài chính và mục tiêu thực hiện Chiến lược phát triển Kho bạc Nhà nước đến năm 2030.

Nhằm thực hiện thành công kế hoạch đã đặt ra, Kho bạc Nhà nước tỉnh Quảng Bình xác định rõ nội dung, yêu cầu, tiến độ và trách nhiệm thực hiện đối với từng nhiệm vụ; tăng cường trách nhiệm của người đứng đầu đối với việc tổ chức thực hiện công tác cải cách hành chính; tăng cường công tác kiểm tra, đánh giá việc triển khai nhiệm vụ cải cách hành chính tại các đơn vị; khảo sát, đánh giá mức độ hài lòng của tổ chức, cá nhân đối với sự phục vụ của Kho bạc Nhà nước.

Trong thời gian tới, Kho bạc Nhà nước tỉnh Quảng Bình sẽ tập trung ứng dụng hiệu quả các công nghệ số, như: Điện toán đám mây (Cloud Computing), dữ liệu lớn (Big Data), di động (Mobility), Internet vạn vật (IoT), trí tuệ nhân tạo (AI), chuỗi khối (Blockchain)... trong xây dựng, triển khai các ứng dụng, dịch vụ Kho bạc số để tối ưu hóa quá trình quản lý, quản trị và cung cấp dịch vụ của Kho bạc Nhà nước.

“Với những kết quả đạt được, Kho bạc Nhà nước tỉnh Quảng Bình sẽ bám sát chiến lược phát triển của ngành giai đoạn 2021 - 2030. Trong đó, đơn vị chú trọng xây dựng kho bạc hiện đại, tinh gọn, hoạt động hiệu lực, hiệu quả, đến năm 2025 cơ bản toàn bộ các giao dịch thu, chi ngân sách nhà nước qua Kho bạc Nhà nước được thực hiện theo phương thức điện tử (trừ các giao dịch thuộc phạm vi bí mật nhà nước); liên thông dữ liệu số của các khâu lập dự toán, phân bổ, chấp hành, kế toán, kiểm toán và quyết toán ngân sách nhà nước; chia sẻ thông tin, dữ liệu thu, chi ngân sách nhà nước theo thời gian thực; hoàn thiện cơ chế kiểm soát chi ngân sách nhà nước theo hướng kiểm soát rủi ro. Sau năm 2025, đơn vị tập trung nghiên cứu, phát triển các dịch vụ theo nhu cầu của người dân, doanh nghiệp và các cơ quan nhà nước; đến năm 2030 hoàn thành xây dựng Kho bạc số”, ông Đào Hoàng Liêm chia sẻ.

Nguồn: baoquangbinh.vn

TỈNH ĐẮK LẮK: CÔNG BỐ CHỈ SỐ CẢI CÁCH HÀNH CHÍNH NĂM 2022

Ngày 02/6/2023, Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Đắk Lắk đã ký ban hành Quyết định số 1050/QĐ-UBND về việc Phê duyệt và công bố Chỉ số cải cách hành chính năm 2022 của các cơ quan, đơn vị và địa phương trên địa bàn tỉnh, theo đó, kết quả Chỉ số cải cách hành chính và xếp hạng của các sở như sau:

STT	Tên cơ quan, đơn vị	PAR Index năm 2022(%)	Xếp hạng
01	Sở Công Thương	92,43	1
02	Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn	91,74	2
03	Sở Khoa học và Công nghệ	91,23	3
04	Sở Tư pháp	90,64	4
05	Sở Nội vụ	89,69	5
06	Sở Xây dựng	89,63	6
07	Sở Thông tin và Truyền thông	89,54	7
08	Sở Ngoại vụ	89,15	8
09	Sở Văn hóa, Thể thao và Du Lịch	89,01	9
10	Sở Giao thông vận tải	88,94	10
11	Sở Tài chính	88,64	11
12	Sở Lao động - Thương binh và Xã hội	86,5	12
13	Sở Giáo dục và Đào tạo	84,17	13
14	Sở Kế hoạch và Đầu tư	83,88	14
15	Sở Y Tế	81,27	15
16	Sở Tài nguyên và Môi trường	80,55	16

Kết quả Chỉ số cải cách hành chính và xếp hạng của Ủy ban nhân dân các huyện, thị xã, thành phố như sau:

STT	Tên cơ quan, đơn vị	PAR Index năm 2022(%)	Xếp hạng
01	TP. Buôn Ma Thuột	92,36	1
02	Huyện Krông Năng	91,29	2

03	Huyện Krông Pắc	90,32	3
04	Thị Xã Buôn Hồ	87,39	4
05	Huyện Krông Ana	85,61	5
06	Huyện Ea Kar	84,64	6
07	Huyện Krông Bông	81,67	7
08	Huyện Ea Súp	81,39	8
09	Huyện Cư Kuin	79,77	9
10	Huyện Ea H'leo	78,92	10
11	Huyện Krông Búk	78,75	11
12	Huyện Cư M'gar	77,93	12
13	Huyện M'Đrắk	77,8	13
14	Huyện Buôn Đôn	76,6	14
15	Huyện Lắk	73,17	15

Chủ tịch Ủy ban nhân tỉnh Đắk Lắk yêu cầu các sở, ban, ngành và Ủy ban nhân dân các huyện, thị xã, thành phố căn cứ Chỉ số cải cách hành chính năm 2022, tổ chức tuyên truyền, quán triệt, rút kinh nghiệm; có giải pháp đẩy mạnh cải cách hành chính, cải thiện Chỉ số cải cách hành chính của cơ quan, đơn vị, địa phương trong những năm tiếp theo.

Mạnh Tuyên, Vụ Cải cách hành chính, Bộ Nội vụ

AN GIANG: CHUYỂN TƯ DUY TỪ 'QUẢN LÝ' SANG 'PHỤC VỤ' DOANH NGHIỆP

Việc Chỉ số năng lực cạnh tranh cấp tỉnh (PCI) năm 2022 của tỉnh An Giang giảm là điều không vui (đạt 62,37 điểm, xếp thứ 54/63 tỉnh, thành phố cả nước, giảm 4,11 điểm và giảm 37 bậc so năm 2021), nhưng cũng là dịp để nhìn lại cách làm, cách vận hành bộ máy, cách giải quyết vấn đề của doanh nghiệp. Đó còn là trách nhiệm của đội ngũ cán bộ, công chức, phải khắc phục thái độ làm việc cầm chừng, né tránh, đùn đẩy trách nhiệm; chuyển từ tư duy 'quản lý' sang 'phục vụ, chăm sóc' doanh nghiệp, nhà đầu tư.

Bài học của tỉnh Quảng Ninh

Liên tục 10 năm (2013 - 2022), tỉnh Quảng Ninh nằm trong “Nhóm 5 tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương có chất lượng điều hành kinh tế xuất sắc nhất cả nước” và suốt 6 năm liền (2017 - 2022), tỉnh Quảng Ninh giữ vị trí quán quân cả nước trong bảng xếp hạng Chỉ số năng

lực cạnh tranh cấp tỉnh. Điều này cho thấy, tỉnh Quảng Ninh có những cách làm hay, sáng tạo trong cải thiện môi trường đầu tư kinh doanh, tạo được niềm tin trong cộng đồng doanh nghiệp.

Nhận lời mời của Ủy ban nhân dân tỉnh An Giang, từ miền Bắc xa xôi, bà Vũ Thị Kim Chi (Phó Trưởng ban Thường trực Ban Xúc tiến và Hỗ trợ đầu tư tỉnh Quảng Ninh, đồng thời là Tổ phó Thường trực Tổ công tác hỗ trợ dự án đầu tư tỉnh Quảng Ninh) đã đến tỉnh An Giang chia sẻ những kinh nghiệm, bài học để tỉnh có thể đúc kết, vận dụng, đề ra giải pháp nâng cao Chỉ số năng lực cạnh tranh cấp tỉnh - vốn được cảm nhận và đánh giá từ chính cộng đồng doanh nghiệp.

Tại sao phải học? Bởi vì, chính tỉnh Quảng Ninh cũng từng đi học tập nhiều nơi để có được thành quả như hôm nay. Năm đầu tiên công bố Chỉ số năng lực cạnh tranh cấp tỉnh (năm 2012), tỉnh Quảng Ninh chỉ xếp hạng 20 cả nước.

Bà Vũ Thị Kim Chi cho biết, đoàn tỉnh Quảng Ninh đã đến tỉnh Đồng Tháp học tập mô hình “Cà phê doanh nghiệp”, sau đó không chỉ tổ chức trong Hiệp hội Doanh nghiệp tỉnh Quảng Ninh, mà các sở, ngành, địa phương của tỉnh cũng mở rộng mô hình, tạo không gian đồng hành, lắng nghe, giải quyết vấn đề của doanh nghiệp ngay từ khi mới phát sinh. Bộ từ khóa “Ý chí - Quyết tâm - Niềm tin” giúp Quảng Ninh vào “Tốp 5” bảng xếp hạng Chỉ số năng lực cạnh tranh cấp tỉnh từ năm 2013 và đứng đầu từ năm 2017 đến nay.

Ngay tên gọi cơ quan nơi bà Chi công tác đã là một bài học - Ban Xúc tiến và Hỗ trợ đầu tư, tức là gom công tác xúc tiến thương mại, mời gọi đầu tư và hỗ trợ doanh nghiệp về một đầu mối, tạo thành địa chỉ tin cậy cho doanh nghiệp từ khâu tìm hiểu, triển khai dự án đầu tư đến giải quyết các vấn đề phát sinh.

Tỉnh Quảng Ninh còn thành lập Tổ công tác hỗ trợ dự án đầu tư (Investor Care), do Phó Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Quảng Ninh Bùi Văn Kháng làm Tổ trưởng, bà Vũ Thị Kim Chi là Tổ phó Thường trực, các Tổ phó khác gồm lãnh đạo các sở, ngành liên quan. “Quan điểm của tỉnh Quảng Ninh là đi đến cùng, đồng hành và tháo gỡ khó khăn cho doanh nghiệp, nhà đầu tư, với phương châm “Thành công của các bạn cũng là thành công của chúng tôi”. Investor Care theo sát bước chân nhà đầu tư, thật sự là nơi nhà đầu tư gửi gắm niềm tin” - bà Chi chia sẻ.

Áp dụng cho tỉnh An Giang

Tỉnh Quảng Ninh còn có những bài học hay trong nỗ lực xây dựng chính quyền “Liên chính - Hành động - Phục vụ - Kiến tạo phát triển”, luôn đổi mới tư duy phát triển, bám sát thực tiễn, nắm chắc tình hình, trấn trở tìm ra điểm nghẽn, tìm ra động lực, nguồn lực mới.

Tỉnh Quảng Ninh là một trong những tỉnh đầu tiên cả nước ban hành nghị quyết của Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh về đẩy mạnh cải cách hành chính, cải thiện môi trường đầu tư kinh doanh (Nghị quyết 05-NQ/TU). Hội đồng nhân dân tỉnh Quảng Ninh sớm ban hành Nghị quyết 24/NQ-HĐND, mục tiêu là “Nâng cao chất lượng cải cách hành chính, cải thiện mạnh mẽ môi trường đầu tư kinh doanh gắn với chuyển đổi số toàn diện tỉnh Quảng Ninh, hiện đại hóa phương thức chỉ đạo, điều hành dựa trên dữ liệu, ứng dụng hiệu quả công nghệ số, tạo đột phá trong cải cách hành chính”.

Ủy ban nhân dân tỉnh Quảng Ninh đặt mục tiêu nằm trong nhóm đầu cả nước về hầu hết các chỉ số quan trọng. Tỉnh Quảng Ninh cũng là một trong những địa phương tiên phong trong cả nước triển khai DDCI (Bộ Chỉ số đánh giá chất lượng điều hành của các sở, ngành và địa phương) trong 7 năm liên tục, đồng thời thiết lập mạng xã hội Fanpage “DDCI Quảng Ninh” để tiếp nhận, lắng nghe ý kiến doanh nghiệp. Nhờ mạnh dạn “trao quyền” cho doanh nghiệp đánh giá các cơ quan quản lý nhà nước, kết quả đánh giá “đo lường” rất rõ mức độ tín nhiệm đối với bộ máy chính quyền.

Chủ trì Hội nghị phân tích, đánh giá Chỉ số năng lực cạnh tranh cấp tỉnh và công bố kết quả Bộ Chỉ số đánh giá chất lượng điều hành của các sở, ngành và địa phương năm 2022, Phó Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh An Giang Lê Văn Phước cho rằng, những phân tích, chia sẻ của các chuyên gia Liên đoàn Thương mại và Công nghiệp Việt Nam (VCCI), đặc biệt là những kinh nghiệm, bài học của tỉnh Quảng Ninh là rất quý giá, cần trân trọng, học tập. “Các chỉ số thành phần của PCI liên tục thay đổi, đặc biệt là Chỉ số năng lực cạnh tranh cấp tỉnh năm 2022 của tỉnh An Giang giảm rất sâu, cho thấy môi trường đầu tư, kinh doanh của tỉnh chưa thật sự ổn định. Trong số các nguyên nhân ảnh hưởng Chỉ số năng lực cạnh tranh cấp tỉnh thì nguyên nhân chủ quan là chính; cần phải nhìn nhận lại, phân tích sâu, đề ra giải pháp khắc phục hiệu quả” - Phó Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh An Giang Lê Văn Phước đánh giá.

Một trong những bài học hay có thể nghiên cứu, học tập từ tỉnh Quảng Ninh là gom công tác xúc tiến và hỗ trợ doanh nghiệp, hỗ trợ triển khai dự án đầu tư về một đầu mối; xây dựng tầm nhìn, tác phong, lễ lối, đạo đức công vụ của cán bộ, công chức, đủ năng lực đồng hành với doanh nghiệp.

Phó Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh An Giang Lê Văn Phước giao Sở Kế hoạch và Đầu tư nhanh chóng tham mưu Tổ trưởng Tổ công tác đặc biệt của Ủy ban nhân dân tỉnh ban hành quy chế làm việc của Tổ công tác đặc biệt về rà soát, tháo gỡ khó khăn, vướng mắc và hỗ trợ thực hiện dự án đầu tư trên địa bàn tỉnh An Giang. Trong đó, đề xuất phương thức vận hành và hoạt động phù hợp dựa trên nền tảng công nghệ thông tin để trao đổi, giải quyết các thủ tục hành chính cho doanh nghiệp nhanh nhất và đúng pháp luật.

“Tại sao cùng một cơ chế, cùng một quy định giống nhau nhưng có những địa phương giải quyết tốt các vấn đề của doanh nghiệp, còn tỉnh An Giang lại nằm trong số những địa phương chưa giải quyết tốt. Tôi đề nghị khi có phát sinh vấn đề của doanh nghiệp, nếu thuộc thẩm quyền quản lý của một sở, ngành thì tập trung giải quyết nhanh; nếu cần phối hợp các sở, ngành thì các đơn vị ngồi lại, đề xuất rõ chính kiến, phương án, trả lời cụ thể “được” hay “không”, không né tránh, đùn đẩy trách nhiệm bằng cách “hỏi ý kiến cấp trên”. Điều này làm chậm quá trình giải quyết vấn đề của doanh nghiệp, nhà đầu tư” - Phó Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh An Giang Lê Văn Phước yêu cầu.

Nguồn: baoangiang.com.vn

LONG AN: NỖ LỰC CẢI THIẾN CHỈ SỐ HIỆU QUẢ QUẢN TRỊ VÀ HÀNH CHÍNH CÔNG CẤP TỈNH

Thời gian qua, tỉnh Long An luôn nỗ lực cải thiện Chỉ số hiệu quả quản trị và hành chính công cấp tỉnh (PAPI), tuy nhiên, kết quả mang lại chưa như mong muốn. Hiện nay, các cấp, các ngành, địa phương trong tỉnh tập trung nhiều giải pháp nhằm cải thiện Chỉ số hiệu quả quản trị và hành chính công cấp tỉnh, góp phần nâng cao hiệu lực, hiệu quả hoạt động của bộ máy chính quyền, duy trì sự phát triển của đất nước.

6/8 nội dung chỉ số thành phần được xếp trong nhóm thấp nhất

Năm 2022, Chỉ số hiệu quả quản trị và hành chính công cấp tỉnh của tỉnh Long An đạt 39,8/80 điểm, xếp hạng thứ 57/63 tỉnh, thành phố trong cả nước, thuộc nhóm thứ 4 thấp nhất (15 tỉnh); giảm 21 bậc so với năm 2021 (36/63 tỉnh, thành phố); xếp hạng thứ 13/13 trong các tỉnh Đồng bằng sông Cửu Long.

Thông tin từ Sở Nội vụ, 6/8 chỉ số nội dung thành phần của tỉnh được xếp trong nhóm thấp nhất, gồm: Công khai, minh bạch; trách nhiệm giải trình với người dân; kiểm soát tham nhũng trong khu vực công; cung ứng dịch vụ công; quản trị môi trường và quản trị điện tử. Đồng thời, tỉnh có 1/8 nội dung chỉ số thành phần được xếp trong nhóm trung bình thấp là tham gia của người dân ở cấp cơ sở (0,53 điểm). Nhìn chung, nhiều năm qua, Chỉ số hiệu quả quản trị và hành chính công cấp tỉnh của tỉnh Long An liên tục giảm, chưa thể hiện được tính bền vững trong từng chỉ số nội dung thành phần.

Theo Phó Giám đốc Sở Nội vụ Trần Hải Tuấn, nguyên nhân dẫn đến Chỉ số hiệu quả quản trị và hành chính công cấp tỉnh của tỉnh Long An không ổn định, có chiều hướng giảm trong nhiều năm là vai trò, trách nhiệm của người đứng đầu các cấp chính quyền và người dân còn hạn chế, nhất là lãnh đạo cấp xã ở một số nơi chưa quan tâm chỉ đạo, triển khai, thực hiện đầy đủ và thường xuyên các nhiệm vụ. Đồng thời, sự phối hợp giữa các cơ quan, đơn vị trong việc cải thiện, nâng cao Chỉ số hiệu quả quản trị và hành chính công cấp tỉnh chưa chặt chẽ, đồng bộ; công tác thông tin, tuyên truyền nâng cao nhận thức về Chỉ số hiệu quả quản trị và hành chính công cấp tỉnh trong đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức chưa đi vào chiều sâu, còn mang tính hình thức.

Một số tồn tại, hạn chế dẫn đến Chỉ số hiệu quả quản trị và hành chính công cấp tỉnh năm 2022 tiếp tục giảm được lãnh đạo tỉnh, các sở, ngành, địa phương trong tỉnh Long An chỉ ra là tinh thần, trách nhiệm trong triển khai, thực hiện nhiệm vụ, giải trình, hướng dẫn của đội ngũ cán bộ, công chức các cấp với người dân về các chủ trương, chính sách còn hạn chế; kỹ năng hành chính, đạo đức phẩm chất của cán bộ, công chức, viên chức một số nơi chưa đáp ứng yêu cầu công tác cải cách hành chính; chất lượng cung ứng dịch vụ công giáo dục, y tế, cung cấp điện, đường giao thông, an ninh, trật tự chưa đáp ứng yêu cầu của người dân; công tác phổ biến, tuyên truyền về ứng dụng công nghệ thông tin của cơ quan nhà nước có nơi chưa quan tâm chỉ đạo thường xuyên, việc tuyên truyền sử dụng Cổng dịch vụ công trực tuyến có

chuyển biến so với trước nhưng mức độ sử dụng Cổng dịch vụ công trực tuyến chưa cao, đa số do cán bộ, công chức thực hiện thay người dân.

Thực hiện nhiều giải pháp nhằm cải thiện Chỉ số hiệu quả quản trị và hành chính công cấp tỉnh

Thông tin từ Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh Long An, để nâng cao Chỉ số hiệu quả quản trị và hành chính công cấp tỉnh trong năm 2023, đơn vị tăng cường các giải pháp kiểm soát thủ tục hành chính, thường xuyên kiểm tra, đôn đốc các cơ quan, đơn vị và địa phương thực hiện nghiêm túc công khai thủ tục hành chính theo quy định; kịp thời cập nhật các thủ tục hành chính được sửa đổi, bổ sung, thay thế trên Cổng thông tin điện tử của tỉnh để cá nhân, tổ chức thuận lợi trong việc tra cứu; tiến hành kiểm tra việc thực hiện cơ chế “một cửa”, “một cửa liên thông” và rà soát các thủ tục hành chính để kiến nghị sửa đổi, bổ sung hoặc bãi bỏ các quy định không còn phù hợp với quy định của pháp luật; tiếp tục nâng cao chất lượng, hiệu quả hoạt động của Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh; kịp thời đăng tải dự thảo chính sách, pháp luật lên Cổng thông tin điện tử tỉnh để người dân có điều kiện, cơ hội tham gia đóng góp ý kiến.

“TP. Tân An tiếp tục tổ chức tuyên truyền, phổ biến nội dung Chỉ số hiệu quả quản trị và hành chính công cấp tỉnh; tăng cường công tác tuyên truyền, phổ biến, giáo dục pháp luật, đặc biệt là quy chế dân chủ ở cơ sở trong cán bộ, công chức và nhân dân. Đồng thời, TP. Tân An đẩy mạnh công tác tiếp nhận trả lời các phản ánh, kiến nghị liên quan đến thủ tục hành chính trên của tổ chức, cá nhân theo quy định của pháp luật; thường xuyên kiểm tra, chấn chỉnh việc giải quyết hồ sơ thủ tục hành chính đối với Ủy ban nhân dân cấp xã và xử lý nghiêm các trường hợp những khiếu, đặt thêm thủ tục ngoài quy định nhằm nâng cao mức độ hài lòng của người dân, tổ chức đối với sự phục vụ của cơ quan hành chính nhà nước” - Chủ tịch Ủy ban nhân dân TP. Tân An Nguyễn Minh Hùng thông tin.

Theo Phó Giám đốc Sở Tài nguyên và Môi trường Nguyễn Tân Thuận, Sở tiếp tục hướng dẫn, đôn đốc, kiểm tra các địa phương bảo đảm nghiêm túc công khai, minh bạch quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất, bảng giá đất, đơn giá thu hồi đất đầy đủ, đúng quy định; tăng cường kiểm tra việc thực hiện thủ tục hành chính trong lĩnh vực đất đai, xử lý nghiêm các trường hợp công chức, viên chức gây phiền hà, những khiếu nại khi giải quyết thủ tục hành chính trong lĩnh vực đất đai. Đồng thời, Sở có giải pháp khắc phục triệt để các nguyên nhân gây ô nhiễm không khí, nguồn nước; kịp thời phát hiện và xử lý nghiêm các tổ chức, cá nhân có hành vi gây ô nhiễm, hủy hoại môi trường và các cán bộ, công chức không xử lý, tiếp tay cho các hành vi này; tăng cường cơ sở vật chất, phương tiện, nhân lực phục vụ công tác thu gom, xử lý rác thải sinh hoạt trong các khu dân cư.

Hàng năm, việc nỗ lực cải thiện Chỉ số hiệu quả quản trị và hành chính công cấp tỉnh của các cấp chính quyền nhằm góp phần tạo sự hài lòng của người dân khi đánh giá về hiệu quả điều hành, quản lý nhà nước và cung ứng dịch vụ công.

Nguồn: baolongan.vn

QUYỀN LỰC Ở ĐÔ THỊ VÀ QUYỀN LỰC CỦA CHÍNH QUYỀN ĐÔ THỊ - TỪ KINH NGHIỆM THẾ GIỚI VÀ ĐỀ XUẤT, KHUYẾN NGHỊ VỚI VIỆT NAM

Đô thị là “cơ thể sống”, đặc điểm này cho thấy, tính chất cấu trúc hoàn chỉnh và đồng bộ của từng bộ phận cũng như của toàn bộ cơ thể đô thị trong trạng thái, tính chất luôn vận động của nó. Để bảo đảm tính chỉnh thể của một “cơ thể sống - đô thị”, vai trò của chính quyền trong việc định hướng, điều phối, cưỡng chế là rất cần thiết và vô cùng quan trọng.

Nhận diện quyền lực ở đô thị

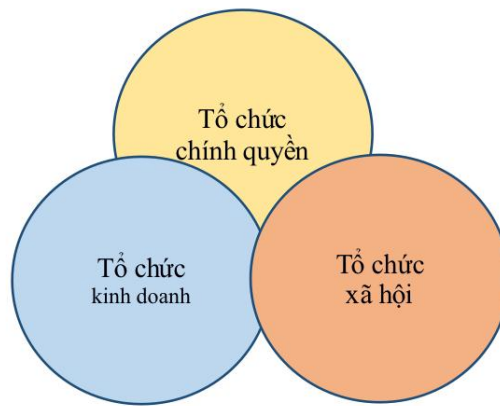
Lý thuyết hiện đại cho thấy có những tiếp cận khác nhau về quyền lực, trong đó có quyền lực ở đô thị, như: 1) Theo chủ thể có: quyền lực cá nhân, quyền lực tổ chức, quyền lực cộng đồng. 2) Theo hình thức có: quyền lực cưỡng bức, quyền lực ban thưởng, quyền lực hợp pháp, quyền lực tham chiếu, quyền lực chuyên gia(1). 3) Theo lĩnh vực có: quyền lực chính trị, quyền lực kinh tế, quyền lực tư tưởng, quyền lực văn hóa, quyền lực gia đình. 4) Theo cơ sở của quyền lực có: sức mạnh (force); vị thế thống trị (dominance); thẩm quyền (authority); sự lôi cuốn, thuyết phục (attraction)(2).

Tham khảo các cách phân loại trên, kết hợp với khung lý thuyết nghiên cứu dựa trên ba trụ cột là: Học thuyết Mác - Lê Nin về nhà nước và pháp luật, tư tưởng nhà nước pháp quyền và Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa Việt Nam, quan điểm “Đổi mới quản trị quốc gia theo hướng hiện đại, cạnh tranh hiệu quả”(3) có thể định hình quyền lực ở đô thị như sau: 1) Quyền lực của chính quyền. 2) Quyền lực của các tổ chức kinh doanh. 3) Quyền lực của các tổ chức xã hội.

Trong đó quyền lực của chính quyền thể hiện tập trung ở quyền lực hành chính; quyền lực của các tổ chức kinh doanh tập trung ở quyền lực kinh tế; quyền lực xã hội thuộc về người dân, các tổ chức xã hội. Theo nguyên lý của nhà nước pháp quyền và quản trị quốc gia thì xu hướng ngày càng mở rộng, phát triển hơn sự tham gia của các tổ chức kinh doanh, tổ chức xã hội, người dân trong quản trị đô thị(4) với việc thực hiện quyền lực theo những hình thức, phương thức thích hợp (trực tiếp, gián tiếp). Có thể mô hình hóa quyền lực ở đô thị:

Phân loại quyền lực theo hướng này không tách quyền lực hành chính với chính trị; tiếp tục khẳng định và phát triển quyền lực xã hội thông qua các tổ chức xã hội, trong đó có quyền lực truyền thông thể hiện qua các tổ chức xã hội của các nhà báo, phát thanh, truyền hình...; đặc biệt, phân loại theo cách này, gắn quyền lực của tổ chức với thẩm quyền của cá nhân trong tổ chức. Cách phân loại như vậy có ý nghĩa với các đề xuất, khuyến nghị ở nội dung sau của bài viết.

Bảng 1. Mô hình quyền lực ở đô thị



Quyền lực của chính quyền đô thị

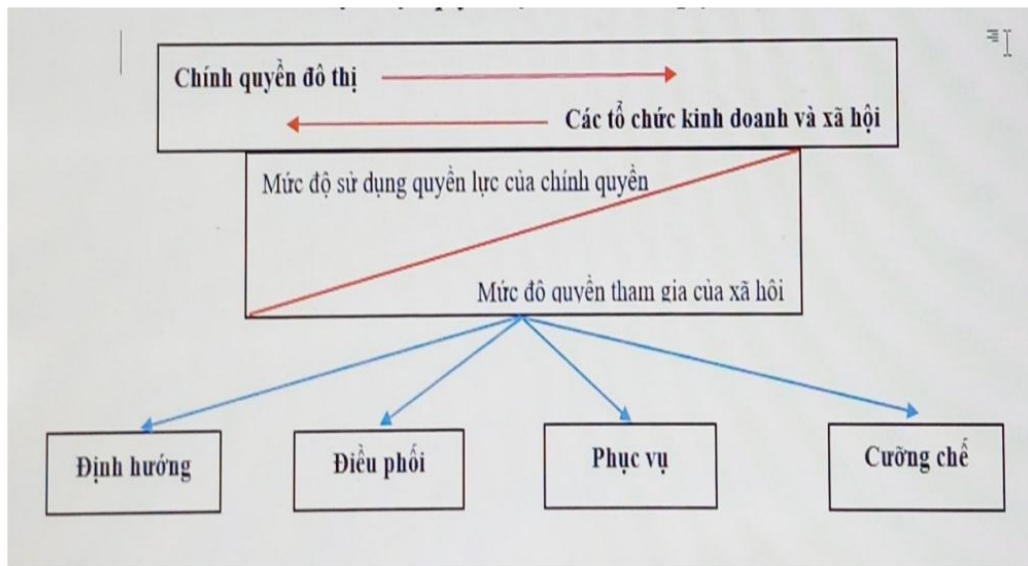
Là một bộ phận quyền lực ở đô thị, quyền lực của chính quyền đô thị là quyền lực công, được pháp luật quy định, thể hiện thông qua chức năng, nhiệm vụ của các tổ chức, cá nhân trong bộ máy chính quyền đô thị. Ph.Ăngghen cho rằng một trong ba đặc trưng cơ bản của Nhà nước: “là sự thiết lập một quyền lực công cộng, không còn trực tiếp là dân cư tự tổ chức thành lực lượng vũ trang nữa” mà do Nhà nước tổ chức ra. Theo Ph.Ăngghen, nội hàm của khái niệm quyền lực công cộng “không phải chỉ gồm những người được vũ trang mà còn gồm những công cụ vật chất phụ thêm nữa, như nhà tù và đủ các loại cơ quan cưỡng bức mà tổ chức xã hội thị tộc không hề biết đến”(5). Như vậy, quyền lực của chính quyền đô thị thể hiện trước hết ở sức mạnh cưỡng chế nhằm duy trì trật tự công cộng đối với xã hội đô thị.

Theo lý thuyết quản lý công mới, chính quyền không chỉ thực hiện chức năng cưỡng chế, mà còn thực hiện chức năng khác quan trọng hơn là phục vụ xã hội, đáp ứng các yêu cầu, lợi ích công cộng của người dân, doanh nghiệp trên các mặt cơ bản, thiết yếu, như: y tế, văn hóa, giáo dục, kinh doanh... Và xét trên phương diện quyền lực thì sự phục vụ đến mức nào đó, tự bản thân nó phát sinh quyền lực, đây là quyền của sự phục vụ. Vì vậy, cùng với sức mạnh cưỡng chế, quyền lực của chính quyền đô thị còn là quyền của sự phục vụ với ý nghĩa cân bằng, hợp lý nhất của nó. Điều này, cũng có nghĩa là không phải vì có quyền lực cưỡng chế mà chính quyền được làm mọi thứ đối với người dân, doanh nghiệp và ngược lại không vì để thỏa mãn yêu cầu của người dân, doanh nghiệp mà bộ máy chính quyền được làm mọi thứ (thực tế phát triển của các nước cho thấy chính quyền không làm tất cả mọi thứ, chỉ làm những việc cần thiết đối với xã hội nhưng xã hội chưa làm hoặc không làm được).

Để quản lý phát triển đô thị, chính quyền cần sự đồng thuận và tham gia của các chủ thể khác trong xã hội đô thị. Thực tiễn cho thấy, không phải lúc nào lợi ích của các chủ thể theo ba nhóm nêu trên cũng tương hợp hoặc không ít khi mâu thuẫn với nhau. Trong trường hợp đó, chính quyền đô thị giữ vai trò định hướng, điều phối lợi ích. Vì vậy, cưỡng chế, phục vụ là chưa đủ mà còn cần quyền định hướng, điều phối lợi ích để có được sự đồng thuận bảo đảm phát triển đô thị với các chỉ số, chỉ tiêu hiện đại theo các mô hình phổ biến, như: đô thị bền vững, đô thị xanh, đô thị thích ứng biến đổi khí hậu, đô thị thông minh...

Từ những nội dung nêu trên, có thể mô hình hóa mô thức thực hiện quyền lực của chính quyền ở đô thị như sau:

Bảng 2. Mô thức thực hiện quyền lực hành chính của chính quyền ở đô thị



Thực hiện quyền lực hành chính của chính quyền đô thị

Đô thị là “cơ thể sống”, đặc điểm này cho thấy, tính chất cấu trúc hoàn chỉnh và đồng bộ của từng bộ phận cũng như của toàn bộ cơ thể đô thị trong trạng thái, tính chất luôn vận động của nó. Theo đó, quản lý phát triển đô thị bảo đảm tính đồng bộ, thống nhất trong cả chính thể đô thị. Để bảo đảm tính chỉnh thể của một “cơ thể sống - đô thị”, vai trò của chính quyền trong việc định hướng, điều phối, cưỡng chế là rất cần thiết và vô cùng quan trọng. Kết quả nghiên cứu hoạt động của chính quyền thành phố Paris của Pháp, Berlin của Đức, Barcelona của Tây Ban Nha, Melbourne của Úc cho thấy khá rõ điều này.

Phát triển đa dạng đô thị phù hợp với dân số, diện tích, lịch sử, văn hóa, thế mạnh của mỗi đô thị. Có nhiều thuật ngữ khác nhau để nói về đô thị, như: urban, city, townlet... qua đó phần nào cho thấy sự đa dạng trong phát triển đô thị. Sự đa dạng trong phát triển đô thị còn thể hiện ở lịch sử hình thành, văn hóa vùng miền cũng như các thế mạnh của chính đô thị đó. Sự phát triển các đô thị ở nước ta và các nước cho thấy rõ “tư tưởng tôn trọng đa dạng” trong phát triển đô thị. Theo đó, cùng với vai trò của chính quyền là trách nhiệm của các chủ thể khác, đồng thuận phát triển đô thị theo bản sắc riêng có dựa trên lịch sử, văn hóa, thế mạnh của mỗi đô thị. Kết quả nghiên cứu cho thấy, tổ chức chính quyền và thực hiện quyền hành chính của chính quyền có một số mô hình:

Một là, “Công Hương hợp trị” - Kết hợp giữa quản lý của chính quyền với tự quản đô thị (bằng luật hoặc quy chế). Đây là mô hình được áp dụng khá phổ biến ở các nước thuộc EU, đối với châu Á, có các nước như: Trung Quốc, Ấn Độ... Điểm đáng lưu ý đối với mô hình này là mối quan hệ giữa “Công” với “Hương” trong quản trị đô thị. “Công” về thực chất là chính quyền Trung ương với việc ban hành các quy định pháp luật về những vấn đề căn bản, có tính nguyên tắc trong mối quan hệ giữa chính quyền Trung ương với đô thị, địa phương;

“Hương” là chính quyền ở các đô thị với việc ban hành quy định áp dụng với các chủ thể ở đô thị đó. Như vậy, “Công Hương hợp trị” thực chất là kết hợp giữa pháp luật của Nhà nước với quyền tự quản của các đô thị.

Hai là, “Một cấp chính quyền, hai cấp quản lý” hoặc “Hai cấp chính quyền, ba cấp quản lý”. Cấp chính quyền được định hình với 2 cơ cấu là cơ quan đại diện nhân dân và cơ quan thực hiện quyền lực hành chính nhà nước. Cấp quản lý chỉ có cơ quan thực hiện quyền lực hành chính nhà nước. Mô hình này được tổ chức ở đô thị một số nước, như: Trung Quốc, Cộng hòa liên bang Đức. Tuy vậy, số lượng cấp chính quyền, cấp hành chính ở mỗi quốc gia có khác nhau.

Ba là, “Hội đồng - nhà quản lý” và “Thị trường - Hội đồng”. Sự khác biệt của hai mô hình này chính là việc đề cao vai trò của tập thể (Hội đồng) hoặc đề cao vai trò của cá nhân (Thị trường) trong quản trị đô thị. Mỗi mô hình đều có những mặt ưu điểm nhưng cũng có những hạn chế, theo đó các nước áp dụng phù hợp với lịch sử hình thành, quy mô phát triển của mỗi đô thị. Ví dụ: Mô hình “Hội đồng - nhà quản lý” được áp dụng ở một số thành phố, như: Minneapolis, Houston, Seattle, Iowa của Hoa Kỳ.

Bốn là, những năm gần đây, cùng với sự phát triển mô hình các đô thị sinh thái, đô thị xanh... là mức độ phát triển, ứng dụng công nghệ thông tin, công nghệ số vào quản trị đô thị, theo đó xuất hiện các ý tưởng mới về mô hình đô thị, như: đô thị thông minh, đô thị đa tâm, đô thị “10 phút”, đô thị “15 phút”(6).

Phân quyền quản lý theo lĩnh vực và theo hướng chịu trách nhiệm toàn diện và đến cùng, cũng là ý cần tham khảo trong thực hiện quyền lực hành chính của chính quyền đô thị. Đô thị là một chỉnh thể, ở đó không chỉ là tập hợp những ngôi nhà riêng lẻ, mà là một cơ thể sống, là cách thức phân bố dân cư chủ yếu của xã hội công nghiệp, do vậy cần tránh quản lý cắt khúc, ai cũng có trách nhiệm nên không rõ trách nhiệm thuộc chủ thể nào.

Định hình và thực hiện tốt trách nhiệm của các chủ thể khác (trọng tâm là doanh nghiệp, các tổ chức xã hội) trong phát triển đô thị. Cùng với chính quyền, các doanh nghiệp, tổ chức xã hội và người dân cũng cần có trách nhiệm trong xây dựng, phát triển đô thị. Trách nhiệm của các chủ thể khác trong phát triển đô thị thể hiện trên những phương diện khác nhau, thông qua các quy định của pháp luật và quy định của đô thị. Nghiên cứu kinh nghiệm của các nước cho thấy có một số mô hình thực hiện trách nhiệm, như: “Hợp tác Công - Tư”, hoặc phối hợp giữa “Nhà nước - Thị trường - Xã hội”. Mới đây, trong phát biểu của mình, Thủ tướng Phạm Minh Chính đã nêu quan điểm, định hướng giải pháp trong hợp tác công tư, cụ thể là: “Đa dạng hóa huy động nguồn lực, đẩy mạnh hợp tác công tư, lấy nguồn lực Nhà nước dẫn dắt và kích hoạt mọi nguồn lực xã hội”(7).

Một số bài học kinh nghiệm và khuyến nghị

Thứ nhất, trên phương diện nhận thức. Phân tách rõ hơn về quyền lực ở đô thị với quyền lực của chính quyền ở đô thị theo hướng chính quyền thực hiện quyền lực hành chính công trên cơ sở mô thức với bốn nội dung: định hướng, điều phối, phục vụ, cưỡng chế (khi cần thiết). Từng bước chuyển dần nhận thức từ quản lý đô thị (việc của chính quyền) sang quản trị

đô thị theo hướng mở rộng sự tham gia của các chủ thể ngoài chính quyền nhà nước với ý nghĩa đối tác, đồng thuận trong xây dựng phát triển đô thị. Sử dụng linh hoạt các hình thức phân công, phối hợp và kiểm soát quyền lực hành chính theo các mô hình tổ chức chính quyền đô thị trên cơ sở quy mô đô thị, mục tiêu, yêu cầu phát triển đô thị, kết hợp với các yếu tố lịch sử hình thành, bản sắc văn hóa của mỗi đô thị.

Thứ hai, trên phương diện pháp luật. Nghiên cứu cơ sở pháp lý quản lý đô thị theo hướng kết hợp giữa luật (đô thị) với quy chế (đối với mỗi đô thị) và văn bản do chính quyền các đô thị ban hành. Nghiên cứu định hình mới về cơ chế bầu cử chính quyền đô thị, xác định vị trí, tính chất của các tổ chức thuộc chính quyền đô thị. Nghiên cứu đề xuất việc trung cầu ý dân được thực hiện ở cả trung ương và địa phương. Kinh nghiệm các nước như: Thụy Sĩ, Hàn Quốc, Hungari, New Zealand và một số bang của Hoa Kỳ cho thấy như vậy sẽ tốt hơn cho quản trị đô thị.

Thứ ba, trên phương diện thực tiễn. Cần chuyển đổi mô thức lãnh đạo của chính quyền đô thị theo hướng ngày càng mở rộng, phát triển hơn sự tham gia của các tổ chức, người dân trong quản trị đô thị với những hình thức, phương thức thích hợp. Đô thị là một cơ thể sống, vì vậy, bất kỳ một sự “trục trặc” nào trong hệ thống cấu trúc cũng sẽ dẫn tới những rối loạn trong các hoạt động đô thị, “Sự cân bằng - Ổn định - Bền vững” là tiêu chí ưu tiên trong quản trị phát triển của đô thị hiện đại. Khi quy mô của các hoạt động kinh tế đô thị gia tăng sẽ dẫn đến đòi hỏi phải có chính sách và cơ chế hợp tác liên vùng. Theo đó, chính quyền có trách nhiệm “đồng hành cùng doanh nghiệp” trong phát triển kinh tế đô thị liên vùng, lan tỏa thông qua quyền định hướng, điều phối trong quyền lực hành chính.

Cùng với những thực tiễn nêu trên, thực hiện văn hóa “nhận trách nhiệm và xin từ chức”, phân quyền, phân công trách nhiệm rõ ràng... là điều kiện để gia tăng tính hiệu quả của quản lý đối với đô thị từ kinh nghiệm của các nước. Phát triển hơn nữa hợp tác “Công - Tư” với các hình thức: lãnh đạo công - quản trị tư, đầu tư tư - sử dụng công, đầu tư công - quản lý tư cũng là vấn đề đặt ra trên phương diện thực tiễn đối với nước ta.

TS. Tạ Ngọc Hải, Viện Khoa học tổ chức nhà nước, Bộ Nội vụ

ThS. Lục Việt Dũng, Học viện Chính trị khu vực I

Nguồn: quanlynhanuoc.vn

Ghi chú:

1. Mô hình 5 loại quyền lực của John French và Bertram Raven. <https://www.mindset.vn>, ngày 29/3/2022.
2. Lý luận về quyền lực chính trị. <http://nguyentuan1986.vn>, ngày 26/01/2017.
3. Đảng Cộng sản Việt Nam. Văn kiện Đại hội Đại biểu toàn quốc lần thứ XIII. Tập 2. H. NXB Chính trị quốc gia, 2021, tr337.
4. Bộ chỉ số (KPI) đô thị thông minh Việt Nam giai đoạn đến năm 2025 (Phiên bản 1.0) do Bộ Thông tin và Truyền thông công bố.
5. C. Mác và Ph.Ăngghen. Toàn tập. Tập 21. H. NXB Chính trị quốc gia, 1995, tr.254.
6. “Thành phố 15 phút”, “thành phố 10 phút”. <https://congnghe.tuoitre.vn>, ngày 07/12/2021.
7. Hưng Yên có điều kiện để phát triển toàn diện, hài hòa, nhanh và bền vững. nguồn: <https://hungyen.gov.vn>, ngày 24/12/2021.

Tài liệu tham khảo:

1. Bàn về cơ chế kiểm soát quyền lực nhà nước ở Việt Nam hiện nay. <http://yenbai.noichinh.vnn> ngày 30/07/2021.
2. Học viên Hành chính Quốc gia. Những vấn đề hiện đại về Nhà nước và Pháp luật. H. NXB Chính trị Quốc gia - Sự thật, 2021.
3. TS. Vũ Văn Thái (chủ biên). Phân tích và thiết kế tổ chức hành chính nhà nước. H. NXB Lao động - Xã hội, 2021.
4. Văn phòng Quốc hội. Trung tâm Thông tin - Thư viện và Nghiên cứu khoa học Nghị viện châu Âu. H. NXB Chính trị quốc gia - Sự thật, 2007.
5. Joseph S. Nye, Jr . Tương lai của quyền lực. H. NXB Thông tin và Truyền thông, 2016.

ĐỀ CHUYỂN ĐỔI SỐ KHÔNG CÒN LÀ VIỆC 'VỪA MỚI, VỪA KHÓ'

Mặc dù đã đạt được những kết quả tích cực, nhưng theo các chuyên gia, chuyển đổi số là một lĩnh vực 'vừa mới, vừa khó', trong khi TP. Hà Nội có quy mô diện tích, dân số lớn. Do đó, để xây dựng thành phố thông minh theo hướng chuyển đổi số, TP. Hà Nội vẫn còn nhiều việc phải làm.

Năm 2023, được đánh giá là thời điểm mang tính bản lề trong thực hiện Nghị quyết 15-NQ/TW của Bộ Chính trị về phương hướng, nhiệm vụ phát triển Thủ đô Hà Nội đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045. Thời gian qua, mặc dù thành phố đã đạt được những kết quả tích cực, nhất là về chuyển đổi số, đô thị xanh...

Điểm nhấn trong bức tranh chuyển đổi số

Một trong những điểm nhấn cần phải nhắc ngay đó là việc TP. Hà Nội đã triển khai hàng nghìn Tổ công nghệ số cộng đồng, hướng dẫn kỹ năng số cần thiết cho người dân, doanh nghiệp và hộ gia đình để có thể chủ động, tích cực tham gia vào quá trình chuyển đổi số.

Theo nhận định của các chuyên gia công nghệ, các Tổ đã tích cực triển khai các hoạt động tuyên truyền chủ trương, chính sách về chuyển đổi số, tiềm năng và lợi ích của chuyển đổi số cho người dân, doanh nghiệp và các hộ gia đình; hướng dẫn kỹ năng số cần thiết cho người dân, doanh nghiệp và hộ gia đình để các chủ thể nêu trên có thể chủ động, tích cực tham gia vào quá trình chuyển đổi số (thanh toán không dùng tiền mặt; sử dụng dịch vụ công trực tuyến; đưa các sản phẩm OCOP lên sàn thương mại điện tử).

Các doanh nghiệp cũng đánh giá cao việc TP. Hà Nội đã chi hơn 20 tỷ đồng trong năm 2021 và hơn 15 tỷ đồng trong năm 2022 để triển khai các nhiệm vụ của Đề án hỗ trợ khởi nghiệp sáng tạo và kế hoạch hỗ trợ doanh nghiệp chuyển đổi số trên địa bàn. Đến nay, 100% doanh nghiệp trên địa bàn TP. Hà Nội sử dụng chữ ký số, hóa đơn điện tử; xây dựng hệ sinh thái hỗ trợ chuyển đổi số thông qua phát triển mạng lưới đối tác.

Ngoài ra, việc phát triển Chính phủ số, chính quyền số cũng đã đạt được nhiều kết quả tích cực. Chẳng hạn, trong lĩnh vực Giáo dục và Đào tạo, TP. Hà Nội đã duy trì Hệ thống quản lý tuyển sinh đầu cấp (mầm non, lớp 1, lớp 6 và lớp 10), vận hành Hệ thống ôn tập và kiểm tra trắc nghiệm trực tuyến HanoiStudy... Đồng thời, phát động giáo viên toàn ngành tham gia xây dựng và thẩm định nguồn học liệu số phục vụ giảng dạy và tự học cho học sinh...

Hay, như trong lĩnh vực Giao thông - vận tải, TP. Hà Nội đã đưa vào giám sát hoạt động của hệ thống xe buýt trên địa bàn thành phố bằng thiết bị GPS và ứng dụng công nghệ RFID trong quản lý, điều hành, thông tin hành khách bằng hệ thống âm thanh và bảng LED trên xe và một số nhà chờ, ứng dụng tìm xe buýt cho hành khách, hệ thống mua vé online. Bên cạnh đó, vận hành phần mềm Quản lý tài sản kết cấu hạ tầng giao thông (RBMS) và phản ánh sự cố, hư hỏng mất an toàn giao thông (GT247) vào phục vụ công tác quản lý, bảo trì kết cấu hạ tầng giao thông trên địa bàn TP. Hà Nội.

Còn trong lĩnh vực Nông nghiệp, đã triển khai Hệ thống truy xuất nguồn gốc nông lâm thủy sản thực phẩm TP. Hà Nội (check.hanoi.gov.vn), ứng dụng mã QR truy xuất nguồn gốc sản phẩm OCOP bằng các thiết bị di động thông minh, đảm bảo an toàn đối với nông, lâm, thủy sản, thực phẩm tại các cửa hàng kinh doanh trên địa bàn TP. Hà Nội. Đồng thời triển khai xây dựng kho dữ liệu dùng chung ngành nông nghiệp.

Về lĩnh vực Tài chính, triển khai xây dựng phần mềm tổng hợp, theo dõi quyết toán dự án đầu tư sử dụng nguồn vốn ngân sách nhà nước.

Những lĩnh vực khác như: Y tế, Du lịch - Văn hóa thể thao, Tài nguyên và Môi trường, Quy hoạch - Kiến trúc, xây dựng... cũng ghi nhận nhiều bước chuyển mới về chuyển đổi số.

Vẫn còn những rào cản

Mặc dù đã đạt được những kết quả tích cực, nhưng theo các chuyên gia, chuyển đổi số là một lĩnh vực vừa mới, vừa khó. Trong khi đó, TP. Hà Nội có quy mô diện tích, dân số lớn. Cho nên việc xây dựng thành phố thông minh theo hướng chuyển đổi số là việc vô cùng khó khăn.

“TP. Hà Nội đang gặp một số khó khăn trong triển khai chuyển đổi số, như vấn đề vốn đầu tư vào các hệ thống nền tảng của công nghệ số; dân số lớn và địa bàn rộng khiến việc triển khai các hệ thống nền tảng khó khăn hơn so với các địa phương khác...”, Chủ tịch Hội Tin học Viễn thông Hà Nội Đặng Đức Mai, nguyên Cục trưởng Cục Tin học và Thống kê tài chính, Bộ Tài chính cho hay.

TS. Nguyễn Nhật Quang, Phó Chủ tịch VINASA, Viện trưởng Viện Khoa học Công nghệ VINASA cũng chỉ ra một số rào cản, khó khăn cần tháo gỡ. Đó là một số khái niệm, chủ trương của các chính sách, nhiệm vụ về chính quyền số, kinh tế số, xã hội số mới được ban hành còn chưa thống nhất, chưa có văn bản quy phạm quy định về chuyển đổi số.

Bên cạnh đó, việc hướng dẫn triển khai của một số Bộ, ngành còn mang tính sự vụ, bị động, chưa có lộ trình tổng thể, sự phối hợp giữa các Bộ, ngành còn chưa thực sự hiệu quả. Hơn nữa, các chủ trương, định hướng và các nhiệm vụ về chuyển đổi số đều mới, có khối lượng công việc lớn, trong khi có sự thiếu hụt lớn về công chức làm công nghệ thông tin tại các cơ quan Nhà nước thành phố.

“Cản trở lớn nhất hiện nay là cần có một cơ chế đầu tư hiệu quả, an toàn để các đơn vị có thể mạnh dạn triển khai các đề án, dự án cụ thể. Nếu nhận thức đúng và khơi thông được các điểm nghẽn này TP. Hà Nội sẽ vươn lên rất nhanh, ngược lại, nếu không thay đổi thì các mục tiêu cụ thể cho năm 2025 sẽ là khó đạt được”, Phó Chủ tịch VINASA nhấn mạnh.

Dưới góc nhìn của doanh nghiệp, Phó Chủ tịch Hội Doanh nhân trẻ Việt Nam Hoàng Công Đoàn cho rằng, các doanh nghiệp TP. Hà Nội đang gặp một loạt thách thức khiến quá trình chuyển đổi số gặp khó khăn. Trong đó, thách thức lớn nhất là vấn đề tài chính và nguồn nhân lực.

Thực tế, theo Báo cáo thường niên chuyển đổi số doanh nghiệp năm 2021 của Bộ Kế hoạch và Đầu tư, có đến 60,1% doanh nghiệp tham gia khảo sát cho biết rào cản mà họ gặp phải khi áp dụng công nghệ số là bởi chi phí đầu tư, ứng dụng công nghệ còn cao. Điều này một phần cũng do tác động bởi đại dịch COVID-19 khiến các doanh nghiệp gặp nhiều khó

khẩn về giảm doanh thu, thiếu hụt nguồn vốn nói chung, trong đó ảnh hưởng đến chi phí đầu tư, triển khai, duy trì các giải pháp cho chuyển đổi số.

Làm gì để đẩy nhanh quá trình chuyển đổi số?

TS. Đặng Đức Mai cho rằng, để đạt các mục tiêu năm 2025, TP. Hà Nội cần tập trung nguồn lực để đẩy nhanh các nhiệm vụ, giải pháp trọng tâm đã đề ra. Bên cạnh đó, cần xác lập một cơ chế giám sát chặt chẽ để việc triển khai các nhiệm vụ đảm bảo đúng tiến độ. Trong đó, năm 2023 là năm cơ bản chạy đà, khởi động các dự án, nhiệm vụ chưa được khởi công, đảm bảo các dự án chạy và hoàn thành cán đích thành công vào năm 2025.

Đối với nhiệm vụ xây dựng hạ tầng kỹ thuật số, cần có mạng Hà Nội CLOUD (cloud riêng cho TP. Hà Nội) để vận hành toàn bộ các dịch vụ công của thành phố và các ứng dụng khác thuộc trụ cột kinh tế số và xã hội số.

Đối với nhiệm vụ xây dựng kinh tế số, xã hội số, tạo điều kiện khuyến khích các doanh nghiệp hoạt động hoàn toàn trên nền tảng số, tạo ra các sản phẩm số ứng dụng thành công. Triển khai các chương trình đào tạo miễn phí cho chủ doanh nghiệp quy trình chuyển đổi số; khuyến nghị các mô hình chuyển đổi số thành công để các doanh nghiệp vừa và nhỏ học tập và vận dụng trong doanh nghiệp mình. Tổ chức các Tổ công tác tình nguyện (học sinh, sinh viên, đoàn thanh niên) đến các phường xã để hướng dẫn, đào tạo kỹ năng số cho người dân, quan tâm người cao tuổi, tập trung vào hướng dẫn sử dụng các dịch vụ công thiết yếu do Chính phủ và TP. Hà Nội cung cấp.

Ngoài ra, cần chú trọng đào tạo, xây dựng, thu hút được đội ngũ nhân sự công nghệ thông tin có chất lượng tốt vào làm việc trong các đơn vị, cơ quan chuyên trách về công nghệ thông tin và chuyển đổi số của TP. Hà Nội. Khuyến khích, thu hút các doanh nghiệp công nghệ lớn và các nhà đầu tư khác tham gia vào dự án lớn của thành phố. Những công ty này có thể đưa ra các giải pháp công nghệ thông minh, bao gồm cả trí tuệ nhân tạo và phân tích dữ liệu để giúp giải quyết các vấn đề thực tiễn của TP. Hà Nội.

Viện trưởng Viện Khoa học Công nghệ VINASA nhận xét, chuyển đổi xanh, chuyển đổi số là tiến trình liên tục, không có điểm dừng. Điều quan trọng hơn là tiến trình xanh hóa, thông minh hóa, hiện đại hóa phải tiết kiệm và bền vững. Thực tế chuyển đổi số chỉ phát huy tối đa hiệu quả khi nó được kết hợp với các giải pháp công trình và các giải pháp quản lý phù hợp.

“Việc cần làm ngay là cấy gen 3Q vào các đô thị, gồm: quy hoạch - tức là thông minh hóa cái cũ và thông minh từ đầu cái mới; quy chế phải thuận lợi nhằm khuyến khích mọi thành phần xã hội cùng chung tay vào cuộc; quy chuẩn - tức là phải có chuẩn kết nối, liên thông, từ hạ tầng cơ bản đến hạ tầng số”, ông Nguyễn Nhật Quang chỉ rõ.

Nguồn: vnbusiness.vn

CẦN CÁCH LÀM MỚI VỀ DỊCH VỤ CÔNG TRỰC TUYẾN

Dịch vụ công trực tuyến vẫn chưa toàn trình, vẫn chấp nhận người dân mang hồ sơ giấy đến Bộ phận Một cửa điện tử, nhận hồ sơ giấy... và cần có cách làm mới để tạo ra sự thay đổi căn bản về dịch vụ công trực tuyến Việt Nam...

Mười năm qua, dịch vụ công trực tuyến của Việt Nam đã có sự tăng trưởng vượt bậc, đặc biệt từ 2020 - 2022 có bước phát triển đột phá nhờ sử dụng công nghệ số, đưa tỷ lệ dịch vụ công trực tuyến mức độ 4 tăng từ 10% lên 97%. Mặc dù vậy, dịch vụ công trực tuyến của Việt Nam hiện vẫn chưa toàn trình, thể hiện ở chỗ chưa thực sự chú trọng đến chất lượng dịch vụ công bằng thước đo hài lòng và thuận tiện cho người dân; chưa có đánh giá và công bố chất lượng cổng dịch vụ công...

Theo Bộ trưởng Bộ Thông tin và Truyền thông Nguyễn Mạnh Hùng, bây giờ là lúc cần phải thay đổi nhận thức cũng như cách cung cấp dịch vụ, cần có cách làm mới để tạo ra sự thay đổi căn bản về dịch vụ công trực tuyến Việt Nam.

Kinh nghiệm từ các địa phương

Trong số các địa phương triển khai cung cấp dịch vụ công trực tuyến, TP. Đà Nẵng là một trong những thành phố đi đầu cả nước. Từ năm 2019, TP. Đà Nẵng đã triển khai xây dựng cổng dịch vụ công dưới dạng lõi, đáp ứng các tiêu chí về kỹ thuật (thanh toán, ký số, hẹn giờ, định nghĩa eform động...), kết hợp chuyển phát bưu điện công ích nên việc triển khai thuận lợi và từng bước đơn giản hóa để bảo đảm hiệu quả cho tổ chức, cá nhân tiếp cận dịch vụ công trực tuyến của thành phố.

Tại TP. Đà Nẵng, tính đến tháng 5/2023, hầu hết thủ tục hành chính được cung cấp dưới dạng dịch vụ công trực tuyến toàn trình với 1.797 dịch vụ công trực tuyến (chỉ có 4,5% thủ tục hành chính cung cấp mức độ 2 do vướng các quy định khác nhau); hiện tại cũng đã tích hợp được 1.635 dịch vụ công trực tuyến lên Cổng dịch vụ công quốc gia. Năm 2022, TP. Đà Nẵng có 96% dịch vụ công trực tuyến có phát sinh hồ sơ (vượt chỉ tiêu quốc gia năm 2022 là 80%); tỷ lệ hồ sơ dịch vụ công trực tuyến là 78% (vượt chỉ tiêu quốc gia năm 2022 là 50%). Tính riêng tháng 5/2023, số lượng hồ sơ trực tuyến là 19.989 hồ sơ trên tổng cộng 22.693 hồ sơ, đạt tỷ lệ 80%.

Theo Giám đốc Sở Thông tin và Truyền thông TP. Đà Nẵng Nguyễn Quang Thanh, để có được kết quả như trên, các cơ quan thành phố Đà Nẵng đã sớm triển khai và liên tục rà soát, cập nhật đơn giản hóa quy trình và tăng cường các giải pháp đa kênh để người dân, doanh nghiệp thuận lợi sử dụng dịch vụ công trực tuyến.



Cụ thể có 6 điểm: một là, người dân sử dụng tài khoản công dân điện tử, đăng nhập 1 lần; chỉ cung cấp thông tin trong lần đầu, các lần sử dụng dịch vụ kế tiếp sẽ được kế thừa thông tin; hai là, đưa gần 100% thủ tục hành chính lên mức 4, toàn trình; ba là, triển khai mô hình “Đại lý dịch vụ công trực tuyến”; bốn là, sử dụng kết quả thủ tục hành chính số để hủy/bỏ những thủ tục hành chính không cần thiết; năm là, sử dụng kết quả thủ tục hành chính số, kết hợp với gắn mã QR cho phép cung cấp “dịch vụ công trực tuyến nâng cao”.

Và sáu là, triển khai các chính sách thúc đẩy, tăng số lượng dịch vụ công trực tuyến (trong đó, giao các cơ quan giảm thời gian xử lý đến 50% đối với dịch vụ công trực tuyến so với xử lý hồ sơ trực tiếp; buộc các cơ quan nhà nước phải sử dụng dịch vụ công trực tuyến của cơ quan khác, không được nộp hồ sơ trực tiếp; giao chỉ tiêu dịch vụ công trực tuyến cho từng cơ quan; chịu chi phí chuyển phát nộp hồ sơ, kết quả cho công dân qua bưu điện...).

Tại Nam Định, theo Giám đốc Sở Thông tin và Truyền thông Vũ Trọng Quế, tỷ lệ người dân sử dụng dịch vụ công trực tuyến tăng mạnh, nên số người dân đến các trung tâm dịch vụ hành chính công đã giảm. Trước đây một ngày các trung tâm này phục vụ 400 - 500 người dân, nay giảm chỉ còn khoảng 200 người/ngày. Dự kiến trong thời gian tới các trung tâm hành

chính công sẽ tiếp tục được thu gọn. Kết quả này đạt được là nhờ sự quan tâm, chỉ đạo của lãnh đạo tỉnh, đặc biệt là Chủ tịch Ủy ban Nhân dân tỉnh.

Cũng theo ông Vũ Trọng Quế, lãnh đạo và anh em cán bộ trong Sở Thông tin và Truyền thông Nam Định sẵn sàng phục vụ 24/7, đáp ứng các yêu cầu về kỹ thuật liên quan đến dịch vụ công trực tuyến, không để sở, ban, ngành, quận, huyện nào kêu khó về kỹ thuật. Làm được như vậy cũng phải kể đến vai trò rất lớn của các doanh nghiệp viễn thông, công nghệ trên địa bàn tỉnh, nhờ đó giúp Sở hoàn thành được nhiều việc mà không cần có nhiều người.

Từ 2020 - 2022 đã có sự phát triển mang tính đột phá do sử dụng công nghệ số, cách tiếp cận chuyên đổi số để làm chính phủ điện tử. Đặc trưng của nó là dùng nền tảng số. Nhờ đó, sau gần 3 năm, tỷ lệ dịch vụ công trực tuyến mức độ 4 tăng từ 10% lên 97%.

Tại TP. Hải Phòng, Phó Chủ tịch Ủy ban Nhân dân thành phố Hoàng Minh Cường cũng vui mừng chia sẻ tỷ lệ dịch vụ công trực tuyến trung bình của thành phố đã tăng từ 18% năm 2021 lên 62,2% năm 2022. Trong 5 tháng đầu năm 2023 tỷ lệ hồ sơ trực tuyến đạt trên 94%.

Để có được sự tăng trưởng ấn tượng của dịch vụ công trực tuyến, ông Cường cho biết TP. Hải Phòng đã giao chỉ tiêu cụ thể về tỷ lệ hồ sơ dịch vụ công toàn trình tới 35 sở, ban, ngành, quận huyện và 217 xã, phường trên toàn thành phố. Việc giao chỉ tiêu này căn cứ trên cơ sở tính toán thực trạng số lượng hồ sơ trực tuyến tại các sở, ngành, địa phương, từ đó đánh trọng số và giao tỷ lệ phù hợp làm động lực để các đơn vị, địa phương thực hiện hoàn thành chỉ tiêu giao. Ví dụ, để giao chỉ tiêu cho một sở, một huyện, sẽ căn cứ tỷ lệ hồ sơ trực tuyến hiện có (4 tháng đầu năm) của đơn vị, dự kiến tổng số hồ sơ trực tuyến toàn thành phố cần đạt của 8 tháng cuối năm và tỷ trọng hồ sơ của đơn vị đó so với toàn thành phố để giao chỉ tiêu.

Ngoài ra, TP. Hải Phòng cũng thường xuyên tổ chức các đoàn công tác liên ngành xuống tận cơ sở hỗ trợ cán bộ cơ sở, “cầm tay chỉ việc”, kịp thời chỉ ra những hạn chế và hướng dẫn cán bộ, công chức trong việc tiếp nhận, giải quyết thủ tục hành chính. Để đo lường hoạt động của các sở, ngành, quận, huyện trong việc cung cấp dịch vụ công trực tuyến, TP. Hải Phòng đã xây dựng dashboard theo dõi tỷ lệ này theo từng tháng để kịp thời biểu dương các đơn vị đạt thành tích tốt và nhắc nhở những đơn vị còn yếu kém...

Nguồn: vneconomy.vn

CHUYỂN ĐỔI SỐ Ở TP. ĐÀ NẴNG:

BÀI 1 - ĐI ĐẦU NHỜ CÓ NỀN MÓNG VỮNG CHẮC

TP. Đà Nẵng luôn được đánh giá là một trong những địa phương đi đầu trong công tác chuyển đổi số, được nhận hàng loạt giải thưởng trong nước, quốc tế về xây dựng thành phố thông minh, Chính quyền điện tử.

Nhìn lại quá trình xây dựng nền móng cũng như những vấn đề đặt ra cho quá trình chuyển đổi số của TP. Đà Nẵng, BNEWS giới thiệu hai bài viết về vấn đề này.

Bài 1: Đi đầu trong chuyển đổi số

Thành ủy, Ủy ban nhân dân TP. Đà Nẵng ban hành hàng loạt cơ chế, chính sách nhằm triển khai xây dựng, phát triển Chính quyền điện tử, Chính quyền số như Nghị quyết của Ban Thường vụ Thành ủy Đà Nẵng về phát triển hạ tầng công nghệ thông tin và truyền thông tiếp cận xu hướng Cách mạng công nghiệp lần thứ tư; Nghị quyết của Hội đồng nhân dân thành phố về chính sách hỗ trợ phát triển Công nghệ thông tin trên địa bàn TP. Đà Nẵng; Nghị quyết của Thành ủy Đà Nẵng về chuyển đổi số trên địa bàn TP. Đà Nẵng đến năm 2025, định hướng đến năm 2030.

Nhờ “nền móng” vững chắc là các cơ chế, chính sách nên công cuộc chuyển đổi số tại TP. Đà Nẵng đã đạt được nhiều thành tích nổi bật. Trong 11 năm liên tiếp (2009 - 2019), TP. Đà Nẵng dẫn đầu bảng xếp hạng chỉ số sẵn sàng phát triển và ứng dụng Công nghệ thông tin - Truyền thông Việt Nam (Vietnam ICT Index) khối các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương.

Trong 2 năm liên tiếp (2020 - 2021), TP. Đà Nẵng được Bộ Thông tin và Truyền thông đánh giá, xếp hạng Nhất chỉ số chuyển đổi số cấp tỉnh (DTI).

Trong 3 năm liên tiếp (2020 - 2022), TP. Đà Nẵng đoạt Giải thưởng Thành phố thông minh Việt Nam của Hiệp hội Phần mềm và Dịch vụ Công nghệ thông tin Việt Nam (VINASA).

Ngoài ra, TP. Đà Nẵng cũng được vinh danh tại các giải thưởng Quốc tế: Giải thưởng thành phố thông minh hơn (Smarter Cities Challenge) năm 2012 do IBM tặng; Giải thưởng eAsia Awards 2013 của Hội đồng Châu Á - Thái Bình Dương về thuận lợi hóa thương mại và kinh doanh điện tử; Giải thưởng WeGO Awards 2014 cho “Dự án phát triển Chính quyền điện tử TP. Đà Nẵng” do Tổ chức Chính quyền điện tử thế giới trao tặng...

Mới đây, Liên hiệp các Hội Khoa học và Kỹ thuật Việt Nam phối hợp Hội Tự động hóa Việt Nam, Viện Sáng tạo và Chuyển đổi số tổ chức Lễ trao giải “TOP Công nghiệp 4.0 Việt Nam - I4.0 Awards” năm 2023. Ủy ban nhân dân TP. Đà Nẵng được vinh danh là địa phương tiêu biểu trong việc chủ động thực hiện Cách mạng công nghiệp lần thứ tư và chuyển đổi số.

Theo đó, TP. Đà Nẵng là 1 trong 7 tổ chức/địa phương vinh dự được trao giải thưởng tại hạng mục "Top tổ chức/địa phương tiêu biểu chủ động thực hiện Cách mạng công nghiệp lần thứ tư và chuyển đổi số". Đây cũng là lần thứ 2 liên tiếp TP. Đà Nẵng được vinh danh tại giải thưởng "TOP Công nghiệp 4.0 Việt Nam - I4.0 Awards".

Kết quả này có được từ những nỗ lực chuyển đổi số của TP. Đà Nẵng. Phó Bí thư Thường trực Thành ủy, Chủ tịch Hội đồng nhân dân TP. Đà Nẵng Lương Nguyễn Minh Triết cho biết, trong những năm qua, công cuộc chuyển đổi số trên địa bàn thành phố đã diễn ra đồng bộ, mạnh mẽ, cả hệ thống chính trị và cộng đồng doanh nghiệp, người dân chủ động, tích cực tham gia triển khai và đến nay đã đạt được một số kết quả tích cực.

Cơ sở hạ tầng viễn thông, công nghệ thông tin được chú trọng đầu tư khá đồng bộ; hình thành một số cơ sở dữ liệu nền và chuyên ngành; triển khai cung cấp dữ liệu mở của cơ quan nhà nước; phát triển các nền tảng số dùng chung và các ứng dụng, tiện ích thông minh phục vụ người dân, doanh nghiệp.

Đặc biệt, chuyển đổi số đã góp phần không nhỏ trong công tác phòng chống dịch bệnh COVID-19 và quá trình phục hồi và phát triển kinh tế TP. Đà Nẵng.

Kinh tế số đóng góp đáng kể trong cơ cấu GRDP TP. Đà Nẵng với tỷ lệ 17%. Xã hội số từng bước hình thành và phát triển, dần tạo được thói quen, kỹ năng số trong người dân.

TP. Đà Nẵng đã được nhiều cơ quan, tổ chức trong nước và quốc tế ghi nhận và đánh giá cao trong quá trình chuyển đổi số, xây dựng thành phố thông minh.

Xã hội số từng bước hình thành và phát triển, dần tạo được thói quen, kỹ năng số trong người dân, góp phần đưa TP. Đà Nẵng 2 năm liên tiếp xếp hạng nhất Chỉ số đánh giá chuyển đổi số cấp tỉnh (DTI); 3 năm liên tiếp đạt Giải thưởng Chuyển đổi số Việt Nam ở hạng mục “Cơ quan nhà nước chuyển đổi số xuất sắc”; 3 năm liên tiếp đạt Giải thưởng thành phố thông minh Việt Nam;...

*** Bài 2 - Rào cản cần tháo gỡ**

Mặc dù là một trong những địa phương đi đầu trong công tác chuyển đổi số, TP. Đà Nẵng vẫn có những vấn đề giải quyết, tháo gỡ rào cản để công tác này có bước phát triển mới.

Theo Phó Bí thư Thường trực Thành ủy, công tác triển khai chuyển đổi số trên địa bàn thành phố hiện nay vẫn còn gặp nhiều rào cản, vướng mắc liên quan đến chính sách, khung pháp lý, hạ tầng, dữ liệu, nguồn nhân lực..., nhất là dữ liệu số hiện nay của thành phố còn rời rạc, chưa đảm bảo độ tin cậy, chất lượng chưa cao, tính khả dụng thấp; việc chia sẻ dữ liệu còn hạn chế.

Phó Giám đốc Sở Thông tin và Truyền thông Trần Ngọc Thạch cho biết, cơ chế chính sách, khung pháp lý chưa thay đổi kịp đã trở thành rào cản, điểm nghẽn trong triển khai chuyển đổi số.

Các hệ thống thông tin khi kết nối, chia sẻ dữ liệu cần đảm bảo nguyên tắc đồng đẳng, không phải nguyên tắc thứ bậc, áp đặt nhằm đảm bảo ổn định hệ thống của địa phương, tạo nguồn lực phát triển.

Song song đó, việc xây dựng thành phố thông minh hiệu quả cần triển khai một số mô hình mới. Tuy nhiên các mô hình này chưa có quy định cụ thể.

Đồng thời, nguồn nhân lực công nghệ thông tin trong các cơ quan TP. Đà Nẵng mỏng, chưa đảm bảo năng lực trong tham mưu, triển khai, vận hành các hệ thống ứng dụng thông minh.

Theo Phó Cục trưởng phụ trách Cục chuyển đổi số quốc gia Nguyễn Phú Tiến, trong năm 2023, TP. Đà Nẵng cần tổ chức triển khai mô hình thành phố chuyển đổi số điển hình.

“Vì vậy, TP. Đà Nẵng phải thực hiện chuyển đổi số tổng thể và toàn diện trên cả ba trụ cột ở tất cả các quận, huyện, phường, xã trên địa bàn: Chính quyền số, Kinh tế số, Xã hội số”, ông Tiến nói.

Cũng theo ông Tiến, về dữ liệu số, TP. Đà Nẵng cần triển khai để người dân, doanh nghiệp chỉ cung cấp thông tin một lần cho cơ quan nhà nước khi thực hiện dịch vụ công trực tuyến.

TS. Nguyễn Quang Thanh, Giám đốc Sở Thông tin và Truyền thông, Phó Chủ tịch Hội đồng Chuyên gia tư vấn chuyển đổi số TP. Đà Nẵng cho biết, thành phố đang tiếp tục tập

trung thực hiện các giải pháp đồng bộ nhằm đẩy mạnh hoạt động chuyển đổi số, tạo sự chuyển biến mạnh mẽ trong nhận thức và hành động để chuyển đổi số thực sự là động lực cho sự phát triển thành phố. Ngành xác định các nhiệm vụ chuyển đổi số phải xuất phát từ nhu cầu thực tế của người dân, doanh nghiệp và phục vụ người dân, doanh nghiệp.

Trong thời gian tới, TP. Đà Nẵng sẽ đưa vào sử dụng Cổng dữ liệu mở với gần 600 tập dữ liệu trong các lĩnh vực kinh tế - xã hội với đa dạng kênh tra cứu, khai thác; bắt đầu sử dụng dữ liệu số thay cho hồ sơ giấy trong các dịch vụ công như: Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, Sổ hộ khẩu, Giấy đăng ký kinh doanh...

TP. Đà Nẵng cũng đang dần hình thành Kho dữ liệu dùng chung toàn thành phố phục vụ thu thập, tích hợp, làm sạch, chuẩn hóa và chia sẻ dữ liệu cho các cơ quan khai thác, sử dụng.

Mục tiêu của TP. Đà Nẵng đến năm 2030, kinh tế số chiếm tối thiểu 30% GRDP thành phố (trong đó công nghiệp công nghệ thông tin chiếm tối thiểu 15% GRDP thành phố); ngành công nghiệp công nghệ thông tin trở thành ngành kinh tế mũi nhọn của thành phố, góp phần chuyển đổi cơ cấu kinh tế theo hướng bền vững, tạo động để thực hiện chuyển đổi số trong các lĩnh vực kinh tế, xã hội của thành phố.

Các cơ chế, chính sách phát triển công nghiệp công nghệ thông tin có tính chất đột phá để tạo thị trường, thúc đẩy ứng dụng, đổi mới, sáng tạo, làm chủ công nghệ...

Nguồn: bnews.vn/ttxvn

CHÍNH PHỦ, THỦ TƯỚNG CHÍNH PHỦ, CÁC BỘ, NGÀNH: BAN HÀNH QUY ĐỊNH MỚI

*** Ngày 10/6/2023, Chính phủ ban hành Nghị định số 33/2023/NĐ-CP quy định về cán bộ, công chức cấp xã và người hoạt động không chuyên trách ở cấp xã, ở thôn, tổ dân phố. Nghị định này có hiệu lực từ ngày 01/8/2023.**

Theo đó, Nghị định quy định về chức vụ, chức danh, số lượng, tiêu chuẩn, nhiệm vụ, chế độ, chính sách; bầu cử, tuyển dụng, sử dụng và quản lý đối với cán bộ, công chức ở xã, phường, thị trấn (cấp xã) và người hoạt động không chuyên trách ở cấp xã, ở thôn, tổ dân phố.

Theo Nghị định, cán bộ cấp xã có các chức vụ sau đây: Bí thư, Phó Bí thư Đảng ủy; Chủ tịch, Phó Chủ tịch Hội đồng nhân dân; Chủ tịch, Phó Chủ tịch Ủy ban nhân dân; Chủ tịch Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam; Bí thư Đoàn Thanh niên Cộng sản Hồ Chí Minh; Chủ tịch Hội Liên hiệp Phụ nữ Việt Nam; Chủ tịch Hội Nông dân Việt Nam (áp dụng đối với xã, phường, thị trấn có hoạt động nông, lâm, ngư, diêm nghiệp và có tổ chức Hội Nông dân Việt Nam); Chủ tịch Hội Cựu chiến binh Việt Nam.

Công chức cấp xã có các chức danh sau đây: Chỉ huy trưởng Ban Chỉ huy Quân sự; Văn phòng - thống kê; Địa chính - xây dựng - đô thị và môi trường (đối với phường, thị trấn) hoặc địa chính - nông nghiệp - xây dựng và môi trường (đối với xã); Tài chính - kế toán; Tư pháp - hộ tịch; Văn hóa - xã hội.

Nghị định quy định số lượng cán bộ, công chức cấp xã được tính theo loại đơn vị hành chính cấp xã, cụ thể như sau:

Đối với phường: Loại I là 23 người; loại II là 21 người; loại III là 19 người;

Đối với xã, thị trấn: Loại I là 22 người; loại II là 20 người; loại III là 18 người.

Ủy ban nhân dân cấp tỉnh căn cứ vào số lượng đơn vị hành chính cấp xã có quy mô dân số, diện tích tự nhiên lớn hơn so với tiêu chuẩn quy định tại Nghị quyết của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về tiêu chuẩn của đơn vị hành chính và phân loại đơn vị hành chính để tính số lượng công chức ở cấp xã tăng thêm như sau:

Phường thuộc quận cứ tăng thêm đủ 1/3 (một phần ba) mức quy định về quy mô dân số thì được tăng thêm 01 công chức. Các đơn vị hành chính cấp xã còn lại cứ tăng thêm đủ 1/2 (một phần hai) mức quy định về quy mô dân số thì được tăng thêm 01 công chức;

Ngoài việc tăng thêm công chức theo quy mô dân số quy định tại điểm a nêu trên thì đơn vị hành chính cấp xã cứ tăng thêm đủ 100% mức quy định về diện tích tự nhiên được tăng thêm 01 công chức...

Cán bộ cấp xã được hưởng phụ cấp chức vụ lãnh đạo so với mức lương cơ sở như sau: Bí thư Đảng ủy: 0,30; Phó Bí thư Đảng ủy, Chủ tịch Hội đồng nhân dân, Chủ tịch Ủy ban nhân dân: 0,25; Chủ tịch Ủy ban Mặt trận Tổ quốc, Phó Chủ tịch Hội đồng nhân dân, Phó Chủ tịch

Ủy ban nhân dân: 0,20; Bí thư Đoàn Thanh niên Cộng sản Hồ Chí Minh, Chủ tịch Hội Liên hiệp Phụ nữ, Chủ tịch Hội Nông dân, Chủ tịch Hội Cựu chiến binh: 0,15.

Cán bộ, công chức cấp xã kiêm nhiệm chức vụ, chức danh cán bộ, công chức cấp xã khác với chức vụ, chức danh hiện đảm nhiệm mà giảm được 01 người trong số lượng cán bộ, công chức cấp xã được Ủy ban nhân dân cấp huyện giao thì kể từ ngày cấp có thẩm quyền quyết định việc bằng 50% mức lương (bậc 1), cộng phụ cấp chức vụ lãnh đạo (nếu có) của chức vụ, chức danh kiêm nhiệm; phụ cấp kiêm nhiệm chức vụ, chức danh không dùng để tính đóng, hưởng chế độ bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế.

Trường hợp kiêm nhiệm nhiều chức vụ, chức danh (kể cả trường hợp Bí thư cấp ủy đồng thời là Chủ tịch Ủy ban nhân dân, Bí thư cấp ủy đồng thời là Chủ tịch Hội đồng nhân dân) cũng chỉ được hưởng một mức phụ cấp kiêm nhiệm cao nhất. Ủy ban nhân dân cấp huyện quyết định chức vụ, chức danh được hưởng phụ cấp kiêm nhiệm trong trường hợp số lượng chức danh bố trí kiêm nhiệm lớn hơn số lượng cán bộ, công chức cấp xã giảm được so với quy định.

Trường hợp cán bộ, công chức cấp xã kiêm nhiệm thực hiện nhiệm vụ của người hoạt động không chuyên trách ở cấp xã, ở thôn, tổ dân phố thì được hưởng phụ cấp kiêm nhiệm bằng 100% mức phụ cấp quy định của chức danh kiêm nhiệm.

Nghị định cũng quy định số lượng người hoạt động không chuyên trách ở cấp xã được tính theo loại đơn vị hành chính cấp xã, cụ thể như sau: Loại I là 14 người; loại II là 12 người; loại III là 10 người.

Ủy ban nhân dân cấp tỉnh căn cứ số lượng đơn vị hành chính cấp xã có quy mô dân số, diện tích tự nhiên lớn hơn so với tiêu chuẩn quy định tại Nghị quyết của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về tiêu chuẩn của đơn vị hành chính và phân loại đơn vị hành chính để tính số lượng người hoạt động không chuyên trách ở cấp xã tăng thêm như sau:

Phường thuộc quận cứ tăng thêm đủ 1/3 (một phần ba) mức quy định về quy mô dân số thì được tăng thêm 01 người hoạt động không chuyên trách. Các đơn vị hành chính cấp xã còn lại cứ tăng thêm đủ 1/2 (một phần hai) mức quy định về quy mô dân số thì được tăng thêm 01 người hoạt động không chuyên trách.

Ngoài việc tăng thêm người hoạt động không chuyên trách theo quy mô dân số quy định nêu trên thì đơn vị hành chính cấp xã cứ tăng thêm đủ 100% mức quy định về diện tích tự nhiên được tăng thêm 01 người hoạt động không chuyên trách.

Người hoạt động không chuyên trách ở thôn, tổ dân phố có không quá 03 chức danh (bao gồm Bí thư chi bộ, Trưởng thôn hoặc Tổ trưởng tổ dân phố, Trưởng Ban công tác Mặt trận) được hưởng phụ cấp hàng tháng. Trường hợp Luật có quy định khác thì thực hiện theo quy định của luật đó. Khuyến khích việc kiêm nhiệm chức danh Bí thư Chi bộ đồng thời là Trưởng thôn, Tổ trưởng tổ dân phố hoặc Trưởng Ban công tác Mặt trận thôn, tổ dân phố.

Người hoạt động không chuyên trách ở cấp xã được hưởng chế độ phụ cấp. Ngân sách Trung ương thực hiện khoản quỹ phụ cấp bao gồm cả hỗ trợ đóng bảo hiểm xã hội và bảo hiểm y tế để chi trả hàng tháng đối với những người hoạt động không chuyên trách ở cấp xã như sau: Đơn vị hành chính cấp xã loại I được khoản quỹ phụ cấp bằng 21,0 lần mức lương cơ sở; Đơn

vị hành chính cấp xã loại II được khoán quỹ phụ cấp bằng 18,0 lần mức lương cơ sở; Đơn vị hành chính cấp xã loại III được khoán quỹ phụ cấp bằng 15,0 lần mức lương cơ sở.

Đối với đơn vị hành chính cấp xã có số lượng người hoạt động không chuyên trách ở cấp xã tăng thêm thì tổng mức khoán quỹ phụ cấp được tính tăng thêm tương ứng bằng 1,5 lần mức lương cơ sở/01 người hoạt động không chuyên trách tăng thêm...

Nghị định này có hiệu lực từ ngày 01/8/2023.

*** Ngày 09/6/2023, Chính phủ ban hành Nghị định số 32/2023/NĐ-CP sửa đổi, bổ sung Nghị định số 53/2018/NĐ-CP ngày 16/4/2018 sửa đổi, bổ sung Nghị định số 58/2016/NĐ-CP ngày 01/7/2016 quy định chi tiết về kinh doanh sản phẩm, dịch vụ mật mã dân sự và xuất khẩu, nhập khẩu sản phẩm mật mã dân sự.**

Theo đó, Nghị định số 32/2023/NĐ-CP đã thay thế Phụ lục II Danh mục sản phẩm mật mã dân sự xuất khẩu, nhập khẩu theo giấy phép tại Nghị định số 53/2018/NĐ-CP ngày 16/4/2018 của Chính phủ bằng Phụ lục Danh mục sản phẩm mật mã dân sự xuất khẩu, nhập khẩu theo giấy phép kèm theo Nghị định này.

Cụ thể, Danh mục gồm: Máy in sử dụng các bộ phận in như khuôn in (bát chữ), ống in và các bộ phận in khác của nhóm 84.42; máy in khác, máy copy (copying machines) và máy fax, có hoặc không kết hợp với nhau; bộ phận và các phụ kiện của chúng (mã HS 84.43); máy xử lý dữ liệu tự động và các khối chức năng của chúng; đầu đọc từ tính hay đầu đọc quang học, máy truyền dữ liệu lên các phương tiện truyền dữ liệu dưới dạng mã hóa và máy xử lý những dữ liệu này, chưa được chi tiết hay ghi ở nơi khác (mã HS 84.71); bộ phận và phụ kiện (trừ vỏ, hộp đựng và các loại tương tự) chỉ dùng hoặc chủ yếu dùng với các máy thuộc các nhóm từ 84.70 đến 84.72 (mã HS 84.73);...

Nghị định nêu rõ, giấy phép xuất khẩu, nhập khẩu sản phẩm mật mã dân sự đã được cấp cho doanh nghiệp trước ngày Nghị định số 32/2023/NĐ-CP có hiệu lực (ngày 09/6/2023) thì tiếp tục có giá trị thực hiện thủ tục hải quan theo thời hạn ghi trên Giấy phép nếu tên gọi của sản phẩm phù hợp với mô tả hàng hóa tại Danh mục hàng hóa xuất khẩu, nhập khẩu Việt Nam. Cơ quan Hải quan căn cứ vào Danh mục hàng hóa xuất khẩu, nhập khẩu Việt Nam, Giấy phép xuất khẩu, nhập khẩu sản phẩm mật mã dân sự đã được cấp và thực tế hàng hóa xuất khẩu, nhập khẩu để xác định mã số HS và giải quyết thủ tục thông quan cho doanh nghiệp theo quy định.

Nghị định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký ban hành.

*** Ngày 31/5/2023, Bộ trưởng Bộ Nội vụ đã ký ban hành Thông tư số 07/2023/TT-BNV quy định tiêu chí, tiêu chuẩn đánh giá chất lượng và nghiệm thu dịch vụ sự nghiệp công sử dụng ngân sách nhà nước thuộc lĩnh vực Nội vụ về bồi dưỡng cán bộ, công chức, viên chức.**

Theo đó, Thông tư này quy định tiêu chí, tiêu chuẩn đánh giá bao gồm: Bồi dưỡng kiến thức, kỹ năng quản lý nhà nước theo tiêu chuẩn ngạch công chức; bồi dưỡng theo tiêu chuẩn chức danh nghề nghiệp viên chức chuyên ngành Nội vụ; bồi dưỡng theo yêu cầu của vị trí

việc làm lãnh đạo, quản lý; bồi dưỡng theo yêu cầu của vị trí việc làm chuyên môn, nghiệp vụ ngành, lĩnh vực Nội vụ.

Các cơ quan, đơn vị, tổ chức được Bộ, cơ quan ngang Bộ, cơ quan thuộc Chính phủ, Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương giao chọn bên cung cấp dịch vụ sự nghiệp công sử dụng ngân sách nhà nước thuộc lĩnh vực Nội vụ về bồi dưỡng cán bộ, công chức, viên chức.

Các cơ quan, đơn vị, tổ chức nhận nhiệm vụ, đặt hàng hoặc đấu thầu cung cấp dịch vụ sự nghiệp công sử dụng ngân sách nhà nước thuộc lĩnh vực Nội vụ về bồi dưỡng cán bộ, công chức, viên chức.

Nội dung đánh giá chất lượng dịch vụ sự nghiệp công sử dụng ngân sách nhà nước thuộc lĩnh vực Nội vụ về bồi dưỡng cán bộ, công chức, viên chức gồm: a) Chương trình, tài liệu; b) Học viên; c) Giảng viên; d) Cơ sở vật chất và các hoạt động hỗ trợ; đ) Khóa bồi dưỡng; e) Hiệu quả bồi dưỡng.

Việc đánh giá chất lượng dịch vụ được thực hiện theo phương thức chấm điểm, thang điểm 100. Chất lượng dịch vụ được đánh giá theo các mức: a) Tốt: tổng điểm đạt từ 70 điểm đến dưới 80 điểm; b) Đạt: tổng điểm đạt từ 50 điểm đến dưới 70 điểm; c) Không đạt: tổng điểm dưới 50 điểm.

Về nghiệm thu khối lượng, chất lượng, thanh toán dịch vụ: a) Khi chất lượng dịch vụ được đánh giá từ mức đạt trở lên, sẽ được nghiệm thu, thanh toán kinh phí theo quy định của Luật Ngân sách nhà nước và các quy định của pháp luật; b) Chất lượng dịch vụ được đánh giá ở mức tốt là một trong các căn cứ để cơ quan đặt hàng xem xét, ưu tiên lựa chọn đơn vị cung ứng khi triển khai các dịch vụ tương tự theo quy định hiện hành của nhà nước.

Người đứng đầu cơ quan đặt hàng trình cấp có thẩm quyền thành lập Hội đồng đánh giá chất lượng dịch vụ để xác định mức độ đạt được làm cơ sở thực hiện nghiệm thu khối lượng, chất lượng và thanh toán dịch vụ.

Hội đồng đánh giá chất lượng dịch vụ có số thành viên là số lẻ và có ít nhất 05 thành viên bao gồm: Chủ tịch là người đứng đầu cơ quan đặt hàng; 01 Phó Chủ tịch là cấp phó của người đứng đầu cơ quan đặt hàng; các thành viên là đại diện các đơn vị liên quan và chuyên gia có kinh nghiệm trong lĩnh vực đào tạo, bồi dưỡng; 01 thư ký Hội đồng.

Hội đồng đánh giá chất lượng dịch vụ làm việc theo nguyên tắc tập trung dân chủ, thảo luận thống nhất. Kết quả khảo sát thu được từ các phiếu đánh giá chất lượng bồi dưỡng cán bộ, công chức, viên chức (nếu có) là cơ sở để Hội đồng xem xét đánh giá chất lượng dịch vụ.

Ngoài ra, đánh giá định lượng bằng chấm điểm trên cơ sở trọng số, mức đánh giá và tổng hợp điểm đánh giá theo mỗi tiêu chí, nhóm tiêu chí đánh giá. Điểm đánh giá cho mỗi nhóm tiêu chí được xác định trên cơ sở tổng điểm đánh giá của các tiêu chí thành phần trong nhóm. Điểm đánh giá cuối cùng là tổng cộng điểm đánh giá của tất cả các nhóm tiêu chí đánh giá sau khi đã hiệu chỉnh theo trọng số tương ứng của mỗi tiêu chí.

Thông tư này có hiệu lực thi hành kể từ ngày 01/8/2023.

*** Ngày 12/6/2023, Bộ trưởng Bộ Tài chính ký ban hành Thông tư số 42/2023/TT-BTC về cơ chế tài chính thực hiện bồi dưỡng cán bộ lãnh đạo, quản lý bằng ngân sách Nhà nước.**

Theo Thông tư, đối tượng áp dụng là: Ủy viên Ban Chấp hành Trung ương Đảng, Ủy viên Ban Chấp hành Trung ương dự khuyết, cán bộ quy hoạch cấp chiến lược, Chủ tịch Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương được cử đi bồi dưỡng, cập nhật kiến thức theo chủ trương, kết luận, kế hoạch của Bộ Chính trị, Ban Bí thư và quyết định của cấp có thẩm quyền; cán bộ lãnh đạo, quản lý, công chức, viên chức được cử đi bồi dưỡng theo Kết luận số 39-KL/TW.

Thông tư nêu rõ, ngân sách nhà nước hỗ trợ cán bộ lãnh đạo, quản lý chi phí bồi dưỡng nâng cao trình độ ngoại ngữ trong nước bao gồm:

Chi phí trả cho các cơ sở đào tạo, bồi dưỡng theo hợp đồng ký kết giữa Cơ quan thường trực và cơ sở đào tạo, bồi dưỡng theo quy định của pháp luật.

Riêng chi phí bồi dưỡng nâng cao trình độ tiếng Anh và thi cấp chứng chỉ tiếng Anh quốc tế (chứng chỉ IELTS) được thanh toán khi đáp ứng yêu cầu về trình độ ngoại ngữ đầu vào, đầu ra theo thông báo tuyển sinh hàng năm hoặc của từng khóa học và theo hóa đơn thực tế, nhưng tối đa không quá 65 triệu đồng/học viên/khóa (đã bao gồm chi phí trả cho cơ sở đào tạo và giáo trình học; chưa bao gồm chi phí kiểm tra trình độ đầu vào).

Việc bồi dưỡng và thi cấp chứng chỉ tiếng Anh phải được thực hiện tại các cơ sở đào tạo ngoại ngữ đủ điều kiện tổ chức thi cấp chứng chỉ tiếng Anh quốc tế theo quy định của Bộ Giáo dục và Đào tạo.

Chi phí các kỳ thi đánh giá kết quả học tập theo yêu cầu của cơ quan chức năng (nếu có).

Chi thuê phòng ở tập trung trong thời gian bồi dưỡng đối với cán bộ tham gia khóa học.

Chi công tác phí trong nước, gồm: Tiền tàu xe đi và về cho cán bộ từ cơ quan đến nơi học tập (một lượt đi và về; nghỉ lễ; nghỉ tết) cho một khóa học liên tục; hỗ trợ một phần tiền ăn trong thời gian đi học tập trung; tiền thuê chỗ nghỉ cho cán bộ trong những ngày đi học tập trung tại cơ sở đào tạo, bồi dưỡng (trong trường hợp cơ sở đào tạo, bồi dưỡng và đơn vị tổ chức đào tạo xác nhận không bố trí được chỗ nghỉ tập trung).

Trường hợp cán bộ bồi dưỡng nâng cao trình độ ngoại ngữ ở nước ngoài, các nội dung hỗ trợ được quy định như sau:

Chi phí trả cho các cơ sở đào tạo, bồi dưỡng ở nước ngoài theo hợp đồng ký kết giữa Cơ quan thường trực và cơ sở đào tạo, bồi dưỡng theo quy định của pháp luật. Sinh hoạt phí theo quy định.

Lệ phí cấp hộ chiếu; lệ phí thị thực; bảo hiểm y tế; chi phí khám sức khỏe (nếu có yêu cầu của nước sở tại hoặc cơ sở đào tạo, bồi dưỡng ở nước ngoài); lệ phí sân bay trong và ngoài nước (nếu có); chi phí thuê phương tiện đi lại từ sân bay về nơi ở và ngược lại.

Tiền vé máy bay (một lượt vé từ Việt Nam đến nơi học tập và một lượt vé từ nơi học tập về Việt Nam) trong toàn bộ thời gian bồi dưỡng, trừ trường hợp được phía bạn đài thọ.

Chi phí cách ly y tế, chi phí xét nghiệm khi có dịch bệnh theo yêu cầu của cơ quan y tế nước sở tại hoặc cơ sở đào tạo ở nước ngoài và chi khác theo quy định (nếu có).

*** Ngày 12/6/2023, Bộ trưởng Bộ Tài chính ký ban hành Thông tư số 41/2023/TT-BTC quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí trong lĩnh vực dược, mỹ phẩm.**

Thông tư này quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí trong lĩnh vực dược, mỹ phẩm, gồm: phí thẩm định cấp phép lưu hành, nhập khẩu, xác nhận, công bố trong lĩnh vực dược phẩm, mỹ phẩm; phí thẩm định tiêu chuẩn, điều kiện hành nghề, kinh doanh thuộc lĩnh vực dược, mỹ phẩm.

Mức thu phí cụ thể như sau:

Phí thẩm định cấp phép lưu hành, nhập khẩu, xác nhận, công bố trong lĩnh vực dược phẩm, mỹ phẩm có mức từ: 500.000 đồng/hồ sơ đến 11 triệu đồng/hồ sơ.

Phí thẩm định tiêu chuẩn, điều kiện hành nghề, kinh doanh thuộc lĩnh vực dược, mỹ phẩm: thẩm định điều kiện sản xuất mỹ phẩm cấp giấy chứng nhận cơ sở đáp ứng tiêu chuẩn CGMP-ASEAN; thẩm định điều kiện và đánh giá đáp ứng thực hành tốt sản xuất bao bì dược phẩm tại cơ sở: cùng có mức là 30 triệu đồng/cơ sở.

Phí thẩm định điều kiện và đánh giá đáp ứng thực hành tốt phòng thí nghiệm (GLP) (đánh giá đáp ứng, đánh giá duy trì, đánh giá kiểm soát thay đổi tại cơ sở) có mức là 21 triệu đồng/cơ sở....

Tổ chức thu phí nộp toàn bộ số tiền phí thu được vào ngân sách nhà nước. Nguồn chi phí trang trải cho việc thực hiện công việc và thu phí do ngân sách nhà nước bố trí trong dự toán của tổ chức thu phí theo chế độ, định mức chi.

Trường hợp tổ chức thu phí là cơ quan nhà nước được khoán chi phí hoạt động từ nguồn thu phí theo quy định tại Nghị định số 120/2016/NĐ-CP, được để lại 70% số tiền phí thu được và nộp 30% vào ngân sách nhà nước.

Thông tư này có hiệu lực thi hành từ ngày 01/8/2023.

*** Ngày 10/5/2023, Ban Cán sự đảng Bộ Nội vụ ban hành Quyết định số 14/QĐ-BCSD phê duyệt Đề án “Đào tạo, bồi dưỡng tạo nguồn cán bộ lãnh đạo trẻ các cấp giai đoạn 2023 - 2026, định hướng 2030”.**

Theo đó, mục tiêu chung là tạo nguồn, đào tạo, bồi dưỡng nhằm xây dựng đội ngũ cán bộ trẻ có phẩm chất, năng lực, uy tín đáp ứng yêu cầu nhiệm vụ trong tình hình mới; gắn tạo nguồn cán bộ trẻ với đào tạo, bồi dưỡng, quy hoạch, bố trí, sử dụng, bổ nhiệm cán bộ giữ chức vụ lãnh đạo, quản lý các cấp của Bộ giai đoạn 2023 - 2026, định hướng đến năm 2030.

Ít nhất 01 cán bộ thuộc đối tượng 1 của Đề án Thứ trưởng được bổ sung quy hoạch

Theo Đề án, mục tiêu cụ thể Giai đoạn 1 (2023 - 2026) là:

Xây dựng, tạo nguồn cán bộ trẻ tham gia Đề án: Cán bộ trẻ đối tượng 1: Số lượng được tổng hợp thực tế qua rà soát cán bộ đủ tiêu chuẩn quy định của Đề án. Cán bộ trẻ đối tượng 2: 40 - 45 người đáp ứng tiêu chuẩn quy định của Đề án.

Phần đầu cử 100% cán bộ trẻ của Đề án tham gia đào tạo, bồi dưỡng ở trong nước hoặc nước ngoài về lý luận chính trị; chuyên môn, kỹ năng, nghiệp vụ.

Đề xuất quy hoạch, bổ nhiệm cán bộ sau khi tham gia các khóa đào tạo, bồi dưỡng và đủ tiêu chuẩn, điều kiện theo quy định, cụ thể: Đề xuất các cấp có thẩm quyền xem xét, bổ nhiệm cán bộ trẻ đủ điều kiện, tiêu chuẩn giữ chức vụ cao hơn 01 bậc so với chức vụ hiện đang đảm nhiệm và phần đầu bổ sung quy hoạch Thứ trưởng: ít nhất 01 cán bộ thuộc đối tượng 1 của Đề án. Xem xét, bổ sung cán bộ trẻ đối tượng 2 của Đề án vào quy hoạch lãnh đạo cấp Vụ và tương đương; đồng thời, phần đầu bổ nhiệm 10% cán bộ trẻ đối tượng 2 của Đề án giữ chức danh lãnh đạo, quản lý cấp Vụ và tương đương.

Giai đoạn 2 (2026 - 2030), tiếp tục thực hiện việc tạo nguồn và đào tạo, bồi dưỡng như Giai đoạn 1.

Đề xuất bổ nhiệm cán bộ sau khi tham gia các khóa đào tạo, bồi dưỡng, cụ thể: Đề xuất các cấp có thẩm quyền xem xét, bổ nhiệm cán bộ trẻ đủ điều kiện, tiêu chuẩn giữ chức vụ cao hơn 01 bậc so với chức vụ hiện đang đảm nhiệm và phần đầu bổ sung quy hoạch chức danh Thứ trưởng: ít nhất 01 cán bộ thuộc đối tượng 1 của Đề án. Ngoài ra, xem xét, bổ sung cán bộ trẻ đối tượng 2 của Đề án vào quy hoạch lãnh đạo cấp Vụ và tương đương; đồng thời, phần đầu bổ nhiệm 20% cán bộ trẻ đối tượng 2 của Đề án giữ chức danh lãnh đạo, quản lý cấp Vụ và tương đương.

Tiêu chuẩn đối với cán bộ trẻ tham gia Đề án

Về tiêu chuẩn chung, cán bộ trẻ cần đáp ứng ít nhất một trong hai tiêu chuẩn chung sau: Được cơ quan, đơn vị sử dụng đánh giá có phẩm chất, năng lực thực tiễn, uy tín và có triển vọng phát triển; 03 năm liên tiếp hoàn thành tốt nhiệm vụ trở lên, trong đó có 01 năm hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ.

Về tiêu chuẩn cụ thể, cán bộ trẻ được giao trực tiếp tham mưu xây dựng ít nhất 02 văn bản quy phạm pháp luật hoặc đề tài nghiên cứu khoa học, đề án cấp Bộ trở lên đã được nghiệm thu, ban hành (trong đó có ít nhất 01 văn bản quy phạm pháp luật); đối với cán bộ trẻ được tuyển dụng theo Nghị định số 140/2017/NĐ-CP ngày 05/12/2017 của Chính phủ về chính sách thu hút, tạo nguồn cán bộ từ sinh viên tốt nghiệp xuất sắc, cán bộ khoa học trẻ, tham gia xây dựng ít nhất 01 văn bản quy phạm pháp luật hoặc đề tài nghiên cứu khoa học, đề án cấp Bộ trở lên đã được nghiệm thu, ban hành.

Đối tượng ưu tiên tham gia Đề án, thực hiện theo thứ tự sau: (1) Cán bộ đang giữ chức vụ Trưởng phòng, Phó Trưởng phòng và tương đương của các đơn vị thuộc và trực thuộc Bộ; (2) Cán bộ được quy hoạch các chức danh lãnh đạo, quản lý; (3) Cán bộ có giải thưởng từ cấp tỉnh trở lên trong thời gian học ở cấp trung học phổ thông, bậc đại học và sau đại học (ưu tiên cán bộ có giải thưởng cấp cao hơn); (4) Cán bộ là người dân tộc thiểu số; (5) Cán bộ là nữ.

Đề án đề ra một số nhiệm vụ và giải pháp triển khai: Thứ nhất, phát hiện và tuyển chọn cán bộ trẻ tham gia Đề án; Thứ hai, về đào tạo, bồi dưỡng đối với cán bộ trẻ đã được tuyển chọn; Thứ ba, đánh giá cán bộ trẻ sau đào tạo, bồi dưỡng làm cơ sở phục vụ công tác cán bộ của Bộ. Hình thức tuyển chọn: Lựa chọn cán bộ trẻ Đề án bằng hình thức thi tuyển.

Quy trình tuyển chọn, được thực hiện qua 03 bước**Bước 1: Đề xuất danh sách**

Hàng năm, Vụ Tổ chức cán bộ tham mưu, trình Bộ trưởng, Bí thư Ban Cán sự đảng Bộ phê duyệt Kế hoạch thực hiện Đề án và gửi các đơn vị thuộc và trực thuộc Bộ triển khai tại cơ quan. Căn cứ vào tiêu chuẩn cán bộ trẻ của Đề án, tập thể cấp ủy, lãnh đạo đơn vị và người đứng đầu tổ chức đoàn thể của đơn vị sử dụng cán bộ tiến hành họp, rà soát, đánh giá, đề xuất cán bộ trẻ tham gia Đề án thông qua Phiếu giới thiệu. Cán bộ đạt từ 50% tín nhiệm đồng ý trở lên thì được đề xuất vào danh sách tham gia tuyển chọn cán bộ trẻ của Đề án.

Trên cơ sở kết quả Phiếu giới thiệu, cơ quan sử dụng cán bộ lập danh sách và gửi hồ sơ đề xuất về Vụ Tổ chức cán bộ, Bộ Nội vụ.

Bước 2: Tuyển chọn cán bộ

Vụ Tổ chức cán bộ tham mưu, trình Bộ trưởng, Bí thư Ban Cán sự đảng Bộ quyết định thành lập Hội đồng tuyển chọn cán bộ tham gia Đề án với số lượng 05 hoặc 07 thành viên. Hội đồng tuyển chọn cán bộ bằng hình thức chấm thi trình bày chủ đề và phỏng vấn, cụ thể như sau: a) Hội đồng quyết định danh mục chủ đề phục vụ công tác tuyển chọn cán bộ Đề án. Chậm nhất trong thời hạn 10 ngày làm việc tính từ ngày cán bộ bốc thăm chủ đề, Hội đồng tuyển chọn tiến hành họp và chấm thi trình bày chủ đề và phỏng vấn. b) Thời gian trình bày chủ đề tối đa 15 phút. Thời gian trả lời các câu hỏi chất vấn liên quan đến chủ đề 30 phút. c) Điểm trình bày chủ đề được chấm theo thang điểm 100, cơ cấu điểm gồm 03 phần: (1) Viết chủ đề: 30 điểm; (2) Trình bày chủ đề: 40 điểm; (3) Trả lời câu hỏi phỏng vấn và xử lý tình huống: 30 điểm.

Kết quả điểm thi là trung bình cộng điểm của các thành viên Hội đồng tham gia chấm thi. Trường hợp có thành viên Hội đồng cho tổng số điểm chênh lệch (cao hơn hoặc thấp hơn) từ 20% trở lên so với điểm trung bình cộng thi điểm của thành viên này không được chấp nhận và kết quả được tính là điểm trung bình cộng của các thành viên còn lại.

Bước 3: Thông qua danh sách

Trên cơ sở kết quả điểm thi trình bày chủ đề và phỏng vấn, Vụ Tổ chức cán bộ báo cáo Ban Cán sự đảng Bộ xem xét, phê duyệt danh sách kết quả điểm của cán bộ. Cán bộ đạt từ 70 điểm trở lên thì được công nhận đủ điều kiện, tiêu chuẩn tham gia Đề án. Trong trường hợp, số lượng cán bộ đủ điều kiện, tiêu chuẩn vượt quá số lượng tạo nguồn lãnh đạo, quản lý của từng giai đoạn thì lựa chọn theo thứ tự điểm từ cao xuống thấp và nếu các cán bộ có số điểm bằng nhau thì lựa chọn theo thứ tự ưu tiên tại điểm 3.3, khoản 3, Mục II của Đề án. Ban Cán sự đảng Bộ xem xét, thông qua danh sách cán bộ trẻ của Đề án.

Hồ sơ cán bộ trẻ tham gia Đề án, bao gồm: (i) Văn bản đề nghị giới thiệu cán bộ trẻ của cơ quan, đơn vị sử dụng cán bộ (kèm danh sách trích ngang của cán bộ). (ii) Sơ yếu lý lịch do cán nhân tự khai theo mẫu quy định, được cơ quan trực tiếp quản lý xác nhận, có dán ảnh màu khổ 4x6, chụp trong thời gian không quá 06 tháng tính đến thời điểm nộp hồ sơ. (iii) Bản sao các văn bằng, chứng chỉ. (iv) Bản nhận xét, đánh giá, xếp loại chất lượng trong thời gian công tác tại cơ quan, đơn vị. (v) Bản nhận xét, đánh giá của tập thể lãnh đạo cơ quan, tổ chức

về phẩm chất đạo đức, lối sống, ý thức tổ chức kỷ luật, đoàn kết nội bộ, về năng lực công tác, kết quả thực hiện chức trách, nhiệm vụ được giao và (vi) Biên bản kết quả kiểm phiếu Phiếu giới thiệu cán bộ của cơ quan, đơn vị sử dụng cán bộ.

Lộ trình thực hiện

Giai đoạn 2023 - 2026, trình Ban Cán sự đảng Bộ phê duyệt: Kế hoạch triển khai Đề án; Kế hoạch tuyển chọn, giới thiệu nhân sự tham gia Đề án; phối hợp, hướng dẫn các cơ quan, đơn vị, lựa chọn, giới thiệu, đề xuất công chức, viên chức tham gia Đề án bảo đảm tiêu chuẩn, điều kiện theo đúng quy trình, quy định; Kế hoạch và tổ chức thực hiện bồi dưỡng ở trong nước và nước ngoài đối với cán bộ trẻ của Đề án; Kế hoạch lựa chọn một số cán bộ của Đề án để điều động, biệt phái giữa các cơ quan, đơn vị của Bộ nhằm rèn luyện, thử thách qua thực tiễn. Sơ kết, đánh giá tình hình thực hiện Đề án giai đoạn 2023 - 2026.

Giai đoạn 2026 - 2030, tiếp tục rà soát, tuyển chọn cán bộ trẻ tham gia Đề án; tiếp tục xây dựng, trình Ban Cán sự đảng Bộ phê duyệt Kế hoạch đào tạo, bồi dưỡng trong nước và ngoài nước; điều động, biệt phái đối với cán bộ trẻ của Đề án. Tổng kết, đánh giá tình hình thực hiện Đề án cả hai giai đoạn.

Đề án yêu cầu xây dựng, tạo nguồn cán bộ trẻ là khâu đột phá của công tác cán bộ nhằm bảo đảm sự chuyển tiếp liên tục, vững vàng giữa các thế hệ cán bộ. Đào tạo, bồi dưỡng toàn diện, thiết thực, hiệu quả, phù hợp với từng đối tượng nhằm nâng cao năng lực đội ngũ cán bộ trẻ của Bộ. Tích cực, chủ động phối hợp với các cơ sở đào tạo, bồi dưỡng trong nước, nước ngoài có uy tín, kinh nghiệm về bồi dưỡng kiến thức, kỹ năng lãnh đạo, quản lý; bồi dưỡng kiến thức, kỹ năng liên quan đến các lĩnh vực quản lý nhà nước của Bộ; xây dựng kế hoạch đào tạo, bồi dưỡng phù hợp, sát với từng đối tượng của Đề án. Đồng thời, thực hiện việc đánh giá, sàng lọc cán bộ trẻ sau đào tạo, bồi dưỡng, gắn với công tác quy hoạch, bố trí, sử dụng, bổ nhiệm cán bộ.

Anh Cao - Cổng thông tin điện tử Bộ Nội vụ

NHÂN SỰ MỚI CÁC BỘ, NGÀNH, ĐỊA PHƯƠNG

* Bộ Chính trị:

TS. Lại Xuân Môn, Ủy viên Ban Chấp hành Trung ương Đảng, Phó Trưởng ban Thường trực Ban Tuyên giáo Trung ương được phân công, bổ nhiệm kiêm giữ chức vụ Chủ tịch Hội đồng Khoa học các cơ quan Đảng Trung ương nhiệm kỳ 2021 - 2026.

* Bộ Ngoại giao:

Bà Đoàn Phương Lan, Phó Cục trưởng phụ trách Cục Quản trị Tài vụ được giao nhiệm vụ Quyền Cục trưởng, Cục Quản trị Tài vụ.

Bà Phạm Thu Hằng, Phó Vụ trưởng phụ trách Vụ Thông tin Báo chí được giao nhiệm vụ Quyền Vụ trưởng, Vụ Thông tin Báo chí kiêm Người phát ngôn Bộ Ngoại giao.

Bà Nguyễn Phương Trà, nguyên Đại sứ, Phó Trưởng Phái đoàn, Người thứ Hai, Phái đoàn Đại diện Thường trực Việt Nam tại Liên Hợp Quốc, kết thúc nhiệm kỳ về nước được tiếp nhận, điều động giữ chức vụ Phó Vụ trưởng, Vụ Trung Đông - châu Phi.

Ông Lê Công Dũng, nguyên Tham tán Công sứ, Người thứ Hai, Đại sứ quán Việt Nam tại Singapore, kết thúc nhiệm kỳ về nước được tiếp nhận, điều động giữ chức vụ Phó Cục trưởng, Cục Quản trị Tài vụ.

Ông Nguyễn Thành Huy, nguyên Tham tán Đại sứ quán Việt Nam tại Thụy Sĩ, kết thúc nhiệm kỳ về nước được tiếp nhận, điều động giữ chức vụ Phó Cục trưởng, Cục Ngoại vụ.

Ông Nguyễn Vũ Minh, Chuyên viên chính, hoàn thành Tập sự Phó Vụ trưởng Vụ các Tổ chức quốc tế được bổ nhiệm giữ chức vụ Phó Vụ trưởng Vụ các Tổ chức quốc tế.

* Thành phố Hồ Chí Minh:

Ông Trần Phú Lữ, Phó Giám đốc Trung tâm xúc tiến Thương mại và Đầu tư thành phố (ITPC) được bổ nhiệm giữ chức vụ Giám đốc Trung tâm xúc tiến Thương mại và Đầu tư thành phố.

* Tỉnh Đắk Lắk:

Ông Nguyễn Thiên Văn, Bí thư Huyện ủy, Chủ tịch Hội đồng nhân dân huyện Ea Súp được bầu giữ chức vụ Phó Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh nhiệm kỳ 2021 - 2026.

Nguồn: baohinhphu.vn